

I THÁNG 9 NĂM 1971

BACH KHOA

năm mười lăm

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG chức vụ dân cử : lối thoát
buồn phiền • TỪ TRÍ Nam-tư giữa Cộng sản và
Tư bản • HOÀNG VẤN ĐỨC Đông Nam Á, Liên
minh quân sự ? Thị trường chung kinh tế ? Liên bang
chính trị • ? TRẦN NGỌC NINH ánh sáng của Đạo
Phật trong đời sống cộng đồng • PHAN DU con
người và tính hiếu chiến • NGUYỄN VĂN HỮU nghệ
lãnh lựa Tân-Châu • HUỲNH HỮU ỦY nhân dục tập
« Chuyện cổ dân gian miền núi » của Nguyễn Đắc •
TRẦN HUIỀN ẦN ba nụ cười buổi cuối •
NGUYỄN MỘNG GIÁC vẽ đâu • HOÀNG NGỌC
TUẤN tuổi trẻ hư không • HOÀNG LỘC bao giờ
• TRẦN DZA LỮ người mẹ gánh hàng rong • **SINH**

HOẠT TỪ TRÍ • thời sự
thế giới • THU THỦY
thời sự văn nghệ

352

TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỲNH VĂN LANG Thư ký
HOÀNG MINH TUYNH Biên soạn:

TÔN THẮT HÀM

Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU
Chủ bút:

Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BẢO

MỖI SỐ

50đ.

SÁU THÁNG

550đ.

MỘT NĂM

1050đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay
50 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 120 đ.
một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình
Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trưng mục 54.262
Tồng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa, Thời Đại
160 Phan đình Phùng Saigon, Trưng mục 27-46, Trung Khu Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	2000đ
	oOo			
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	800đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc
biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Tạp-chí Bách Khoa, 160
Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Số 352 ngày 1-9-1971

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG chức vụ dân cử : lối thoát buồn phiền	05
TỪ TRÌ Nam-tư giữa Cộng-sản và Tư-bản	17
TRẦN NGỌC NINH ánh sáng của đạo Phật trong đời sống cộng đồng	23
PHAN DU con người và tính hiếu chiến	29
NGUYỄN VĂN HẦU nghề lãnh lựa Tân-Châu	37
HUỲNH HỮU ỦY nhân đọc tập « Chuyện cỏ dân gian miền núi » của Nguyễn Đắc	45
TRẦN HUIỄN ÂN ba nụ cười buổi cuối (bút ký)	53
NGUYỄN MỘNG GIÁC về đâu (truyện)	61
HOÀNG NGỌC TUẤN tuổi trẻ hư không (truyện dài)	71
HOÀNG LỘC bao giờ (thơ).	77
TRAN DZA LỮ người mẹ gánh hàng rong (thơ)	78
SINH HOẠT	
TỪ TRÌ thời sự thế giới	83
THU THUYẾT thời sự văn nghệ	

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
GIÁ : 50đ Công sở : 100đ
Cao-Nguyên và Miền Trung
thêm cước phí máy bay

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Siêu hình tình yêu, siêu hình sự chết** Nguyên tác « *Métaphysique de l'Amour, Métaphysique de la Mort* » của Schopenhauer, bản dịch của Hoàng Thiên Nguyễn do Kinh Thi xuất bản và gửi tặng. Sách dày 240 trang. Giá 260đ.

— **Ảo tưởng** tuyển truyện của Sơn Nam, Nhút Hạnh, Chinh Ba, Thiều Chi, Hồ Hữu Tường, Tuệ Uyển, Võ Phiến do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách in lần thứ 2 gồm 7 truyện đặc sắc của 7 tác giả trên, bìa của Đinh Cường, dày 180 trang. Bản đặc biệt.

— **Dưới vầng hoa trắng** tập truyện của Nguyễn thị Hoàng do Tân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 124 trang gồm 5 truyện ngắn. Giá nhất định 50đ.

— **Con cá mắc cạn** truyện kể của Doãn Quốc Sỹ, bản dịch sang Anh ngữ và minh họa của Võ Đình ấn hành vào dịp 10 năm hoạt động 1962-71 của nhà xuất bản Sáng Tạo. Sách in đẹp khổ $10,5 \times 20$. Giá 50đ.

— **Thú chơi cổ ngoạn** của Vương-Hồng Sên thuộc Hiếu-Cổ đặc san số 3 (tháng 1-71), do tác giả gửi tặng. Sách dày 340 trang gồm 12 bài: Thú chơi cổ ngoạn, Con voi già, Văn Nhược Hư, Thu Tiên, Đỗ Thập nương v.v... Bản đặc biệt. Giá bán

thường: 1.000đ.

— **Quang Học** lớp 11 AB của Nguyễn Trọng Cơ và Trịnh Gia Khánh do Trường Giang xuất bản và các soạn giả gửi tặng. Sách dày 210 trang mỗi bài đều có phần giáo khoa và bài tập. Cuối sách có bài tập ôn, các đề thi Tú tài I đã ra ở Việt Nam và ngoại quốc. Rất nhiều hình vẽ và chụp. Ấn loát rõ ràng, Giá 220đ.

— **Nhận xét về bản dự thảo Luật số 108/69/HP, quy - chế quân-nhân trừ-bị của Lê-Thành-Tuệ** do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách dày 135 trang gồm 2 phần và phần kết luận.

— **Sách thiếu nhi** Mây Hồng: Con chim xanh của Hợp Phố, Mùa thu hoa cúc của Du Tử Lê, Bát canh thơm của Nguyễn Khắc Lộc Mồ côi mẹ của Lý Thụy Ý, Tuổi buồn của mẹ của Nguyễn Thụy Anh mỗi cuốn dày khoảng 160 trang, ngoài phần truyện còn phần « Vui học » có Danh nhân, Khoa học v.v... Giá mỗi cuốn 70đ.

— **Thiếu nhi** số 1, tuần báo của Thiếu nhi Việt-nam ra ngày Chủ nhật do Ô. Nguyễn Hùng Trương làm Chủ nhiệm và nhà văn Nhật Tiến Chủ biên. Tòa soạn: 159 Thiệu Trị (Phủ nhuận Saigon). Mỗi số khổ 21×29 dày 32 trang với rất nhiều mục vui và bổ ích cho các em nhỏ, cùng truyện, tranh, hình. Cộng tác có các nhà văn, nhà giáo danh tiếng. Mỗi số giá 40đ.

— **Mộng thanh bình** tập thơ của Tộn-nữ Hỷ-Khương do Cơ sở Nhân Chứng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 80 trang gồm trên 20 bài thơ, trình bày trang nhã. Giá 100đ.

Chức vụ dân cử: lối thoát buồn phiền

Mùa bầu cử đã tới. Nhưng hình như cái danh từ «mùa» ban đầu để chỉ hiện tượng thiên nhiên đã không có tác động mạnh hơn khi đem dùng cho những tác vụ tuần hoàn nhân sự. Còn trong trường hợp ta bàn tới, có nói đến sự trở lại rộn rịp nơi một nhóm nhân quần nào đó để xác định cái tên thì thay vì «mùa bầu cử», có lẽ phải gọi là mùa «ứng cử».

Và cũng bởi sự ràng buộc ở định nghĩa ban sơ mà mùa ứng cử có một giai đoạn chuẩn bị chuyển tiếp để xóa bỏ dấu vết cũ, dọn đường cho không khí mới. Như ta đã thấy trong mấy tháng qua, sự thanh lọc quả thật bi đát. Không ở đâu mà cái thuyết cạnh tranh sinh tồn của Darwin được áp dụng triệt để như ở đây, lúc này. Người ta cố sức làm bất cứ cái gì để được nổi bật lên, lôi cuốn sự chú ý của quần chúng. Người ta cố sức làm bất cứ cái gì để dim địch thủ xuống. Những danh từ xấu xa nhất về chính trị được gán cho địch thủ — địch thủ mạnh thì bằng các ám chỉ, địch thủ bấp bênh thì chỉ-mặt-đặt-tên, từ cái tên rõ ràng cấm kỵ nhất như là cộng sản, trung lập đến những cái tên mơ hồ, cũ kỹ làm-mới-lại như là : bán nước, tay sai đế quốc, tư bản... có người gượng gạo cho đó là trò chơi

dân chủ, đó là điều làm cho chế độ tự do hãnh diện (nhưng cũng đủ làm cho người không có thói quen nhắm mắt cả tin, phải thắc mắc : «Đời sống dân chủ, vị nhân quần lại bị thảm đến thế sao ?»).

Trò chơi — chơi dao, đứt tay. Có con dao xài đòn nhân dân, pháp lý xua kẻ lưu vong, ấp cho người nằm khám. Có bàn tay của loại máu-không-đông làm tiêu tan thân xác, gây chán động tập thể mang các tên «trọng chàm», «vàng khối», «bach phiến»...

Có người nổi đuôi đám chủ nhân ông da trắng không dùng chữ «trò chơi» mà lại trích thượng gọi những hoạt động đó là cuộc tập sự dân chủ. Dùng từ ngữ này, người ta dễ tự lừa gạt bằng một ý thức đứng đắn và do đó dễ tự tha thứ khi gặp xáo rộn, lăm lăm. Đi theo con đường nào đi nữa thì quá khứ vẫn bị mặt sát là phong kiến, chuyên chế, độc tài, kẻ cả cộng sản nữa... Cho nên, dân chúng bị bịt mắt lâu ngày, phải mở cho họ thấy đời sống mới. Phải nhét vào tay họ những lá phiếu, tuy rằng họ còn chập choạng, còn đồ đom đóm, còn ừ tai, còn xiềng liềng... Sai lầm là tại dân chúng, không phải tại lẽ lối tập sự 3, 4 năm một lần tái diễn đâu !

Thực ra trong mô thức sinh hoạt

dân cử cúp của xã hội dân chủ Tây phương người ta đã thiếu một yếu tố nòng cốt : sự hoạt động đặc lực của các chính đảng.

Sự sa sút của các chính-đảng ở Miền Nam là điều không phải bàn cãi. Đảng ăn xổi ở thì tiêu biểu nhất là các loại chính đảng, liên minh ngoại vi của chính quyền, thành lập ồn ào rầm rộ đề ủng hộ một nhân vật nắm chính quyền. Các đảng phái quốc gia, có ít nhiều thành tích tranh đấu từ xưa, thường mắc trong mối lưỡng lự bị lôi kéo giữa sự khắc khổ chịu đựng trong một đường lối dân tộc và mối hấp dẫn của một đời sống tư sản (tầm gỏi) nghênh ngang ở những đô-thị nằm mọc trên xác chết chiến tranh. Bởi vậy các thành phần trẻ hết chê đám ông nội, ông ngoại mình là tranh đấu không đường lối chính trị nào ngoài lòng ái quốc vị quốc, thì họ cũng lại chê luôn đám cha chú mình đang « lợi » trong việc tìm tòi những phương thức sa đọa đề vào chính quyền chia chác. Bệnh cá nhân chủ nghĩa trầm trọng cũng có trách nhiệm phân-hóa các hệ-phái. Và phải nói rằng lẽ lối tranh đấu của người Cộng sản cũng đã là chất kích-thích, sự kết-tập đối-kháng của các đảng phái quốc-gia hướng đến một mục-tiêu chính-trị, xã-hội vượt trên các tham vọng cá nhân. Nhưng ngoài những tính duyên-hải cực bắc và miền giữa — lại thêm bằng cứ cho nhận xét vừa nêu trên — quả là hiếm thấy những hoạt động có lực lượng

quần chúng của đảng phái đã có thể hậu thuẫn cho người đại diện đích thực, trừ cái loại đại-diện mà có người đã vui đùa bảo là đại-diện đảng Gia-đình : ông cha được 3 lá phiếu, 1 của mình, 1 của vợ và 1 của con.

Chống đối lại một cách vô ý thức các thế lực kinh tế tư bản, quốc tế, khuynh hướng hoài cổ lại phục hồi trong các mô lý thuyết thần bí về nguồn gốc dân tộc, về sự bất tử của người cầm đầu — « người anh cả không phải bị Cộng-sản giết, không phải bị mất tích, không thể nào ở vào tình trạng hủy diệt như vậy được, người anh cả chỉ lánh mặt, đi xa trong một thời gian, rồi sẽ trở về », y như câu chuyện của vị Gáo chủ nào đó trên xứ Palestine xa xôi, gần 2.000 năm trước đã được chế tạo bởi anh chàng thợ da đồ đệ vậy. Dấu vết « hội kín » Đông phương hiện hiện trong sự kiện này làm trầm trệ ngăn cản Đảng phát triển, một khi Đảng phủ nhận sự tiếp trợ tim óc từ bên ngoài. (Đảng Cộng sản Đông Dương được một không khí quốc tế lôi kéo phát triển, nhưng rõ ràng là một hội kín và vì phải chịu sự đối kháng quốc tế quá lớn rộng nên dù đã tự thành lập được chính quyền, có đất đai, nó vẫn còn là một hội kín, hội kín tinh vi nhất của thời hiện-đại).

Từ trong khuynh hướng « hội kín » thần bí này, ta giải thích được tại sao các tôn giáo lại thay thế được đảng phái ở Miền Nam. Quyền lợi kết hợp con người với nhau nhưng

nếu không có lòng tin thì quyền lợi lại là yếu tố phân rẽ mạnh nhất. Các tôn giáo có tổ chức thể tục đủ lợi lộc để chiêu dụ người theo. Các tôn giáo giữ vững được lòng tin của tín đồ : mức độ sai lầm của cán bộ ở đây đã rút đến mức tối thiểu vì là đại diện thiêng liêng của lãnh tụ — lãnh tụ không thể sai lầm được không phải vì họ không sai lầm nhưng vì thực là thiên nan vạn nan để xét những người đã chết, ở tận đâu đâu, bao bọc bằng một thứ hào quang thần bí, làm sao biết họ sai lầm được !

Tiến triển theo các lẽ lối thể tục, các tôn giáo thường hay chọn những người thay mặt đoàn thể mà hành xử. Nhưng nhược điểm của sự dẫn thân chính trị của các tôn giáo là tính chất xuất thế của họ. Tính chất này là đặc tính không thể chối bỏ được cho dù với một tổ chức thể tục chặt chẽ như Thiên-Chúa giáo. Tính chất này cũng cung cấp luận cứ công kích Phật-giáo Việt-Nam bây giờ : « Thầy Chùa gì mà đi xe hơi, áp phe, kinh doanh ; sao không bắt chước người xưa tương với rau ? » (Luận cứ bảo-thủ đến mức bài bác bằng tay cái thực tế bi đát của T.T. Đức - Nghiệp : « Lấy gì nuôi sư vắng ? »). Lợi điểm của tính chất xuất thế là tạo cho tôn giáo một vị thế trọng tài, nghĩa là ít ra trên bề mặt khó tương hợp với tính chất phe phái của chính trị. Các nhà lãnh đạo tinh thần thường ngỡ trước

sự lựa chọn sao cho được cả hai lợi thế của vị trí trọng tài và của một đường lối chính trị đi theo ảnh hưởng của mình. Sự ngập ngừng đó làm cho những người ủy nhiệm đại diện không thấy bị ràng buộc nhiều một khi nhờ danh nghĩa tôn giáo mà chen chân vào nghị trường. Và cùng với những lời cuốn sa đọa của một chính trường được dựng lên vì ý muốn đàn cảnh dân chủ, những người này tha hồ tung hoành theo những tác vụ tư lợi.

Sự thất bại của tôn giáo và đảng phái trong việc tạo ra những người đại diện có trách nhiệm, chịu đựng kỷ luật tập-thể để thi hành đường lối chung khiến thấy còn có dồi dào những yếu tố hướng dẫn quần chúng theo những tiêu-chuẩn phi-chính-trị...

...Nhiều người đã ngạc nhiên thấy hình ảnh đầy rẫy các ông y-sĩ trong chính trường, nơi thật là xa lạ với mục đích đào tạo nên họ. Có những yếu tố thời đại tạo nên sự thành công của cả giai tầng này trong đó sự kiện biến loạn, chiến tranh chôn vùi các đồng bọn tốt nghiệp ở các ngành khác. Ông kỹ-sư trong một xứ không sản xuất, phải đi làm thư-lại để lâm vào trường hợp các ông Huyện oai hách một thời lại bị đấu tố từng bưng. Chỉ còn một chừng mực nề vì, trọng đãi là giới y-tế với vai trò cứu người — không phải để « độ thế » mà để « còn người chém giết », và với tước vị đại-học dưới quyền và sống giữa một đám quân nhân chuyên

nghiệp đang nắm quyền điều khiển quốc gia mà đầy mặc cảm vì xuất thân không mấy rõ ràng. (Sự kiện này không phải là một yếu-tố bất lợi cho sự thăng-tiến của tập thể quân sự vì yếu tố liêu lĩnh, xông xáo không thể tìm được ở những người trí thức có cấp bằng trước khi vào quân đội, vốn không đầy kênh kiệu thì cũng rút rè, thập thò... Và trái lại mặc cảm tự ti thúc đẩy các ông tướng, tá đua nhau nhai cua hàm thụ để cố giật cho được mấy cái bằng Tú tài 3, Tú tài 4 ở Văn, Luật khoa). Danh vị «bác sĩ» do đó không chỉ là một bằng cấp chuyên môn mà được tổng-quát-hóa thành một huyền thoại về kiến-thức bao la của một loại «nho vi bách nghệ» tân thời, có thể làm Tổng-trưởng đủ thứ bộ, hoạt động trong mọi lãnh vực từ hành chánh, thanh niên tới tình báo, an ninh... Huyền-thoại lường gạt ngay cả người trong cuộc, cả tập-thể chỉ-đạo đề Y-sĩ đoàn băng hái ra thông-cáo kêu gọi y-sĩ «có tài đức» ra ứng cử để cứu dân, cứu nước!

Cho nên sự lựa chọn một y-sĩ đồng thân chủ làm đại diện dân cũng là tuân theo một luận-cứ loại-suy thiếu căn bản, áp dụng trong một tình-trạng xã-hội hoang mang mục tiêu chính trị như hiện nay. Có thể kể thêm trường-hợp thăng cử trong Quốc-hội 1967-71 của một cán-sự y-tế, một cán-bộ thông tin và trường hợp tin tưởng thăng cử trong mùa này của một bà bầu cải lương ở Miền Đông...

Nếu bảo rằng xã hội hiện tại quá cứng nhắc thì có vẻ mâu thuẫn với thực tế sôi sục phát triển của giai cấp mới xuất hiện từ các dịch vụ liên quan đến người Mỹ và sự bành trướng mau lẹ của các chức quyền quân sự lan tràn khắp guồng máy điều khiển quốc gia, lấn áp đám công chức xi-vin đã rút rè càng rút rè hơn, đã nhẫn nhục càng nhẫn nhục thêm. Nhưng quả thực sự xáo trộn này tuy có to lớn nhưng vì gây bởi một yếu tố bất thường và giai đoạn — chứng có người Mỹ đang rút đi và người ta cuống quýt mong đợi một thứ dầu mỏ còn nằm đâu đó dưới nước! — Cho nên vẫn còn tự căn bản một sự trì trệ trong cơ cấu quốc gia mang chông chát tính chất phong kiến, thuộc địa. Bằng đủ thứ bức dán ra với các nhãn hiệu «cán bộ» «phù động», «tập sự»... cho đến lúc nào người làm việc nhà nước lấp ló ở hàng công nhật rồi bò qua các hạng a, b, c... để được gọi là công chức chánh ngạch? — Danh vị lại không mấy hấp dẫn dưới sự đe dọa của thời giá sinh hoạt: Ở nhà binh bây giờ phải là các lon «tá» mới coi được được, thật quá xa cái thời ông thượng sĩ đáng nể, đáng sợ. Vậy mà cứ leo chùng chùng theo cái bậc thang trang điểm đáng nghi ngờ giá trị thì chao ơi! mỗi gỏi là mỗi gỏi! Chưa kể cái lệnh nhập ngũ quái ác lôi tuột mấy anh chàng đã nửa đời người thăng tiến trong bậc thang xi-vin, bây giờ nằm ở cái mốc «q ai chào» thấp lè tè, ngược lên ngợp thấy sao, mai đề chập chùng.

Cho nên cái chức vụ dân cử quả là một lối thoát cho họ. Tiền đâu xấu đó, hay là ít tham vọng hơn, muốn bước từng bước một chắc ăn hơn, người ta tập vào các hội đồng xã, tỉnh. Xấu xấu như Hội đồng xã mà cũng có các bông mai dóm ngó tới: món mồi có vẻ dễ nuốt vì có nơi chỉ có 12 ông thì đầu đơn 13 người — và cũng 3 năm hoãn dịch, 3 năm làm dân để «làm» dân chớ chơi đâu! Mùa bầu cử Hạ viện năm nay, 7 ông Binh sĩ quân dịch phải vội vã làm một cuộc đua trong những ngày tự do chót để tranh với 15 ông Đại tá mà sự tiến hay thối không phải là điều phân vân của các kẻ muốn cải mệnh Nha động viên nữa: Thành thì «moa lên đầu toa moa đá xuống» với ông Đại tá, còn bại thì về mặt mù chìm lấp trong hàng triệu người vật vờ theo kiểm tỏa của luật Tổng động viên. Chưa kể nếu mình là con nhà cựu Nghị sĩ, chức quyền rủi ro, gặp tên Sĩ quan bức rức, hăm hè trong bụng: Tao cho mày một ngày nhà binh đủ để về than với Cha: «Tía ơi tía! đi lính có một ngày mà con thấy không chịu nổi thì sao tía lại bắt người ta đi lính đến 10, 12, năm, đi lính không hẹn ngày về?».

Đã nhận ra sự hiện diện miên tục của các thanh kiến phong kiến dựa vào bậc thang giá trị cũ, ta hiểu được sự đau khổ của đám người «giai cấp mới» dưới sự đè bẹp, chèn bai — có lẫn ganh ghét của đám giai cấp cũ và ta hiểu được sự náo nức

quyền mau chóng bằng con đường tuyển cử. «Mua danh 2 vạn...» vốn là chuyện từ đời xưa. Nhưng ở đây đám trọc phú mới quả đã dồi dào tiền bạc đến mức không chỉ bằng lòng ở một vài chức tước hàm. Cái miếng thịt ngoài làng ngày nay quả là hấp dẫn hơn nhiều vì có lấp lánh đô la. Cho nên mùa 1967, ta gặp các đại diện giàu của chiến tranh 45-54, của thời di-cư, còn kỳ này ta nghe ồn ào về tham vọng ông vua cút Sài-gòn, về một ông chủ tiệm cầm đồ miền Tây..., và tất nhiên lúc nào cũng vậy, về các khuôn mặt mặt mại bản Chợ-lớn đã mang quyền lực tiền bạc vào trong các liên danh ứng cử Thượng-viện mới rồi. Con cái những người này đang du học ở ngoại quốc, có thể nếu có thái bình, thập niên sau, hay cuối thập niên này sẽ trở về nắm quyền bính, nhưng chính họ, họ cũng có thể ngay lúc này, tìm danh vị cho họ, ít ra cũng là cái tên «nguyên ứng cử viên...» — Huống chi, như đã nói, sự đắc thủ quyền lợi của một dân biểu chẳng hạn quả là hấp dẫn đến nỗi người ta lăn lung vào. Phương tiện được sử dụng do nhà nước cung cấp hơn của riêng một cá nhân nhiều. Ta cứ so sánh «cái hệ thống quân giai» mỗi mình và đời sống dân sự «tiền» định rộng rãi mở rộng đến những mối liên lạc quốc tế thì ta hiểu được sự bận rộn của mấy ông tá lo đi thi Tham vụ ngoại giao, và lảng xảng ứng cử: từ chức tước có khôn khéo làm ra tiền mà mang áo kaki ủi hồ cứng nhắc

thì đâu có thể đi đây đi đó, bù ch' lúc trước không đi được vì nghèo khó, vì không cha mẹ quyền thế!

Cả một kết cuộc lộn ngược như vậy quả là hiếm có người đủ kiến thức để đối phó với những vấn đề phức tạp của quốc gia — Không đủ khả năng, cả những người sản sinh vì khía cạnh «tiểu trí thức» hiện đại như chúng tôi đã có lần phân tích. Trong khung cảnh không ai chịu, ai tha hồ chỉ trích người, người ta dễ có ảo tưởng tự tôn về khả năng mình có thể thay thế số đông giải quyết sự việc. Nhưng một vấn đề đặt trên bình diện quốc gia cho dù xuất phát từ địa phương, đề giải quyết cho địa phương, cũng phải được xét đoán dưới mọi khía cạnh, đối chiếu với tình trạng ở các địa phương khác — có khi có cả liên can quốc tế nữa. Và thường thường yếu tố hành chánh, chuyên môn đầy cản trở phải được người đại diện dân đem một thái độ cương quyết chính trị vào mới giải quyết xong. Tất nhiên đã không làm được như vậy những người đắc cử bằng các bữa cơm rượu no say dọn đãi cử tri bằng cách tặng những tờ báo khiêu dâm, bằng những đòn phép có tác dụng lôi kéo được quần chúng mà chính mình không có một kiến thức căn bản về những vấn đề sắp phải đối phó ở nghị trường. Danh từ «nghị gât» cùng với những tiểu-danh kèm theo chữ nghị, dân biểu, là một xấu hổ cho nhãn hiệu dân chủ, nhưng thực ra chỉ là kết quả của một tình trạng đương nhiên.

Thực ra để bảo quá cũng thêm phiền hà cho nhà cầm quyền bởi vì như đã nói, cơ quan dân cử ít hay nhiều cũng là điều cần thiết điểm trang cho chế độ. Sự cần thiết đó khiến dung dưỡng một chừng mực hoạt động của người đại diện và một chừng mực nhượng bộ của nhà cầm quyền. Phiền bức gì cũng ráng mà chịu cạo quen! Mấy ông Hội đồng xã quận kể sách đã biết dùng áp lực dân cử của mình đối phó với vị quận trưởng khiến cho động đến sinh mạng ông tướng Bình định vùng IV. Mấy ông Hội đồng tỉnh 1970 chân ướt chân ráo vào nghị trường, còn chút hăng hái dư thừa của những ngày vận động đến quên mất vai trò chỉ là tư vấn của mình, những tay anh hùng ngựa non Sáo đá này cũng quậy lung tung được vài tháng với các màn tố cáo Cảnh sát, Tỉnh trưởng, dẫn dân đi biểu tình... Các dân biểu nguyên Sĩ quan cũng quên phứt một thời «hệ thống quân giai» đã qua nhưng vẫn còn bóng dáng đe dọa «sau 4 năm...», phần lớn lại trở thành những nhà đối lập.

Thái độ chống đối chính quyền thật là dễ hiểu vì nguồn gốc phát sinh của chính quyền, vì những mâu thuẫn xã hội càng ngày càng trầm trọng... Nhưng hẳn là không phải là tên cha căng chú kiết nào cũng có thể tố cáo các điều mâu thuẫn trên, đứng lên hô hào hòa bình trong lúc người ta muốn chiến thắng. Và cũng như ngày xưa, không phải thuộc thành

phần quý tộc thì anh chàng Mirabeau không bốc đồng — cho dù với chút can đảm, đề thách thức đám quân lính của Louis 16. Thành phần quân nhân lãnh đạo quốc gia hiện tại cũng có kẻ chống đối đường lối chính thức đề trở thành hoặc kẻ tử đạo may mắn, hoặc người anh hùng oất đặc dĩ — Báo chí chủ chiến đã tránh né không đập thẳng vào các lời tranh cãi rõ là chủ hòa của các ứng cử viên Tổng Thống 1971 mà chỉ dám nói móc méo hơi hơi thôi. (Lỡ họ còn có đàn em trong quân đội nó p ạt hít đất thì chết!). Dư luận thông thường qua báo chí vẫn theo phép «mềm nắn rắn buông» nên hết sức tránh né tư pháp (lỡ phải đáo tụng đình gặp ông quan tòa mình nhạo nó thì chết!), và công kích hành pháp cho phải phép nhưng rõ ràng là

thả hồ buông thả trong điều tiếng với cơ quan dân cử (con của Dân mà!). Không một mặt nào ở Hạ viện khỏi bị bôi quệt trừ những kẻ khôn khéo tránh né, im hơi lặng tiếng. Người ta hoảng hốt vì sinh hoạt chính trị ở cơ quan dân cử giống như đám quần chúng buông thả hoảng hốt vì một vài tên mẹ mìn vốn thường cũng đã có rồi. Trong cái không khí bất an đó gây bởi khả năng hướng dẫn sinh hoạt dân chủ bình thường không có, người ta vẫn phải đeo chịu đựng các cục bườu dân chủ không cách gì xóa bỏ ngoài sự hủy diệt cả thân xác, có lẽ phải đeo suốt đời, nói như một nhà văn, «một cách buồn phiền».

TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG

18-7-71

ASPRO

trị:
**CÁM CÚM
ĐAU NHỨC**

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PUB. TÂN-TRÍ

KN 226.BYT

ĐÃ PHÁT HÀNH:

CON SÂU

truyện dài DƯƠNG NGHIÊM MẬU

- *tiếng kêu thất thanh của tuổi trẻ mồ côi trên đất nước lửa đạn và xã hội phá sản*
- *hi vọng của tuyệt vọng trong tình bạn, tình yêu, tình người...*

NGUYỄN-ĐÌNH-VƯỢNG xuất bản

N A M - T U

giữa Cộng sản và Tư bản

Trong 25 năm vừa qua Nam Tư là một nước Cộng sản duy nhất đã tiến triển dần dần từ một chế độ Cộng sản thư lại (Communisme bureaucratique) tới một chế độ tư bản tiên bộ. Kinh nghiệm Nam Tư là một kinh nghiệm đặc biệt đã chứng tỏ rằng xã hội cộng sản không phải là một cần thiết của lịch sử như Karl Marx đã tiên đoán.

Thật vậy, sau khi Thế chiến thứ hai chấm dứt, Nam Tư như các quốc gia Đông Âu khác đã rơi vào vòng ảnh hưởng của Nga xô. Cũng như các quốc gia Đông và Trung Âu Nam tư đã thiết lập một chính thể cộng sản đặt trên căn bản của độc tài vô sản. Chính thể «cộng sản thư lại» này kéo dài được 3 năm thì người ta thấy Nam Tư đã vượt khỏi được vòng kiểm tỏa của Nga. Thái độ độc lập của Nam Tư là vết rạn nứt đầu tiên của khối Cộng. Vì vậy mà Staline, cho đến khi chết, không bao giờ tha thứ cho Tito đã cả gan khinh thường quyền lực của Điện Kremlin.

Từ năm 1948 tới năm 1953 khi Staline chết, Nam Tư luôn luôn sống trong đe dọa xâm lăng của Nga. Năm 1955 cặp bài trùng Boulganine và Krou-tchev đã đích thân sang Belgrade để mở màn cho một giai đoạn hòa giải giữa Nga và Nam Tư. Krouchtehev đã chấp thuận cho Nam Tư đi theo một con đường riêng không bắt buộc phải

phù hợp với đường lối do Mạc-tư-khoa vạch sẵn. Với cuộc viếng thăm của Boulganine và Krouchtchev, Nam Tư chính thức đi theo một chủ nghĩa quốc gia cộng sản. Nhưng chủ nghĩa Cộng sản không mang lại cho Nam Tư những kết quả mong muốn, nhất là trong lãnh vực kinh tế vì vậy mà Nam Tư đã dần dần phải áp dụng những luật lệ kinh tế tư bản.

Các diễn tiến này đã dần dần biến Nam Tư của thập niên 1970 thành một quốc gia bán tư bản. Nhưng dù quốc gia cộng sản hay bán tư bản thì Nam Tư từ năm 1948 đã là một cái ung nhọt không ngớt làm tan rã sự thống nhất của khối Cộng sản.

Từ chế độ Cộng sản thư lại đến chế-độ bán tư bản.

Trong cuộc Đệ nhị thế chiến, Nam Tư đã là một trong các quốc gia Đông Âu bị Đức quốc xã cai trị. Nhưng ngược lại với các quốc gia khác trong vùng Nam Tư đã không nhờ Hồng quân Nga giải phóng lãnh thổ vào năm 1945 mà đã tự giải phóng sau một cuộc trường kỳ kháng chiến. Vì đảng Cộng sản Nam Tư, dưới sự chỉ huy của Josif Broz Tito, đóng một vai trò quan trọng nhất nên khi đánh đuổi được quân Đức xâm lăng đảng này đã nắm chính quyền một cách dễ dàng. Và quốc vương Nam Tư Pierre

đã chấp nhận sự thất bại của phe mình không có một cử chỉ đối kháng.

Sau khi thiết lập chính thể Cộng-sản ở Nam-Tư, Thống chế Tito đã mạnh bạo tổ chức kinh tế theo mẫu của Nga-sô. Quyền tư hữu bị hủy bỏ. Các phương tiện sản xuất đều nằm trọn trong tay Nhà nước.

Về phương diện chính trị, Tito đã thành công trong công cuộc tạo nên một cuộc «sống chung hòa bình» cho một dân tộc Nam-Tư gồm có những người thuộc 26 chủng tộc khác nhau. Thật vậy, tại Nam-Tư luôn luôn có sự tranh chấp giữa các sắc dân. Sắc dân Serbes, văn minh hơn, luôn luôn khinh miệt sắc dân Croates cổ lỗ. Ngoài sự tranh chấp Serbes-Croates, người ta còn thấy những cuộc đụng độ giữa các người Macédoine, người Bosnie, người Slovénie, người Công giáo người Hồi giáo v.v. Để hòa giải những quyền lợi, những nguyện vọng trái ngược của các sắc dân này các luật gia Nam-Tư đã nghĩ ra một tổ chức quốc gia rất khéo léo. Theo tổ chức này thì Nam-Tư là một quốc gia liên bang qui tụ 6 cộng-hòa và 2 vùng tự trị. Chính phủ liên bang có quyền hạn không mạnh để các cộng-hòa và vùng tự trị có đầy đủ tự do giải quyết các vấn đề riêng trong nội bộ của họ. Tổ chức này đã thành công như có kỷ luật của đảng Cộng-sản. Đảng Cộng-sản chỉ phối đời sống tại mỗi cộng hòa và vùng tự trị nên đã hòa giải được các đòi hỏi trái ngược.

Nhưng đến năm 1948, Thống-chế Tito không chịu chấp nhận quyền kiểm

soát của Mạc-tư-khoa. Ông bắt đầu có một chính sách độc lập. Vì vậy mà Nga đã cắt viện trợ khiến nền kinh tế trong nước bắt đầu gặp khó khăn. Những khó khăn kinh tế của Nam-Tư chỉ được giải quyết khi Tổng-thống Hoa-kỳ Truman quyết định viện trợ cho Nam Tư.

Chiều hướng chính trị mới của Chính phủ Belgrade cũng đã thay đổi đời sống kinh tế trong nước. Ngay từ năm 1950 các nguyên tắc Mác xít về hoạt động kinh tế đã được áp dụng một cách mềm dẻo. Ngành canh nông lần lần được trao trả cho tư nhân khai thác. Năm 1960 chỉ còn có 12% ruộng đất trong nước là thuộc quyền khai thác của chính phủ.

Trong ngành kỹ nghệ người ta cũng thấy một sự tiến triển tương tự. Tuy trên nguyên-tắc «phương tiện sản xuất» vẫn thuộc quyền sở hữu của Nhà nước, nhưng Nam-Tư còn có rất nhiều xí nghiệp «độc lập» do «Hội-đồng công nhân» quản trị.

Tự do tôn giáo cũng được nói rộng. Nhà thờ La-mã có quyền có ruộng đất và mở trường từ Trung tới Đại học. Đảng Cộng-sản cũng dần dần mất tính cách độc tài và cứng rắn.

Nhưng song song với sự dãn chủ-hóa của chế độ các khó khăn kinh tế lại gia tăng và các cuộc tranh chấp giữa các chủng tộc lại tái xuất hiện.

Năm 1965, chính phủ Nam-Tư lại phải tiến thêm một bước nữa trên con đường tự - do - hóa nền kinh tế trong nước. Thật vậy,

chính sách hoạch định kinh tế cứng rắn được chính thức bãi bỏ và người ta bắt đầu áp dụng chính sách kinh tế thị trường, dựa trên căn bản tự do cạnh tranh. Tự lợi được coi là một yếu tố khuyến khích dân chúng sản xuất.

Kết quả đạt được đã vượt quá mức dự trù. Dân chúng bị tự lợi quyền rũ đã bỏ thái độ lơ là ngày trước để tích cực làm việc. Các cửa hàng đầy chật hàng hóa. Các nhà máy mọc lên như nấm. Trên đường phố xe hơi chạy như mắc cửi. Nam-Tur từ một xứ cộng sản khắc khổ đã bước vào một xã hội tiêu thụ. Vì mỗi ngày người ta chỉ làm việc tới 2 hay 3 giờ chiều, nên các công chức và một số thợ thuyền đã có đủ thì giờ để làm thêm hầu mua sản phẩm tiêu thụ.

Chính sách mới đã khiến cho một thiểu số dân chúng làm giàu. Nhưng chính phủ hy vọng rằng làm như vậy thì sau cùng cả nước cũng được hưởng. Khi du khách ngoại quốc vừa tới ph-trường là bị ngay một số dân bản xứ bao quanh để xin đổi ngoại tệ theo hời xuất chợ đen.

Trong một bầu không khí phồn thịnh như vậy Nam-Tur đã sống quá phượng tiện của mình. Giá cả đã lên 5,3% riêng trong 5 tháng đầu của năm 1971. Xuất cảng tăng gia chậm trong khi nhập cảng gia tăng theo một tỷ lệ lớn hơn, vì vậy mà cán cân chi phí bị thất quân bình một cách thường xuyên. Muốn ổn định tình hình kinh tế, chính phủ chỉ còn cách cấm tăng giá cả, cấm tăng lương và giữ nguyên mức ngân sách. Nhưng những biện pháp này sẽ

gây bất mãn trong dân chúng. Nguyên tắc tự hân đã được áp dụng quá nhanh nên nền kinh tế trong nước bị xáo trộn. Chính sách bán-tự-bản của Nam Tur không những gây nên các xáo trộn trong lãnh vực kinh tế mà còn tạo nên những cuộc khủng hoảng chính trị tại nội bộ Nam-Tur cũng như trong khối Cộng-sản. Vì vậy mà thí nghiệm Nam Tur đã trở thành một cái ung nhọt của thế giới Cộng-sản.

Nam-Tur, một ung nhọt của khối Cộng-sản.

Vào cuối năm 1970 và đầu năm 1971, Nam-Tur chìm trong một bầu không khí khủng hoảng. Các sắc dân trong nước sau bao năm chôn chặt những thù hận, những bất đồng ý kiến đã lợi dụng quyền tự do mới để nổi lại các cuộc tranh chấp cổ truyền. Các nhân vật chính trị cao chấp nhất trong nước thi nhau chỉ trích chính quyền. Giới sinh viên tố cáo Nhà nước phản bội xã hội chủ-nghĩa. Dân chúng xì xào nói về sự bất lực của một chính quyền không chặn nổi sự gia tăng mau lẹ của giá cả. Thợ thuyền đình công tranh đấu. Người ta có cảm tưởng rằng sau hơn 20 năm trời đối phó với các đe dọa của Nga sô, Nam-Tur đang bước vào một tình trạng tan rã.

Trong một nước cộng sản bầu không khí khủng hoảng này là một hiện tượng hết sức bất thường. Thật vậy tại các nước cộng sản khác kể cả Nga, các khó khăn, các cuộc "Cách mạng trong hoàng cung", các âm mưu đảo chính luôn luôn xảy ra. Nhưng bao giờ những sự

việc đó cũng được giữ kín chỉ có các cấp lãnh đạo tối cao biết mà thôi. Ngược lại tại Nam tư, các cuộc khủng hoảng này được phơi trần trước công chúng, được dư luận trong và ngoài nước sôi nổi bàn bạc. Tình trạng của Nam Tư hiện thời giống như tình trạng của các nước tư bản khi bị khủng hoảng.

Để giải quyết các cuộc khủng hoảng chính trị cũng như kinh tế, Thống-chế Tito đã dùng những biện pháp tương tự như những biện pháp của các nước tư bản tự do. Tháng 9-1970 Ông loan báo quyết định tu-chính Hiến-pháp và cải tổ guồng máy chính quyền. Sau nhiều tháng nghiên cứu và bàn cãi ngày 29.7.1971. Quốc Hội Nam Tư đã chấp thuận một hiến pháp mới. Theo hiến pháp này thì chức vụ Chủ tịch nhà nước thay vì là trao cho một người, từ nay được trao cho một Ủy ban lãnh đạo gồm có 22 người. Trong Ủy ban này tất cả các Cộng hòa và vùng tự trị trong nước đều được đại diện. Mỗi Cộng hòa cử 3 người vào Ủy ban lãnh đạo, mỗi vùng tự trị cử hai người. Trên nguyên tắc. Ủy ban nhóm họp cử ra một vị chủ-tịch Ủy ban để giữ chức vụ Quốc trưởng Nam-Tư trong nhiệm-kỳ 1 năm. Và lần lượt mỗi Cộng hòa và vùng đều phải có người của mình được cử làm Chủ tịch Ủy ban lãnh đạo. Nhưng người ta đặt ra một biệt lệ cho Thống chế Tito. Tito sẽ được cử làm Chủ tịch Ủy ban cho tới khi ông rút khỏi chính trường.

Sau khi các tu-chính-án được ban hành, Thống chế Tito được Quốc hội đồng-thành bầu làm chủ-tịch Nam-

tư trong một nhiệm kỳ 5 năm nữa. Đây là lần thứ sáu mà ông được bầu vào chức vụ này. Tito năm nay đã 79 tuổi và đã nắm chính quyền trên một phần tư thế kỷ. Khi ông còn sống, uy tín riêng của ông còn có thể tạo dựng tình đoàn kết quốc gia giữa các sắc dân khác nhau. Nhưng khi ông chết thì không còn nhân vật nào có đủ uy thế để có thể duy trì sự thống nhất quốc-gia giữa hàng chục sắc dân nữa. Khi thiết lập Ủy-ban lãnh đạo, Thống-chế Tito hy vọng rằng cơ-quan này, với phương pháp làm việc tập-thể, có thể hòa-giải được mọi nguyện-vọng trái ngược của các vùng khác nhau và các sắc dân khác nhau.

Ngoài ra để hữu-hiệu-hóa guồng máy chính-quyền ông lại còn dùng hai biện-pháp song song Biện-pháp thứ nhất là tăng cường và củng cố nội-các. Nội-các có thêm quyền hạn để đề nghị và thi hành đường lối quốc gia. Các Tổng Trưởng có quyền đặt vấn-đề tín nhiệm trước Quốc-hội và có quyền từ chức để làm áp lực với Quốc-hội. Lề lối làm việc này giống hệt như lề lối của một chế-độ dân-chủ đại-nghị. Biện-pháp thứ 2 là giảm quyền của đảng Cộng-sản vì trong khi trao cho Nội các quyền thiết lập chính-sách dưới sự kiểm soát của Quốc-hội thì đảng Cộng-sản không còn có sáng kiến chính trị nữa. Quyền kiểm soát của đảng cũng yếu kém và chỉ có tính cách hoàn toàn gián tiếp. Những biện pháp tu chính hiến-pháp mới nhất đã đưa Nam-Tư tiến thêm một bước nữa tới một chính-thể tư-bản, tự do và đại-nghị. Các cải-tổ chính-trị này đã bổ túc cho những biện-

pháp kinh-tế tư-bản hóa để đưa Nam-Tur càng ngày càng xa khỏi Cộng sản. Thí-nghiệm Nam-Tur lại còn chứng minh rằng quan điểm của Karl Marx sai sự thực. Thật vậy Marx đã cho rằng thế-giới bắt buộc phải tiến triển tới xã hội Cộng-sản. Xã hội Cộng sản theo Marx là một điều tất yếu của lịch-sử. Tito đã chứng minh ngược lại. Từ một xã hội Cộng-sản, Nam-Tur đã chuyển sang một xã-hội bán tư-bản!

Thí-nghiệm Nam-Tur đe dọa sự vững chắc của khối Cộng-sản, Khối này đã rạn nứt nhiều với chính sách thân hữu Hoa-kỳ — Trung-Cộng. Nếu Nam-Tur lại tách khỏi khối Cộng-sản nữa thì Nga-sô ngại rằng nhiều nước Cộng-sản Đông-Âu như Lỗ-ma-ni và Albanie sẽ tiếp tục theo Nam-Tur trên con đường dân-chủ-hóa.

Vì vậy mà Nga đang cố gắng tìm cách ngăn chặn Nam-Tur trên con đường tư-bản-hóa. Bằng những bức thư cảnh cáo của Brejnev, bằng những biện-pháp dọa nạt xâm lăng, Nga-sô muốn cấp thời chữa trị cái ung nhọt Nam-Tur để trừ hậu họa cho khối Cộng-sản Âu-Châu.

Nhưng những toan tính của Nga không mang lại được những kết-quả mong muốn trong khối-vận chính-trị hiện tại. Trung-Cộng bằng chính sách

thân hữu với Mỹ đã củng cố được địa vị của mình trên thế giới. Với uy tín mới, Trung-Cộng sẽ không ngần ngại ủng hộ Nam-Tur trong cuộc tranh đấu giành độc lập. Hơn nữa từ nhiều năm qua Nam-Tur cũng cấu kết khá chặt chẽ với Hoa-kỳ. Sau hết Nam-Tur lại còn có sự yểm trợ của các nước lân cận như Lỗ và Albanie. Người ta đang nói rất nhiều đến một liên-minh giữa Nam-Tur, Lỗ và Albanie. Từ năm 1961 tới nay Nam-Tur lại còn là một nước lãnh đạo của khối phi-liên-kết. Do đó nếu Nga ra mặt chống Nam-tur khi họ sẽ mất khách hàng trong khối phi-liên-kết. Ung nhọt Nam-Tur. Nga khó mà chữa trị nổi.

oOo

Thí nghiệm Nam-tur là một thí nghiệm được khối Đệ-tam thế-giới chú trọng tới nhất. Vì đây là một mưu toan dung hòa Phương-thức phát-triển kinh-tế Cộng sản và các định-chế dân-chủ tư-bản. Nếu Nam-tur thành công, có lẽ một số lớn quốc-gia Á-Phi sẽ thử thí-nghiệm này. Nhưng nếu Nam-tur thành công thì đó sẽ là một mối đe dọa lớn hơn nữa cho khối Cộng-sản. Trong tương lai Nam-tur cũng có thể trở thành một yếu-tố hòa giải hai thế-giới Cộng sản và tự do :

TỪ TRÌ

Phân ưu

Được tin Thúc Tồ của nhà văn VÕ-PHIẾN đã thất lạc tại Saigon ngày 18-8-1971 vừa qua, xin trân trọng chia buồn cùng Anh Chị Võ Phiến và tang quyến, và xin cầu nguyện hương hồn Cụ sớm tiêu điều nơi Cõi Phật.

Lê Ngộ Châu và các văn-hữu cộng tác với Tạp chí Bách Khoa

Sách Báo mới

— **Quốc Văn lớp 6** của Thế Uyên Nguyễn Kim Dũng do Thái Độ xuất bản trong tủ sách Giáo khoa — Sách dày 300 trang. Giảng văn, Luận văn, Chính tả, Văn phạm soạn theo chương trình cập nhật hóa và theo một phương pháp rất mới mẻ có nhiều trích dẫn các bài văn của tác giả V.N và ngoại quốc, nhất là các nhà văn đương thời. Giá 250đ.

— **Tiên cũng lỗi làm truyện tuổi thơ** của Minh Quân do Hoa-Phượng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 120 trang, in đẹp, nội dung rất hợp với các thiếu nhi. Giá 80đ.

— **Chú bé lênh đênh** truyện thiếu nhi của Vũ Duy, do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Truyện phóng tác rất hấp dẫn dày 118 trang. Bản đặc biệt. Giá 60đ.

Siêu cảm tuyển tập thơ của Lê Quân và Thương Thương do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách dày 128 trang gồm 3 phần và 46 bài thơ, Hà Huyền Chi đề tựa: «Thơ, mỗi đêm mê thứ nhất của Lê Quân». Bản đặc biệt. Giá 200đ.

Dấu bụi hồng tập thơ của Kim Tuấn do Minh Đức xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 48 trang khổ 10×21 gồm 18 bài thơ in trên giấy hồng, «Vào thơ»... của L.M. Hoàng Đức Oanh và đặc biệt có bài trần tình 1971 của tác giả. Giá 60đ.

Thái bình trả lại thi tuyển của Trung Phong, do Chim Việt xuất bản và gửi tặng. Sách dày 80 trang gồm 19 bài thơ của tác giả «Một thế-kỷ mấy vần thơ». Giá 140đ.

Cho tương lai bắt gặp tuyển tập thơ do nhóm trẻ Hàn Giang Đà

Nẵng ấn hành, dày 80 trang gồm hơn 40 bài thơ của các tác giả: Ngô Anh Phương, Nguyễn Đông Giang, Tô Như Châu, Trịnh Hoài Nhân, Hoàng Mai Châu, Thuận Lê Ngọc, Vũ Bảo Mạc Sĩ Luân, Lê Hoàng Trang. Bản đặc biệt. Giá 120đ.

Mắc Cạn tập truyện của Trần Yên Thảo do cơ sở xuất bản Từ Thức ấn hành và gửi tặng. Sách dày 114 trang gồm 5 truyện «mô tả thế kẹt điều đứng của những người V.N. nhục nhằn thống khổ». Bản đặc biệt. Giá 150đ.

Mưa lá me của Nguyễn thị Xinh do Phượng Thảo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 62 trang gồm 2 phần: thơ và truyện. Bản đặc biệt. Giá 100đ.

Chiều hôm lỡ chuyến nguyên tác Gogo No Eiko của Mishima Yukio Đỗ Khánh Hoan và Nguyễn Tường Minh dịch từ nguyên tác, do Sông Thao xuất bản và gửi tặng sách dày 238 trang. Giá 260đ.

Kỹ thuật tập-san kỹ-niệm niên-khoá 1970-71 của trường Trung-học Kỹ-thuật Nha-Trang, khổ 21×28 dày 80 trang gồm 4 phần: Quan điểm, Tài liệu, Văn nghệ và Sinh hoạt, với nhiều hình ảnh của trường Kỹ-thuật Nha trang.

— **Phố người** tập truyện của Mộng Viên Long, Đỗ Bàn xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 3 được xuất bản của tác giả gồm 6 truyện đặc sắc nhất, ấn loát đẹp. Bản đặc biệt.

— **Dư vang nghệ thuật** Tiểu luận lí thuyết phê bình thi ca của Trần Nhựt Tân do nhà xuất bản Hạnh ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 328 trang gồm 4 phần. Giá 390đ.

Ánh sáng của Đạo Phật trong đời sống cộng-đồng

(tiếp theo BK. số 351)

Ý thức xã hội trong Phật giáo

Sự phục hưng của Phật giáo đáp lại một số những nguyện vọng của nhân loại ở giữa thế kỷ thứ hai mươi. Thời đại của chúng ta đã nhìn thấy sự sụp đổ của Âu châu, nơi mà trong chưa đầy một đời người, hai trận thế chiến khốc liệt đã được gây ra. Thời đại của chúng ta đã nhìn thấy mãnh lực của những vũ khí tối tân và tánh cách phi nhân của những phương pháp đoàn-ngũ-hóa quần chúng. Thời đại của chúng ta đã nhìn thấy cái mỏng manh của định mệnh dành cho con người, cái phi lý của sự sống hiện tại, và những cơ cấu trói buộc trí thức của ta. Vì tất cả những lý do ấy, hơn bao giờ hết, người ta khát vọng hòa-bình, người ta mơ tưởng tự-do, người ta mong ước công-bằng. Người ta muốn xây dựng xã hội lý-tưởng cho loài người với những ước nguyện ấy, ở ngay trên thế giới này.

Nhưng chủ nghĩa nào, ý-thức-hệ nào có thể đem lại những căn bản cho xã-hội lý-tưởng? Những người bỏ hữu ngạn «tư bản chủ nghĩa» để chạy sang tả ngạn «xã hội chủ nghĩa» đều đã thấy rằng cả hai bờ đều phi nhân, cả hai bờ đều đưa con người đến chỗ hủy thê. Tư tưởng thuần lý

đã tạo ra những đe dọa mới của đời sống máy móc, của khí giới tối tân của sự cưỡng ép tâm lý, của những quần chúng bạo động, và đã hoàn toàn thất bại trong sự giải phóng con người khỏi sự thiếu thốn, sự sợ-hãi, sự ghen-ghét, sự đau khổ. Xã hội xây dựng bởi lý trí mà thiếu từ tâm vẫn còn nguyên những mầm mống chia rẽ và tranh chấp.

Sự phục hưng cận đại của Phật giáo bắt đầu với một việc đã làm chấn động thế giới: Ngày 14-10-1956, 500.000 người Ấn vô-thể-cấp, những người cùng-dân sống ở ngoài lề của xã hội, dưới sự hướng dẫn của Tiến sĩ Ambedkar, đã qui v Phật giáo trong một buổi lễ tập thể vĩ đại tại Nagpur, Ấn độ. Việc này đáng được kể lại một cách rành mạch hơn: Ấn độ là một xã hội có thể cấp (varna), người Anh dịch là cast nghĩa là khuôn. Đây là một tập tục khởi thủy từ thời người Aryan đem đạo Bàlamôn (Brahman) chinh phục nước Ấn, vào khoảng hơn 5000 năm trước đây. Từ 4 thể-cấp lớn đầu tiên, nay thành ra cả ngàn thể cấp: ai sinh ra trong thể-cấp nào thì vĩnh viễn ở trong thể-cấp đó, và sự thuộc về một thể cấp truyền từ đời nọ sang đời kia, người trong thể-cấp này không được sinh hoạt, ăn uống, đi đứng, làm việc và lấy người thuộc một thể-cấp khác. Thể-

cấp không những có tính cách xã hội mà còn có tính cách tôn giáo; khi đạo Balamôn biến thành Ấn-đô-giáo, thế-cấp vẫn giữ nguyên vẹn tính cách bất di bất dịch ấy.

Bên lề các thế-cấp có bọn vô-thế-cấp, dòng dõi của bọn nô-lệ, bọn người bị chinh-phục, là những người bị tôn-giáo ruồng bỏ. Những người này còn được gọi là những kẻ không-ai-được - đụng - chạm - tới (Harijan, Intouchables). Sự đụng chạm với những người này bị coi là một sự dơ-bẩn làm cho kẻ có sự đụng-chạm cũng bị loại ra khỏi thế-cấp của mình và làm cho linh-hồn vĩnh-viễn không thể siêu-thoát được sau khi chết. Ngay cả uy-tín của thánh Gandhi cũng không mở được cửa các đền thờ cho bọn người vô-thế-cấp.

Tiến-sĩ Ambedkar, một người Thiên-Chúa giáo, đã hướng về các Giáo-hội Công-giáo và Tin-lành trước, nhưng chỉ có được sự thiện-cảm mà không được sự hưởng-ứng. Nhưng khi ông nói về tình-cảnh của những người vô-thế-cấp với các nhà lãnh-đạo Phật-giáo ở Miến-điện và Tích-lan và bày tỏ ước vọng của ông là làm giảm bớt một phần nào nỗi đau khổ vật-chất và tinh-thần của hơn 4 triệu người vô-thế-cấp ở Ấn, thì được một sự khuyến-kích nồng-nhiệt.

Ông được nhắc rằng: Chính Đức Phật cũng đã nói rằng Cõi Niết-Bàn mở cho tất cả mọi người không phân-biệt thế-cấp. Cuộc

hành lễ vào đạo của nửa triệu người cùng-đình nước Ấn, cùng với sự cải-giáo của chính ông Ambedkar và một số trí-thức Ấn đã làm sôi động cả dư-luận thế giới và chính-trường Ấn-độ. Lá cờ của Ấn-độ ngày nay có in hình chiếc bánh xe Pháp luân của Đức Phật, chữ *Dharmacakrapravarttanāya*, — Chuyển Pháp-luân — được đặt trên chỗ ngồi của Tổng-thống Ấn-độ và trong phòng họp của Quốc-hội Ấn; tượng-hình con sư tử của vua Asoka được dùng làm ấn tín của nước Cộng-hòa Ấn; những điều này không phải là vô nghĩa; đó chính là ý muốn trở về với những lý-tưởng xã-hội của Phật-giáo. Như ông Ambedkar đã nói: «Đạo Phật là cái hy-vọng cuối cùng của những người cực khổ»; Cũng chính vì thế mà có thể nói rằng xã-hội chủ-nghĩa của Á-châu bắt nguồn từ ở Phật-giáo.

Đây là một sự-kiện thứ hai đã thúc đẩy sự phục hưng của Phật-giáo: ý-thức xã-hội ở Á-châu gắn liền với giáo-lý của Đức Phật và vì thế đã càng ngày càng cách xa xã-hội chủ-nghĩa ngày nay của Âu-châu, là một chủ-nghĩa xây-dựng hoàn toàn trên duy-vật biện-chứng và duy-vật sử-quan của Marx-Engels.

Ngay từ những năm sau 1950, Đại-hội các Đảng Xã hội Á-châu họp tại Rangoon (Ngưỡng-quảng) đã tuyên bố rằng, mặc dầu chấp nhận sự phân tích của Marx về xã-hội hiện-đại, nhưng vẫn coi những giá-trị tinh-tần của Á-châu và đặc-biệt giáo-lý

của Phật-giáo, là những giá-trị bất-diệt, cần thiết cho sự xây-dựng xã-hội ở Đông-phương. Những kết-luận này đã làm cho các nhà lãnh-tụ xã-hội của Tây Âu như Atlee, Bevan, phải sửng sốt.

Song song với những nghiên cứu có tánh cách lý thuyết của các học-giả Đông Tây và những hoạt-động của các nhà lãnh-đạo chánh trị ở các nước Phật-giáo, nhứt là ở Tích-lan, Miến-điện, Nhật-bản và Thái-lan, quần chúng quảng đại của Đông Nam Á-châu cũng đón nhận những tư tưởng xã-hội tiến-bộ một cách nồng-nhiệt. Phật-giáo được Quốc-hội Miến nhận là Quốc-giáo năm 1961, và năm 1962 chánh phủ Ne Win công bố « Đường lối của Miến-điện để xây dựng xã-hội chủ-nghĩa », trong đó phần ý-thức-hệ lấy giáo-lý Phật-giáo để tổng hợp những ý-niệm dân chủ theo Tây-phương và những quan niệm xã-hội của Marx.

Ở Nhật-bản, sự đột khởi của Đảng Soka Gakkai, từ số 500 đảng-viên năm 1940, đã dựng lên một tổ chức vĩ đại với 6 triệu đảng viên thuộc mọi tầng lớp nhân dân năm 1960, gồm 20 triệu đảng-viên năm 1970, là một hiện-tượng trọng đại đe dọa trực tiếp những đảng Cộng-sản và Xã-hội liên kết với Cộng-sản. Ở khắp mọi nơi trong khu vực Phật-giáo của Đông Á, ý-thức xã-hội được khêu lên thành một ngọn lửa mới đồng thời với ý-thức một Á-châu-tích của con người ở đây, và đẩy lui những xã-hội chủ-nghĩa duy-vật của Tây-phương.

Ý-thức xã-hội trong Phật-giáo thực là rõ ràng. Là một đạo cứu khổ, Đạo Phật đi thẳng tới những người đau khổ nhứt là những người không có quyền sống như con người: những dân-tộc bị trị, những thế-cấp bị ruồng-bỏ, những người bị bóc lột, những người bị đàn áp. Đập tắt chiến tranh, xóa bỏ những bất-công xã hội, đập vỡ những hàng rào ngăn cách giữa các thế-cấp, chống tham nhũng và thối nát, và lập một nền an-ninh xã-hội là những mục-tiêu trong hiện tại.

Bà Alexandra David-Neel (một người Anh đã khảo cứu về Đạo Phật) viết rằng: Phật tử của thời-đại mới này không khó khăn gì mà không nhận thấy rằng một giáo-lý chủ trương diệt khổ để tạo sự hướng lên của tinh-thần không thể nào chấp nhận được đời sống của quần-chúng ngày nay, với một giai-cấp vô sản trong đó con người bị coi như những dụng-cụ». Bà Lakshmi Narasu (người Ấn độ), cũng viết rằng «Tinh-thần của Phật giáo có tính-cách xã-hội ở trong cốt tủy, vì dạy rằng phải ý thức sự hành động cho những mục-tiêu xã-hội». Ông Anagarika Dharmapala (một triết-gia người Tích-lan) không ngần ngại dùng danh-từ «Thánh Kinh Xã-hội của Đức Phật» (The Social Gospel of the Buddha). Diễn giảng cho các sinh viên Trung-hoa ở Thượng-hải năm 1913, Ông nói: «Đức Phật đã gạt bỏ giáo lý của người Bà-la-môn và chứng minh rằng không thể chấp nhận được những ý-kiến của họ về sự cao quý di truyền và tự nhiên của dòng dõi

Bà-la môn : rằng không có sự khác biệt gì giữa cái nhân tế-bào làm thành ra người Bà-la-môn và cái nhân tế-bào làm ra người cùng-đình Sudra..., rằng sự phân biệt thế-cấp là nhân tạo và độc đoán, rằng không phải vì dòng-dõi và vị của cái mà người ta thành cao quý, mà là vì cái tâm của ta, sự chân thành của ta, những hành-vi tốt của ta và trí-thức của ta..., rằng con người phải thương yêu tất cả mọi sinh-vật, rằng trí-thức phải được trau dồi và có thể trau dồi được nếu ta cố gắng, rằng người ta phải gieo rắc sự hiểu biết, công tác để xây cầu, xây đường, dựng nhà thương cùng nhà dưỡng lão và công-viên, thủy-sở, thắp đèn ở những chỗ tối tăm, nuôi dưỡng và giúp đỡ những người già, người nghèo, không được độc ác với giống vật, làm mọi bòn-phận trong nhà, có hiếu với cha mẹ, rằng phải biết chia xẻ của cải để tạo sự an-vui chung, rằng một cuộc đời luôn luôn hướng về sự làm việc thiện, tránh điều ác, đến quên mình, sẽ tạo ra sự cực-lạc trong tâm-hồn ngay trong kiếp này và mãi mãi về sau nữa... Đó là Tánh Kinh của Đức Phật, ứng dụng trong đời sống hàng ngày, cho xã-hội và cho nhân-loại ».

Ở Ấn-độ (Trường Y Khea Bengal ở Calcutta năm 1915), ông Dharma-pala nói với sinh-viên Ấn-độ rằng nước Ấn-độ xưa kia là một đại cường quốc, và thời-đại huy-hoàng nhất của lịch-sử Ấn là thời-đại vua Asoka : nhưng Ấn - độ đã suy vong vì đã bỏ Phật - giáo mà

trở lại với tôn giáo Bà-la-môn. Ông nói: «Trong một ngàn năm nay, Ấn-độ đã không theo Phật giáo ; nhưng trong ngàn năm ấy, nhân-dân Ấn-độ có thể viện ra được một sự gì để tự hào không ? Nhưng nếu ta nhìn lại quá khứ về cái thời mà giáo lý của Đức Đại Giác còn là một tôn-giáo ở đây, ta thấy rằng tất cả mọi người đều sung sướng viên-mãn và tự-do, mà không phải chỉ một thế cấp được vậy mà thôi». Ông nói rằng : «Trong những thời-đại theo Phật-giáo, đời sống cộng đồng ở Ấn-độ đã biến-cải hoàn-toàn. Ngũ giới (Pancashila) áp dụng trong các làng, không phải chỉ bằng sức mạnh của luật-pháp mà bằng sự giáo-dục quần chúng, đã thnh nền móng của nền luân-lý cộng-đồng». Đức Phật là bậc thầy đầu tiên đã cấm sự buôn người làm nô-lệ, cấm sự bán khí-giới giết người, sự bán súc vật để làm thịt, bán thuốc độc để hại nhau, sự bán ma-túy làm cho người dùng bị đau yếu và điên rồ và làm cho các gia-đình tan nát nghèo khổ... Đền bà và đàn ông được coi như bình đẳng với nhau trước đạo-pháp... Cõi Niết-bàn không dành riêng cho một giới nào hay một thế-cấp nào cả.»

Rất có thể rằng cái hình ảnh của xã hội Phật-giáo đã có phần nào được lý-tưởng-hóa trong những lời của ông Dharmapala. Đối với nước Ấn-độ, mặc dầu tất cả cảm-tình của tôi với một quốc-gia đã có những nhà tư-tưởng và những nhà cách mạng thuần túy nhất của loài người, tôi nghĩ rằng chưa chắc gì Phật-giáo đã thực hiện được tất cả những điều mà tôi vừa kể

lại theo một số học-giả Âu Á. Lý do là vì Phật-giáo là một tôn-giáo rất bao dung : trong tất cả lịch-sử của Ấn-độ chưa bao giờ Phật-giáo đứng ở một địa-vị độc tôn. Trừ thời vua A Dục ra trong thời đó đạo pháp được coi là thế pháp (dhamma), trong những thời khác Phật-giáo chỉ biến đổi xã hội bằng sự cảm-hóa, và việc cảm hóa theo ý-nghĩa của câu «tự giác giác tha» (mình hiểu rồi thì phải làm cho người khác cũng hiểu) là một công việc đòi hỏi rất nhiều thì-giờ để có một chút thành quả. Tuy vậy, nhìn lại chánh-sử của nước ta và đo sự tiến-bộ trong phong tục và luật lệ từ thời Đinh và Tiền Lê sang thời Lý-Trần, ta thấy rằng có một sự biến đổi thực sự từ chế-độ quân-phiệt sang chế-độ văn-trị với sự ưu thế của giáo-lý Phật giáo. Ngay trước cửa điện của vua Đinh-Tiên Hoàng còn phải để vạc dầu luôn luôn nấu sôi và những chuồng cọp đói. Những hình-phạt tra-tấn dã man như kẹp tay, dùi sống, róc mía đầu sư dưới thời Lê Long-Đĩnh, còn truyền lại cho đến ngày nay, tôi mong rằng chỉ ở trong ký-ức của lịch-sử. Nhưng sang tới đời Lý là một sự thanh bình nhẹ nhàng như một luồng gió mát thổi từ trên cao xuống. Chỉ có trong thời này mới có được những chuyện như Tấm Cám, tỏ ra những phong-tục của một

nước bình đẳng với những cơ-hội đồng đều cho toàn dân ; với những sự-kiện lịch-sử như Bà Y-Lan, chứng minh rằng người phụ-nữ được học và có thể nhận những trách nhiệm lớn lao mà không xảy ra những sự lạm dụng ; với những trang sử oai hùng nhất của dân tộc, khi Lý-Thường-Kiệt đem đạo quân bách chiến bách thắng của Đại Việt đi chinh Tây tảo Bắc bình Nam, và mở rộng bờ cõi sang đến Lưỡng Quảng của Trung quốc.

Đó mới thực là cái tinh thần bi, trí, dũng của Đức Phật đem vào trong đời sống của nước, của dân. Cái tinh thần ấy còn kéo dài sang tới đầu đời Trần, với những thần tướng như Trần Quốc Tuấn, quên mình là dòng dõi chính thống của hoàng tộc, bỏ cả ngai vàng, để chỉ làm một người tướng coi lính như con, ăn một mâm cơm một chiếu, nhường cơm xẻ áo với lính. Sử xưa chép lại rằng Hưng Đạo Đại Vương, người đã ba lần chiến thắng quân Mông-cồ, dinh dưỡng tuổi già trong một túp lều ở làng để viết sách : đó là cái tinh thần vô tham của Đạo Phật, mà ngày nay chúng ta không còn thấy nữa.

(còn tiếp 1 kỳ)

TRẦN NGỌC NINH

Đón đọc :

LỜI RU CHO NGƯỜI TÌNH

Tập thơ đầu tay của TRƯỜNG THI.

Tác giả xuất bản tháng 6-1971.

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

Trụ-sở chính : 61-65, Hàm-Nghi Saigon

Đ. T. 98.460 — 98.700

Chi nhánh Chợ Lớn : 47-49 Tổng Đốc Phương

ĐT 51.047

Chi nhánh Cầu Ông Lãnh : 21, Bác sĩ Yersin

ĐT 99.386

Chi nhánh Gia-Long : 121-123, Gia-Long

ĐT 96.827

Chi nhánh Biên Hòa : 10, Nguyễn Hữu-Cảnh

ĐT 36

Chi nhánh Ban mê thuật : 16, Amatrang-Long

ĐT 148



- Thực-hiện tất cả mọi nghiệp-vụ ngân - hàng :

Nhận tiền ký-Thác, chuyển-ngân, Trương-mục tiết - kiệm, Nghiệp - vụ tín - dụng, Hối - Đới, Xuất-nhập-cảng v.v...

- Phục-vụ thân-chủ trong tôn chỉ :

LỊCH-THIỆP — NHANH CHÓNG

CHÍNH XÁC — KÍN ĐÁO

Con người và tính hiếu chiến

*Hiếu-chiến phải chăng là một di-sản văn-hóa ?
hay là một đặc-tính di-truyền, một ác-tính bẩm sinh ?*

Được nêu thành đề-tài tranh luận trong giới bác-học, câu hỏi trên đây đã gây ra nhiều cuộc tranh-luận khá sôi nổi, — giữa một số các nhà sinh-vật học, nhân-loại học — rất đáng cho hạng thường-nhân như chúng ta chú-trọng, theo dõi và suy nghĩ nhiều, vì đề-tài tranh luận không những liên-hệ mật-thiết đến vấn đề bản-tính con người, mà còn đặt chúng ta trước một vấn-đề khác hơn : cần xác-định thái-độ một cách thích-đáng, đối với *quá khứ sinh vật* của chính mình và của cả chủng-loại.

Điểm cần lưu ý trước tiên là đề tài tranh-luận được nêu ra như vậy, xét cho cùng, vốn do từ một phản-tỉnh chung của nhân-loại trước một đại-họa khó tránh.

Lâu nay, khi nói đến những chuyện bất-hạnh lớn lao, những nguy cơ khó thoát sắp xảy tới cho nhân-loại, hai mối đe dọa sau đây thường được nhắc tới : *sức hủy-diệt của một trận chiến-tranh nguyên-tử* và *nạn đói kinh-khủng vì mức bội tăng dân-số trên mặt tinh-cầu*. Nhưng có thể mối đe dọa thứ nhất, cái *họa nguyên-tử*, mới là điều đã gây cho các xã-hội «tiền bộ, văn-minh», một xúc động sâu-sắc, có phần dữ dội hơn cả sự kinh-hoàng mà lời tiên-tri của bộ lạc Druze đã gieo cho bộ lạc này, lời tiên-tri *báo-động ngày tận thế nhất định sẽ phải xảy ra vào tháng sáu năm 1996* ! (1)

Rất nhiều tiếng kêu cấp cứu, nhiều hồi chuông báo-nguy đã được gióng lên từ các giới bác-học, thức-giã, nổi bật là tiếng nói của Bertrand Russell, của Albert Einstein, đề khuyến cáo về cái họa diệt-vong vì chiến-tranh Nguyên-tử.

Bom nguyên-tử còn đáng sợ hơn cái nạn độc tài ! Loài người sẽ chết sạch không còn một mống vì chiến-tranh nguyên-tử. Chết sạch, đúng như sự linh-cảm của Maurice Maeterlinck : « *Có nhiều điểm cho thấy rằng con người, ruất hiện sau hết trên quả địa cầu, sẽ rời bỏ địa cầu trước tiên* ». Và rời bỏ vì một đại-biến khủng khiếp do con người tự tạo. Cũng đã có nhiều nỗ-lực, giải pháp được nghĩ tới nhằm ngăn chặn hiểm họa nói trên. Tuyên-ngôn Einstein-Russell. Tuyên-ngôn Vienne. Nhiều hội-nghị các nhà bác-học. Sự thành-lập các ủy-bau nghiên-cứu về những nguy-hại của nguyên-tử-năng, về sự kiểm-soát vũ-khí hạch-tâm, về trách-nhiệm của các nhà khoa-học Đông Tây trong công việc thử bom nguyên-tử. Sự ký kết điều-ước cấm thử khí-giói hạch-tâm ở trên mặt đất, trong thời bình (2) v.v.

(1) *L' Evolution et l' homme par Georges Olivier (L'Accélération évolutive) P.34 Edit. Payot. 1965.*

(2) — Xem Bertrand Russell của Nguyễn-Hiến-Lê. Tạp chí Bách-khoa số 346 — 01-06-1971.

Nhưng phải chăng hiểm-họa nói trên là hiểm-họa lớn lao nhất mà chủng-loại chúng ta phải đối phó và thắng vượt hiện nay?

Không ai có thể chối cãi đó là một đại-họa rất đáng kinh-hoàng. Nhưng nếu truy-nguyên đến cùng, lại có những gì còn cho phép chúng ta nghĩ rằng chưa hẳn đó là mối đe dọa lớn-lao nhất, cũng chưa hẳn là quyết-định nhất về chuyện tiêu-diệt trăm-vong, trái lại, nó chỉ là cái hậu-quả sẽ phải xảy ra do một đầu mối khác hơn, đáng phải lo âu nhiều và đáng được báo-động gấp. Và hơn ai hết, các giới bác-học đã thấy cần phải quan-tâm vào việc loại trừ hiểm họa ngay từ cội rễ.

oOo

Đúng là như vậy. Có một nhận xét từng quấy rầy tâm-tư của bất cứ ai đã chú-trọng đến cái gọi là *«hiện-tượng người»*, đã theo dõi quá-trình *nhân-hóa* và từng đối chiếu thực-trạng của xã-hội loài người hiện nay với cái bước tiến-hóa đáng cầu mong cho con người, với *giấc mơ cao quý* mà loài người từng ủ-ấp. Nhận xét đó là:

«Tính ra ít nhất đã có trên hai chục ngàn thế-hệ — kể từ ngày loài người bắt đầu xuất-hiện tới nay — kế tiếp nhau sống chết trên quả đất. Tất cả những tiếng nói đầy đủ thẩm quyền của nhiều khoa-học và biết bao nhiêu công-trình, thành-tích biến-cải thiên-nhiên đã cùng đồng thanh bảo chứng rằng: loài người quả không phải là một loại tạo sinh bơ-vơ, lạc-lỡng trên tinh-cầu này, trái lại tinh cầu đã thuộc về nó. Chính nó đã và đang ngự-trị cõi hành-tinh như một lãnh-

chúa nắm trọn quyền thống-ngự thái ấp của mình. Vậy mà, ngược ngạo thay đến nay, chúng ta lại vương phải một cảm-tưởng nào-nùng. Cái cảm-tưởng *đang lang-thang giữa một khung-cảnh, tuy đã giảm bớt hoang-vu, vẫn còn hoang-dã*. Cái cảm-tưởng nào-nùng ấy lại thường kèm theo với nó, như chị cùng em, như hình với bóng, một cảm-giác còn nào-nùng hơn. *Cái cảm-giác lạnh-lẽo, rét buốt của con người vào thời Băng giá*.

Một cảm-giác không lạ lùng gì. Bởi vì đó là cái cảm-giác phải có của tất cả chúng ta trong cuộc sống hiện tại. Cái cảm-giác mà ai nấy đều đã tiếp nhận, chỉ khác là có ý-thức hay không, là *thăm-thía, rõ-rệt* hay *phảng-phất, mơ-hồ* tùy theo mức độ cảm thức của mỗi tâm-hồn đó thôi. Và đó cũng chính là cái cảm-giác mà Robert Frost, một nhà thơ, đã từng nói lên, khi muốn khuyến-cáo đồng-loại về cái khả-năng hủy-diệt kinh-khủng của *Lửa và Băng giá*:

« ... Kẻ này nói nhân-gian sẽ tiêu
« diệt trong biển Lửa, kẻ khác nói
« trong Băng giá.

« Những gì tôi đã nếm về Thị-dục
« làm cho tôi theo thuyết Lửa. Nhưng
« nếu nhân-gian phải chết hai lần,
« những gì tôi đã kinh-nghiệm về
« Oán Hận cũng đủ cho tôi nghĩ rằng:
« để tiêu-diệt, Băng giá cũng có đủ
« sức mạnh và đủ sức làm.» (1)

(1) — Cuộc chạy đua để sinh-tồn của La Mont. C. Cole (lời thơ trích-dẫn trong bài) Bản dịch của Lê-quang-Thanh. T. C. Đối Thoại 8-71.

Quả đang có một thứ lãnh-khí của Băng giá bao phủ chúng ta, len lỏi vào trong ta. Không nên có một sự ngờ vực bất đáng về trạng-thái tinh-thần của thi-nhân khi ông ta nói lên điều đó. Hiển nhiên là không có một sự lộn-xộn nào đã xảy ra ở các giác-quan, cũng như không có một nhiễu-loạn nào đã gây rối cho mười bốn tỷ tế-bào thần-kinh trong hộp sọ ông ta, khi Frost nói lên như vậy. Đó là một kinh-nghiệm trực-tiếp của một tâm-hồn hoàn-toàn tỉnh-táo. Và đầy đủ sáng-suốt. Cũng như chúng ta, dù phải tiếp nhận cái cảm-giác ấy, mỗi người đều còn đủ sáng-suốt để nhớ rõ rằng mình là con người của thế-kỷ thứ XX, là một phần-tử "văn minh", không còn phải nhá thịt sống, gặm xương tươi vết máu, phô-trưng mình mấy đầy lông lá hay choàng những tấm da thú cứng cỏi nặng-nề. Chung quanh chúng ta thực chẳng có gì gây được sự lầm tưởng rằng chúng ta đang phải lang-thang giữa cái khung cảnh hoang-dã vào thời Cánh-tân kỳ. Trái lại, tất cả đều bảo chứng thời đó đã qua và Băng-giá thiên-nhiên cũng đã cáo-chung từ lâu lắm rồi. Đợt băng giá thứ ba hay cuối cùng của kỳ Băng giá sau chót — kỳ Băng giá Würm — ít ra cũng đã cáo chung cách đây non mười thiên-niên kỷ (1). Chúng ta đâu còn phải sống chung với những lớp người chui rúc ngày càng sâu thêm vào lòng bang động, ngồi co ro bên đồng lửa bùng cao, giữa lúc bên ngoài bão tuyết mịt mùng, dồn dập, những giải băng nguyên xanh lạnh, nặng-nề, lù lù trườn xa, lan rộng hàng triệu cây số khối. Các nhà bác-học từng đoán chắc với chúng ta là băng giá đã cáo chung hay ít ra đã rút lui nhiều rồi. Bờ cõi mênh-mông của đế-quốc Băng giá từ một phần tư diện-tích địa cầu, thu hẹp lại còn

khoảng một phần mười mà thôi (2). Qua rồi. Đã qua lâu rồi thời đại Băng giá lạnh-lùng. Thuyết của Donn và Ewing về một kỳ Băng giá thiên nhiên sắp tới vẫn còn là một giả thuyết bấp-bênh (3). Nhưng cái cảm-giác kỳ quặc kia vẫn cứ bám chặt chúng ta. Nó len lỏi vào trong ta, qua một cửa kinh-nghiệm khác hơn kinh-nghiệm của người tiền-sử.

Chính cái điểm này mới đáng cho chúng ta suy nghĩ nhiều hơn. Vì suốt dòng tiền-sử, mọi sự đã chứng minh rằng Băng giá thiên-nhiên không hủy diệt được sự Sống cũng như không hủy-diệt được loài người, mặc dù dấu vết tàn phá dữ dội của nó còn lưu lại ở Bắc Tây-bá-lợi-á, ở Alaska, ở Trung-hoa, và, ngay vào giai-đoạn cuối của kỳ Băng giá sau chót, riêng ở Bắc-Mỹ, nó đã tiêu-diệt những bốn chục triệu loài vật, trong số có cả những giống mãnh-thú kiện cường như Ma-mút, Trư nha, Hổ răng kiếm v.v. (4) Thực vậy, chủng loại *Néandesthalien*, dân số thừa-thót (5), vốn hay chết

(1) — La Préhistoire de l'humanité par Grahame Clark (Tableau A, principales subdivisions du Pléistocène en Europe central et en Afrique orientale). P. 23. Edit. Payot 1962.

(2) — Manuel de préhistoire générale par Raymond Furon (Les glaciations quaternaires en Europe) Edit. Payot 1958.

(3) — The coming ice age (Thời đại băng giá sắp tới) — Betty Frieden, bản dịch của tạp chí Hương-xa.

(4) — The Earth's Shifting crust (Cái vỏ dao động của địa cầu) — Charles H. Hapgood — Tạp chí Hương-xa, số 34, tr. 13.

(5) — Theo Louis Nouguier, trong Géographie humaine préhistorique, số người Néanderthalien sống ở xứ Gaule chỉ vào khoảng từ 2.000 đến 5.000. Theo Albassard, thì sau 100.000 năm phát triển, dân số Néanderthalien ở Gaule có khoảng 20.000 người.

non, chết yếu đã bị diệt-vong vì một nguyên nhân khác hơn, khó hiểu hơn là nguyên-nhân Băng giá. Nhưng lớp người *Homo Sapiens* đầu tiên ở Âu-châu, chưa đông đảo gì lắm, vẫn thoát vượt được mối đe dọa diệt-vong qua bao đợt băng xuyên hoành hành. (1).

Mọi sự sẽ không còn may-mắn như vậy với loại Băng giá mới. Và quả thực nó đang đe dọa. Vào lúc băng giá thiên-nhiên rút lui, thì những mồm băng mới bắt đầu thè lưỡi, tung vôi. Thời xưa, khi mà băng giá bành trướng từ các miền núi Alpes và các vùng Bắc-Âu, lần lượt tràn xuống tận các con sông Günz, Mindel, Riss, Würm, (2) giữa lúc các chủng loại bào hùng nhất như Nam-tượng, Ma-mút, Tê-giác cũng phải gập rút trang bị những bộ lông dài mới chịu đựng nổi (3), nhiều giống phương-thảo, phương-vật và cả người nữa, để lẫn trốn, có thể dất dúi nhau đổ dồn về phương Nam, tới các vùng gần miền xích-đạo. Nhưng đến nay, trước sức tấn-công của những mồm băng mới, con người sẽ chạy về đâu, khi chính con người mang theo ngay trong bản-thân của nó, cái mầm tạo ra Băng giá? Cũng như kẻ tẩm dầu vào thân mà đốt, còn chạy đằng nào cho thoát được lửa, con người sẽ chạy về đâu để thoát khỏi sức hủy-diệt của băng giá mới? của thứ băng giá được kết tụ bởi sức bốc dậy ngùn-ngụt của đủ thứ hận thù sâu-sắc. Hận thù cá-nhân. Hận thù tập thể. Hận thù được gây ra, được cấy lên từ vô vàn chất men bén nhậy. Men chủ-quan. Men ích-kỷ. Men tham-dục. Men kỳ-thị. Men cổ chấp. Và để rồi bộc phát theo với màu da, với tín-ngưỡng, với chính-

kiến, với chủ-nghĩa, chủ-thuyết lung-tung. Con người sẽ chạy về đâu? dù nó sẵn thứ ủang bày dậm?

Thực sự đã có một xao xuyến, và, hơn cả một xao-xuyến, đã có một luồng rung chuyển chạy xuyên qua những cộng đồng người, làm lung-lay niềm tin mà con người thường có đối với loại ủang bày dậm. Mới ngày này đây, con người đã vững tin ở mức tiến hóa vượt bậc của mình. Nó kiêu hãnh mà nhận thấy trong cái độ gia-tốc của cuộc tiến-hóa chung, cuộc tiến-hóa riêng của loài người đã chiếm phần kỷ-lục. Không phải là một chuyện tự hào chủ-quan, vì, mức diễn tiến xảy ra quả đúng như nhận xét sau đây của J.Huxley: «*Trong cái tự-khúc dài dòng của cuộc tiến hóa nhân-loại, mỗi sự thay đổi trọng-đại đòi hỏi một khoảng thời-gian có tới trăm thiên niên kỷ. Nhưng sau khi băng giá cáo chung, thì chỉ cần một thời-gian độ ngàn-năm đã đủ. Và trong một phần lớn thời Lịch-sử, đơn-vị thời-gian cần-thiết cho một sự thay đổi trọng đại chỉ vào khoảng*

(1) — Cũng theo Nougier, dân số *Homo sapiens*, thời Cổ thạch-khí thượng kỳ, ở xứ Gaule có độ 50.000. Ở Tây-ban-nha, con số giáo-sư L.Periot ước lượng vào khoảng 500.000 người. Theo Marston Bates trong «*L'Homme dans la nature*» dân số thế giới suốt thời Cổ thạch-khí được khoảng gần 10 triệu người.

(2) — D'où vient L'humanité? par N. Albessard (La construction de l'humanité) note 3-p. 129. Encyclopédie Planète. 1969.

(3) — De la préhistoire à l'histoire par Gordon Childe (Le Paléolithique ou l'état sauvage) p 45.48. Gallimard. 1961.

một thế-kỷ là nhiều, rồi gần đây, thì kỷ hạn lại rút ngắn vào khoảng một chục hay gần một chục năm thôi. (1) Rõ ràng là như vậy, nếu chúng ta theo dõi bước tiến, nhịp tiến của loài người vào lúc *Trung cánh tán kỷ* mở màn tới nay. Từ kỹ-thuật chế-tạo dụng-cụ đá đẽo thô sơ — loại đá cuội đập vỡ cho có cạnh ở một đầu, tức loại *Pebble-culture*, phổ biến trong một vùng vòng cung rộng lớn chạy từ Phi-châu đến Mã-lai (2) hay loại *phiến đá đẽo* (*coup de poing*) thô kệch, nặng nề, phổ biến từ mũi Vọng-hảo đến Địa-trung-hải, từ các bờ biển Đại Tây-dương cho tới Trung-Ấn (3), tiến lên kỹ-thuật chế tạo dụng cụ đá nhẹ hay *dài*, đặc biệt là loại *lưỡi đá*, thuộc thời *Cổ thạch-khí thượng kỳ*, nó phải trải qua một thời-gian trên 400.000 năm. Nhưng từ kỹ thuật đồ đá nhẹ với nền kinh-tế tập-thú, tiến tới kỹ-ngệ *đá mài*, đồ gốm, nền kinh-tế lạp-thú và trồng trọt, chăn nuôi, tức thời *Tân Thạch-khí*, nó chỉ cần có 30.000. Lại từ Tân thạch-khí, từ những cộng-đồng nông nghiệp sơ khai tiến lên kỹ-ngệ đồ đồng, hoàng-đồng và nền văn-minh đô-thị, chỉ cần có mấy ngàn năm, và, sau đó, là những bước nhảy vọt nhanh với khôn lường, để chỉ mới ngày nào, còn là một giống ăn lông, ở lỗ, chui động rúc hang, thu hình khếp nép trước quyền năng, uy-lực tuyệt đối của Hóa-công, mà rồi, thoát chốc, nó đã ngẩng cao vùng trán ngạo-nghe, trở mọi tiềm quyền, thoán nghịch. Làm mưa, làm gió trên mặt tinh-cầu này chưa vừa, nó còn dám đột nhập cung Quảng lũng tìm Hằng-Nga và còn tính chuyện dòm-dỏ các tinh-cầu xa xôi khác nữa. Kiêu hãnh,

ngổ-ngáo trước những thắng lợi vĩ-dại trong công cuộc chinh-phục thiên-nhiên, nó không còn biết trên đầu có ai, và đã từng ngồi vắt chân chữ ngũ, nhìn hình-ảnh của nó phóng rọi cực kỳ to lớn trên màn ảnh đại vĩ tuyến của Tương-lai.

Nhưng chính ngay giữa lúc ấy thì, یت ra, một thiếu-số trong chủng-loại vẫn còn đủ lương-tri để khám-phá được sự-thực và lên tiếng báo-nguy. Có thể sự báo nguy này phải đáng được coi như là một khám phá mới lạ nhất và may-mắn nữa là khác, trong các khám-phá mới lạ, tân kỳ của thời-dại. Lời khuyến cáo chẳng hạn như của Loren Eiseley sau đây, cũng đồng ý nghĩa với điều linh-cảm của Mar-terlinck, nhưng có vẻ khẩn-trương, có phần khủng-khiếp hơn nhiều. Đó là : « Con người đã tỏ ra đang đi theo dấu vết con Khủng-long, tuy theo một đường lối khác hơn » (4)

Mà con người sở dĩ đang đi theo dấu vết của giống Khủng-long thời xưa, đang tiến tới cái mép vực thẳm Trầm-vong ấy là vì :

«... Trong thời-dại kỹ-thuật đang phát triển mạnh và cao-ráo về thắng lợi của nó

(1) *L'Evolution de l'homme par Georges Olivier (L'Accélération évolutive) p. 32.*

(2) *Géographie humaine préhistorique par Louis René Nougier (Le Paléolithique) p. 33-34 Gallimard, 1959.*

(3) *De la Préhistoire à l'histoire par Gordon Childe (Le Paléolithique ou l'état sauvage) p. 53.*

(4) — Con người hiện đại... (An Evolutionist looks at modern man) của Loren Eiseley, bản dịch của tạp chí *Hương-xa*

đối với thiên-nhiên, có một vấn-đề rất là hiển-nhiên đối với nhà nhân-chúng-học nghĩa là những nhà nghiên-cứu về con người. Đó là vấn-đề chúng ta chưa thực sự chinh-phục được thiên-nhiên vì lẽ chúng ta chưa chinh-phục được chúng ta. Chính con người hiện-đại — *Homo sapiens* — người hiện như họ ao-ước thành, đã trở nên một ám-ảnh cho con người. Hình bóng của nó đã làm cho lắm người ben đêm mất ngủ và nó lạng-lẽ theo dõi bước đi của chính-khách (1) »

Không những theo dõi bước đi của chính-khách, nó còn ám-ảnh, quấy rầy giấc mơ của các giới bác-học và gieo vào lòng họ những mặc cảm chẳng lành :

«... Ngày nay, đến khi con người nắm đưa quyền sấm sét, và vào lúc sức nóng hàng triệu độ sục lên trong những máy móc thì một hình bóng cũ, một hình bóng ngày càng khủng khiếp nằm ngay trên ngưỡng cửa các phòng thí-nghiệm trên thế-giới này» (2)

Thực không có một khám phá nào lạ-lung và đáng kinh-ngạc như vậy. Con người vừa khám phá ra kẻ thù của nó. Mà kẻ thù của con người, hỡi ôi, lại chính là con người ! Một khám phá không những chỉ gieo kinh-ngạc mà còn gây cả một kinh-hoàng lớn lao. Như một tiếng sét, nó làm cho những bộ óc kiêu hãnh nhất trong loài người cũng phải choàng tỉnh để thấy rằng những thành tích chinh-phục thiên nhiên từng được coi là vĩ-đại, kỳ diệu chỉ toàn là hư-ảo. Dời non, lấp bể, cải tạo, biến đổi bộ mặt tinh-cầu, chưa phải là chinh-phục thiên nhiên. Ảnh-hưởng mạnh đến vật chất, chế ngự, điều-khiển được sức mạnh thiên-nhiên đâu đã phải là chinh-phục

được thiên-nhiên. Phóng vệ-tinh vào quỹ đạo, đáp phi-thuyền lên cung trăng và dù có tiến chiếm được các tinh-cầu xa-xôi cũng chưa phải là đã chinh-phục được thiên-nhiên, khi con người chưa chinh-phục được chính mình, khi cái bóng cũ, cái hình bóng ngày càng khủng-khếp kia còn hiện lù-lù ra đó, ám-ảnh, quấy rầy giấc ngủ đêm đêm. Sau non nửa triệu năm trời, từ chỗ đập đá, đẽo đá mà làm dụng cụ, nó tiến tới chỗ chế-tạo được bom khinh-khí, phóng được phi-thuyền không gian, quả là một sức tiến nhanh hơn sức gió. Nhưng đến nay, sau cơn chóa mắt, nó đã thấy gì, qua cái tiền-diện của một nền văn-minh vật-chất huy-hoàng ? Desmond Morris, với cái giọng châm biếm sâu cay, đã rí vào tai những hạng người thường tự hào về cái lớp vỏ hào nhoáng ấy : « Này nhé, dưới lớp sơn ở bề mặt, nó vẫn còn nguyên là một con Khỉ như thuở nào đó thôi ! » Và, tệ hơn là khác !

Quả vậy, tệ hơn và đáng lo ngại cho nó hơn nhiều. Từ những hình-ảnh thanh tú, cao nhã, hình-ảnh một « cây sậy suy tư » như tư-tưởng gia Pascal từng nói đến hay hình ảnh một « thần-linh trích giáng hoài niệm cõi trời » như thi-sĩ Lamartine thường nhắc nhở, giờ đây là hình ảnh một thứ hung-thần trông còn kinh dị hơn con sinh vật ngồi bên đồng lửa thuở nào, một quái vật đang cướp giật uy-quyền của Tử-thần, nắm trọn vào tay, di gieo rắc chết chóc khắp mười phương hoàn vũ, và còn muốn trao truyền cái quyền-uy sinh sát ấy cho bầy đoàn miêu-duệ sau này. Và, đến nay, trong cơn phản-tỉnh, khi phóng một cái nhìn bao quát trên mặt tinh-cầu, con người từng ngạo mạn còn thấy những gì ? Hận

(1) (2) Con người hiện đại... (*An Evolutionist looks at modern man*) của Loren Eiseley, bản dịch của tạp chí Hương-Xà.

thù ngàn ngút bốc dậy nơi nơi. Bạo lực hoành hành. Máu trào. Lửa réo. Tất cả mọi sự xảy ra đã chứng tỏ chính cái hình bóng quái gở ấy đang muốn biến cả chúng loài thành những con sói cô-đơn không muốn nhìn nhau, thành những con thú dữ say máu, cắn xé, cào cào lẫn nhau cho đến lúc cùng lẫn tòm cả xuống cái hố Trăm vong như bọn Khủng long thuở nào. Khủng-khiếp hơn nữa, là hình bóng con quái vật khát máu, hung bạo ấy đã « *khá lớn lên đến độ có thể che lấp mặt trời* » (1). Hình thù nó quả đã che lấp

(1) — Le Singe nu — par Desmond Morris — Edit. Bernard Grasset. Traduit de l'anglais par Jean Rosenthal. — 1968.

mặt trời, để mở ra một kỷ-nguyên Băng giá mới, trong đó, con người càng cảm nghiệm được thăm-thía rằng, trên tinh-cầu này, không có một loại hoang-đảo nào cô-liêu, một thứ ốc-đảo nào sâu lạnh, thê lương cho bằng loại hoang-đảo, ốc-đảo do chính con người tạo ra bằng thù hận, không có một cảnh-giới nào ghê rợn bằng cái cảnh giới, trong đó những quả tim người đã cạn rốc cả tình người và chỉ chứa đầy chất dung-nham căm hờn sôi-sục.

(Còn tiếp)

PHAN DU



Nhức đầu
Đông
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
 lưng, đau nhức lúc có
 Kinh Kỳ

KN 55 1211 / BYT / QCDP

SÁU CỬA VÀO ĐỘNG THIẾU THẤT

của Bồ-Đề-Đạt-Ma

Bản dịch của Trúc-Thiên

Tồ Đạt-Ma cỡi sóng qua Đông Độ.

Tồ Đạt Ma vào đất Ngụy, đường đường như một kiếm khách chốn hải tần.

Tồ Đạt Ma «đơn đao trực nhập» triều đình Lương-Võ-Đế, nói pháp như chuyền sóng.

Tồ Đạt Ma chín năm trăm hùng ngồi nhìn vách đá chùa Thiếu Lâm.

Tồ Đạt Ma kỳ diệu ban pháp an tâm.

Tồ Đạt Ma cỡi bè lau về Thiên Trúc.

Tồ Đạt Ma xách một chiếc dép phi hành trên ngọn Thông Lãnh.

Tồ Đạt Ma... và Tồ Đạt Ma...

Bao nhiêu là câu chuyện truyền kì kết hào quang đưa nhà sư mắt biếc đất Hồ vào vào huyền sử.

Từ Tung Sơn, sừng sững bên vách đá chùa Thiếu-Lâm, bóng Người ngả dài suốt lịch sử Đông phương như một tượng trưng thuần túy của Đạo. Ngót mười lăm thế kỉ nay, lòng người còn nghe đồng vọng tiếng Người nói ; chốn già lam còn nghe vang dội bước Người đi...

Sách do An-Tiêm tái bản, có phần hiệu chỉnh của dịch giả.

NGƯỜI ĐÀN BÀ TRONG CỒN CÁT

truyện của Kobo Abé, Trùng-Dương dịch

An-Tiêm xuất bản

Một tác phẩm nói lên cuộc phấn đấu để sống còn của con người giữa một thiên nhiên vô tình, và cái ý chí vươn lên hầu tạo dựng một cuộc sống có ý nghĩa dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, dù tình trạng có bị đát đến đâu. Một cuốn sách mà những người trẻ tha thiết với cuộc đời không thể không biết tới.

Nghề lãnh lụa Tân Châu

Đồng bào miền Bắc ngày trước khi nói tới nghề chăn tằm, ươm tơ, dệt lụa thì hình ảnh sinh hoạt của làng Vân Xá ở Sơn Tây, làng La ở Hà Đông và làng Bưởi gần Hà Nội phải phát lên trong óc họ, vì các làng đó có tiếng về kỹ nghệ này. Ở miền Nam thì khác hơn. Dân chúng quen biết với làng Chợ Thủ, lãnh Tân Châu bởi hai nơi này cung cấp cho họ các thứ lãnh lụa đẹp, bóng và bền.

Chợ Thủ ở sát mé nước Tiền Giang, suốt ngày lách cách tiếng khua của khung dệt và lộp bộp tiếng động của những chiếc chày nện lụa. Nhà cửa san sát, đường xá đông đặc người đi. Các cô gái dệt gọn gàng nhanh nhẹn trong bộ đồ bà ba đen dưới bóng dừa xanh yếu điệu, tay cầm những quan tơ nõn nà căn ra trước gió. Các chàng trai lực lưỡng thì nhúng những cây hàng đang nhuộm dang dở vào lò, hoặc khuôn vác những bể hàng nhuộm xong óng ánh gom vào thành đống. Quang cảnh tập nập diễn ra từ ngày này sang ngày khác, làm bừng sáng Chợ Thủ một thời.

Nhưng khi chiến tranh về tàn phá quê hương ta thì Chợ Thủ đã tiêu điều tan tác trước. Cả làng bị cháy. Cả đám đông bị giết. Số người vật còn sống sót phải tản cư nơi khác. Và cho đến ngày nay, thanh bình trở lại ở đây lâu lắm rồi, mà nghề tằm tang Chợ Thủ thì đã xếp hẳn lại. Cả miền Nam

này ngày nay chỉ còn lại có Tân Châu.

oOo

Vâng, Tân Châu là miền lãnh lụa, không mấy ai không biết. Từ năm 1909 tại đây đã có hăng tằm tang do ông Bùi Quang Chiêu thành lập. Hăng lập ra không phải không dựng mà đem người, đem giống, đem khung đến để tự mở mang ra, mà trước đó, nhân dân địa phương đã tự khai thác và phát triển ngành này. Tại các làng Tân An, Vĩnh Hòa, Long Phú, Vĩnh Xương người ta đã biết trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ và dệt lụa. Hăng tới với chương trình chọn giống dâu tốt, phổ biến cách trồng trọt, săn sóc dâu, phát hom dâu cho dân và lựa thứ tằm tốt để gây giống. Chính viên Thống đốc Nam Kỳ lúc đó đã đích thân đến dự lễ khánh thành của hăng với hi vọng ngành tằm tang Tân Châu sẽ giúp phát triển chẳng nhỏ cho nền kinh tế miền Nam.

Đến 1912, người ta đã thấy ở Tân Châu có được mấy cơ sở to tát để hoạt động cho ngành, và rải rác khắp nơi trong vùng, ngành tằm tang phát triển rất mạnh. Nhưng tất cả là của tư nhân khai thác. Nếu thỉnh thoảng chánh quyền có dự vào, thì cũng chỉ với tính cách khuyến khích, dùm ngó và cầm chừng mà thôi.

Ảnh hưởng thế chiến thứ nhất (1914-1918) đã làm cho nghề lãnh lụa Tân Châu lung lay một thời. Nhiều nhà

dệt xuống dốc. Những cơ sở lớn bị rã hùn. Hai hãng tằm của ông Bùi Quang Chiêu đứng tên hoạt động không xoay trở nổi trước tình thế kinh tế nguy ngập phải tự rút lui để nhường lại cho nhà nước.

Theo nghị định ký ngày 19-6-1937, số 3840, của Thống đốc Nam kỳ, thì các cơ sở hoạt động tằm tang Tân Châu đặt dưới quyền điều khiển của sở Canh nông địa phương. Từ đó, trường huấn luyện thợ dệt được mở ra, các thứ giống như hom dâu, trứng bướm được lựa chọn kỹ hơn nữa.

Từ trước tới đây, nghề trồng dâu, nuôi tằm tại Tân Châu tuy đã được coi là sung túc, thịnh vượng, nhưng sản lượng hàng lãnh sản xuất được đem cung cấp trên thị trường khắp nước thì vẫn chưa thấm vào đâu. Và lại nếu đem so với số hàng lụa của Nhật, của Tàu và của Tây đang được nhập cảng và lưu hành trong nước ta, thì kỹ thuật của hàng lãnh Tân Châu còn kém.

Đệ nhị thế chiến đã giúp một phần lớn cho sự phát triển của ngành tằm tang Tân Châu. Đường giao thông tắt nghẽn. Hàng ngoại hóa không có hoặc quá đắt, mà túi tiền của người dân thì khan kiệt. Khắp nước bắt thiếu hàng lụa vải bộ. Nhiều chỗ dân nghèo không có hàng may mặc, phải mang khổ bằng bao bố hoặc bằng đệm bàng. Ở thành thị thì công chức, quân nhân đi làm việc phải mặc quần cụt, áo cụt. Người dân rách rưới, kêu rên, cho rằng đã đi theo sấm ký "Quần còn lưng, áo còn bâu",

Chính trong hoàn cảnh đó đã đầy

Tân Châu lên hàng phát triển kinh tế nhất nước. Bốn phương đổ xô về đây mua hàng. Một bó dâu lúc đó giá cao bằng ngang với số tiền một tháng lương của một công chức ngạch thấp. Một cữ tằm suôn sẽ không gặp trở ngại gì có thể làm giàu cho một gia đình. Những người trước kia không vốn, chuyên nện hàng mướn, bây giờ nhờ hom dâu trứng bướm mà giàu sụ. Họ vãi tiền ra mua đất, cất nhà, vãi tiền ra ăn chơi như các đại phú gia.

oOo

Nghề nào cũng nhờ có kinh nghiệm, nhờ cải tiến mọi mặt mới được hoàn hảo. Nhưng nghề lãnh lụa Tân Châu mà được phát đạt bền, phải kể trước nhất là kỹ nghệ nhuộm. Hàng có tốt mà nước nhuộm kém sút cũng không bán được. Ban sơ người ta nhuộm bằng vỏ dứa (một loại cây to có vỏ dày lột ra ngâm nhuyển, vắt nước có màu như màu ủ nâu), bằng lá chàm (một loại cây khác cọng dài, lá nhỏ, lá đánh nhuyển có màu xanh đậm) rồi sau đó, người ta tiến dần đến cách nhuộm bằng thuốc nhuộm.

Nhưng thứ nào cũng không bền, mặc ít lâu thì ngả màu thành xanh hoặc đỏ, tiếng địa phương gọi là trổ. Người ta đã tìm ra một thứ trái cây có múi đen để nhuộm thay cho các thứ trên. Đó là trái mặc nưa.

Mặc nưa là một thứ cây mọc nhiều trên đất Miên, có tán cao, nhiều nhánh, lá nhỏ. Mỗi năm chỉ có trái một lần vào mùa mưa. Trái có hình tròn, da láng, như trái vú sữa, nhưng chỉ nhỏ bằng đầu ngón tay, cỡ trái chùm ruột, từ khi biết nhuộm mặc nưa, các lò

nhuộm Tân Châu phải mua của Miên mỗi năm hàng ngàn tấn. Theo nhu cầu, người ta đã nghĩ cách trồng cho được nhiều vườn cây mặc nưa để tự cung ứng lấy.

Cách nhuộm mặc nưa cũng đòi hỏi hơn các cách nhuộm chàm, nhuộm da hay nhuộm thuốc; công phu và tế nhị. Nó hoàn toàn bảo đảm: đen huyền, bóng lộng và nhất là thêm chắc và thêm bền. Càng giặt chừng nào hàng càng đen, càng láng. Kỹ thuật nhuộm này đã bỏ xa cách nhuộm bằng thuốc nhuộm của ngoại bang, và lãnh «Mỹ A» ở Tân Châu sản xuất đã nổi tiếng khắp nước và các nước láng giềng.

Song song với kỹ thuật nhuộm ngày một tiến bộ, người ta cũng cải thiện cách nuôi tằm, trồng dâu, ươm tơ và dệt lụa. Những phương pháp cổ lỗ về việc nuôi tằm từ thuở xa xưa, nay không còn được theo nữa mà đã đổi mới (1). Người ta chọn những trứng bướm lành mạnh, loại bỏ những trứng mà kinh nghiệm nghề nghiệp cho biết sau này sẽ sanh tằm éo ọt, khó nuôi. Hoặc cho pha giống để sản lượng của tằm tơ được tăng gia. Việc trồng dâu cũng phát triển lớn. Trước kia cây dâu trồng thành vườn như ở Cao Miên hoặc tại miền Trung và lá dâu chỉ được suốt sạch rồi chờ mọc lại. Bây giờ thì là ruộng dâu. Những bãi bồi xanh ngắt từ mẫu này sang mẫu khác; còn dâu thì cứ chặt sát gốc mang cho tằm ăn. Với bãi bồi phù sa ở miền Nam, người ta đã nghiệm thấy dâu chặt tuyệt cả cây

sẽ phát triển mau và mạnh, chỉ trong vài tháng thì chồi lá xanh um, lại đốn nữa. Cách ươm tơ thì được cải thiện cho sợi được đều đặn, suôn sẻ, không đồ lông và còn được lãi ra một số *thao* càng đáng giá. Lò ươm ở Tân Châu thời tiền chiến có đến khoảng 150 cái. Nhà dệt cũng mọc lên đầy nơi. Trước kia *khổ dệt* chỉ 4, 5 tấc, bây giờ thì làm thành *khổ đôi*, rộng hàng 8, 9 tấc, bông có, trơn có và khung dệt có nơi được kéo bằng máy.

oOo

Từ chiến tranh về sau, ngành tằm tang Tân Châu bị ngưng một dạo. Sau đó, những tay nhà nghề hồi cư, họ phục hoạt các cơ sở cũ. Năm 1955, *Hợp tác xã tằm tang* ra đời rồi năm 1956, *Hợp tác xã công nghệ tơ lụa* được thành lập. Đến 1961, một *Thị trường ươm tơ* dựng lên và theo đó là một *Học xưởng ươm tơ* được khai giảng để đào tạo học viên ươm tơ cạnh với giống kén lai Việt Nhật.

Trong lúc ngành tằm tang đang có cơ vươn lên để giành lấy các kỹ-

(1) Theo truyền thuyết thì nghề nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa, xuất phát tại Trung Hoa khoảng 4.500 trước đây. Tiên khởi, một nàng công chúa bắt gặp một thứ sâu trên trời rơi xuống mái tóc giữa lúc nàng ngoạn cảnh trong vườn vua. Sâu nhả tơ óng ả rồi làm tổ, hóa bướm. Nhân đó mệnh danh là tằm. Chữ tằm do chữ thiên và chữ trùng hợp lại, có nghĩa là sâu của trời. Nghề tằm tơ chỉ độc hữu ở Trung Hoa hằng nhiều thế kỷ rồi mới được đưa sang Việt Nam, Nhật Bản, Ba Tư. Đầu thế kỷ thứ sáu có vài giáo sĩ giấu trứng bướm vào gậy trúc mang về Thô Nhĩ Kỳ. Từ đó tằm mới được đưa sang Hi Lạp, Ý Đại Lợi và Ý Pha Nho. Đến cuối thế kỷ thứ 12, nước Pháp mới biết trồng dâu, nuôi tằm.

thuật ươm, dệt ngang hàng với ngoại quốc, thì một hiện tượng đặc biệt xảy ra. Đó là loại hàng ni lông sản xuất tại Thủ đô được tràn ngập đưa về Tân Châu để thụ nhận kỹ-thuật nhuộm ở đây. Và cũng chính bởi hiện tượng này đã thúc đẩy chúng tôi cầm bút.

Sở dĩ gọi là hiện tượng vì loại hàng ni lông nhuộm mặc nưa xuất hiện một cách mau lẹ đã làm mờ đi một phần lớn sự hiện diện của loại hàng mỹ a, tức là loại dệt bằng tơ tằm rồi nhuộm đen, bóng lộng với lối nhuộm bằng trái mặc nưa danh tiếng xưa nay.

Sự lấn át của loại hàng mới sau này không phải nhờ nó hoàn toàn tốt hơn loại hàng mỹ a dệt bằng tơ thiết, mà yếu tố chính của nó là nhờ ở kỹ-thuật nhuộm mặc nưa rất ăn khách và giá bán của nó lại rẻ.

Trước đây bốn năm, người ta bắt đầu thí nghiệm cách nhuộm mặc nưa cho loại hàng mới này. Hàng mua từ Chợ Lớn đem về, nó đã được nhuộm đen bằng thuốc nhuộm. Tất nhiên là không bóng và không bền, chưa mặc đã có dấu hiệu bị trố. Người ta đem nó thử nhuộm lại xem. Kết quả, kỹ-thuật nhuộm mặc nưa rất thích hợp với loại hàng mới ni lông. Người ta ùng ùng mua về, nhuộm, phơi, mặc... Mỗi cây hàng phải trải qua chừng một tháng trời chịu đựng với nắng mặt nưa nhúng vô, với nước lạnh xả ra, với nắng trời thiêu đốt cho khô lại và với những tay chày nện đập nhiều

ngày để mới trở thành thứ lãnh lụa giá trị.

Năm 1967, thứ hàng ni lông nhuộm mặc nưa đã được phổ biến tuy không rộng rãi lắm nhưng cũng đã bắt đầu gây tin tưởng ở người mua. Từ 1968 trở đi, lò nhuộm nổi lên đầy nơi và trái mặc nưa trở nên một loại quý giá vượt bậc.

Chưa ai thống kê được số nhu cầu trái mặc nưa hiện nay lên tới bao nhiêu hằng năm và cũng chưa có ai làm một bản thống kê thử xem số hàng mới được nhuộm này mỗi năm bán ra bao nhiêu. Nhưng có điều chắc chắn là sản lượng của nó tăng gia ngoài tầm tưởng tượng và chính sự xuất hiện đột ngột của nó đã làm chết ngạt kỹ nghệ tằm tang.

Nhà chuyên môn nuôi tằm, ươm tơ, dệt lãnh mỹ a xưa nay, bây giờ tuy không bỏ nghề, nhưng vẫn phải xoay ra mua hàng ni lông bỏ nhuộm để kiếm thêm lợi tức. Họ cảm thấy nếu cứ khư khư giữ lấy nếp cũ, chắc chắn sẽ bị thua thiệt nhiều bề. Thử phỏng vấn một nhà chuyên môn mua bán hàng lãnh thì rõ: Năm 1968, người ta bán ra được 200 cây lãnh Mỹ A, 200 cây Ni Lông nhuộm mặc nưa, thì đến năm 1969, số Mỹ A bán ra chỉ được 100 cây và số Ni Lông tăng lên đến trên 300 cây. Rồi trong năm 1970, số Ni Lông tăng vọt đến 500 cây mà số Mỹ A thì chỉ còn bán được khoảng 10 cây thôi.

Mỗi cây lãnh dài 20 thước, khổ 8, 9 tấc kẻ là 10 quần. So sánh giữa

Mỹ A và Ni Lông thì sức chắc của Ni Lông chỉ có phần hơn chứ không kém Mỹ A. Nhưng về sức bóng láng, mịn màng, mềm tay và nhất là sức tốt bền bỉ thì Mỹ A chắc chắn chiếm được phần hơn. Nhưng đó chỉ là đối với các nhà chuyên môn và với các bà, các cô kỹ lưỡng chứ đối với người thường, nhất là với hạng đàn ông con trai chúng ta thì khó mà phân biệt nổi.

Phân tích cái tốt cái xấu giữa hai loại hàng này rồi, chúng ta chỉ cần tìm hiểu về giá cả của đôi bên, thì tự khắc sẽ biết được tại sao thứ nọ thắng được thứ kia. Theo thời giá thì mỗi một quần Mỹ A (2 thước), các bà phải mất từ 3700đ, đến 4000đ, mới có thể mua được thứ tốt. Trong khi đó thì muốn mặc một quần Ni Lông, các cô chỉ mất tối đa là 1900đ. Ai cũng muốn mặc đẹp mà rẻ tiền, tất nhiên hàng Ni Lông giá chỉ mất một nửa mà sự tốt và sức bền cũng không đến đâu kém quá nhiều, thì ai lại đi tìm mua cái mắc.

oOo

Ngành lãnh vực Tân Châu, với sự phát triển vượt bậc của loại hàng ni lông nhuộm mặc nưa như chúng ta vừa tìm hiểu, đã xoay đổi hẳn cuộc diện nghề nghiệp. Nếu các nhà chuyên môn về tầm tang cũng như các giới chức có trách nhiệm trong ngành này không cực lực chú ý và cố sức phát triển theo kỹ thuật khoa học để cải thiện cho ngành, thì chắc chắn không lâu, các thí điểm tầm tang không chỉ tại miền Nam mà kể cả ở miền

Trung, sẽ bị sụp đổ.

Ngày nay đến quận Tân Châu, khắp các thôn ấp, người ta sẽ trông thấy những hàng là hàng. Ngoài sân nhà, trên đồng trống, trước cổng đình chùa, đâu đâu cũng thấy có những cây hàng đến huyền, dài thậm thướt, trái phơi dưới nắng. Từng đàn người gái trai, già trẻ áo quần đen thui, tay chân đen thui, lớp thì già trái mặc nưa, lớp thì nhúng hàng, xả hàng, phơi hàng, nện hàng, cuốn hàng, chở hàng... Sinh hoạt tấp nập, nhộn nhịp. Cái vui vẻ hồn nhiên của những người đang vất vả với nghề nhuộm mặc nưa đó là đời sống của họ được dễ dàng, số lợi tức vô ngó thấy. Một chủ nhân có một lò nhuộm đã cho tôi biết rằng ông chỉ làm vừa vừa thôi, mà năm trước (1969) kiếm được một triệu bạc và năm này (1970), đã kiếm được gần hai triệu.

Cơ sở nhuộm càng bành trướng thì trái mặc nưa càng cần dùng nhiều. Mà thứ này đa số là phải mua ở Cao Miên. Mấy năm trước tuy Việt Nam Cộng Hòa đoạn giao với Cao Miên, nhưng người dân biên giới nhất quyết không đoạn giao được. Họ vẫn phải tự động trao đổi mua bán với nhau. Bây giờ thì ta đã có trồng được một số cây mặc nưa, nhưng nhu cầu quá tăng vọt, số có của ta chỉ là một tối thiểu số. Người ta đang đua nhau lập vườn mặc nưa, tôi tưởng Nhà Nước nên chú ý phát triển ngành sản xuất trái mặc nưa và nên lập nhiều thí điểm ươm giống hoặc tháp cây mặc nưa. Giá trái mặc nưa ba năm trước chỉ 500đ một tạ, thì trong năm 1969, có lúc lên đến 15.000đ

Rồi 1970 giá mặc nưa tăng vọt lên 25.000.4 một tạ. Sự tăng giá quá cao của trái mặc nưa đã khiến nhiều lò nhuộm nhuộm ầu. Mặt hàng trông cũng bóng láng, nhưng chỉ giặt vài lần thì bị trở đỏ hoe hoặc xanh dờn. Các bà các cô ở Thủ đô đang mặc những chiếc quần lãnh láng nước

màu huyên, đa số là các bà, cô mua lãnh mặc nưa ở Tân Châu đó.

Dù là Mỹ A, dù là ni lông, người ta cũng đều nhuộm bằng trái mặ nưa. Trái mặc nưa nhiều khi quá mắc vì hết mùa của nó, người ta ham lợi đã phải nhuộm sơ sơ. Các bà các cô cần coi chừng, kéo phải kêu trời.

NGUYỄN VĂN HẦU.

□ Lưu lạc ở Tàu, người nữ sĩ gốc sông Hương núi Ngự này đã cho ta Gió bắc, Những đêm mưa, Tàu ngựa cũ.

□ Giờ, sau khi ở Pháp, ở Anh và hiện ở Mỹ, người nghệ sĩ còn lặn độn ở một phương trời gọi về quê mẹ :

NHỮNG CÁNH DIỀU

□ Các bạn nên có Những cánh Diều này để thử xem trời Âu và đất Mỹ có biến đổi cái thông minh, cái dí dỏm, cái chua cay đặc biệt của LINH BẢO hay không.

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

21, Nguyễn Thiện Thuật Saigon — Đt : 92.017

NHÀ XUẤT BẢN SÁNG-TẠO

Đã cho phát hành loại sách kỷ niệm song ngữ, một đoạn văn của KHU RỪNG LAU :

CON CÁ MẮC CẠN

(The Stranded Fish)

Bản dịch Anh văn và minh họa Võ Đình.

SÙNG CHÍNH ấn hành tháng 8-1971

tác phẩm giáo khoa

SỬ VIỆT-NAM SỬ THỂ - GIỚI

của

TRƯƠNG NGỌC PHÚ
NGUYỄN HỮU CHÂU PHAN

Lớp 11 A B C D

Chương trình cập nhật hóa

- Đáp ứng lối thi trắc nghiệm
- Trình bày mỹ thuật
- Nội dung phong phú, soạn đúng theo chương trình Sử học hiện hành

oOo

Quý vị Giáo sư Sử Địa ở các nơi muốn có sách xin liên lạc với nhà xuất bản : 8 bis, Nguyễn Huệ, Huế.

Chúng tôi xin kính tặng

BNP

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Nhân đọc tập « CHUYỆN CỔ DÂN GIAN MIỀN NÚI » của Nguyễn Đắc

● HUỲNH HỮU ỦY

Cách đây chừng hai tháng, tập «chuyện cổ dân gian miền núi» được xuất bản. Đây là một sưu tập gồm mười bốn truyện cổ tích của các tộc-dân miền núi, các sắc-tộc thiểu-số anh-em mà chắc chắn là về phương diện huyết thống và lịch sử có rất nhiều liên hệ với tộc-dân Việt, từ chuyện cổ tích Thái, Mường, Nháng, Puộc, Xá, M' nông đến chuyện cổ tích Hơre, Hore, Bahnar, Bonam, Djarai, Chăm. Những chuyện cổ tích miền núi đã kết tập nhau để tạo thành một nền văn học dân gian miền núi rất giàu có, độc đáo, lắm lúc cũng vô cùng tráng lệ. Với sự ràng buộc, liên hệ về nguồn gốc giữa tộc-dân Việt và các tộc-dân thiểu số (1), mà sự ràng buộc này trước những ngưỡng cửa mới của lịch sử lại càng gắn bó keo sơn hơn, nền văn học dân gian miền núi cần phải được đặc biệt chú ý và nghiên cứu kỹ bởi vì đó chính là một phần vô cùng phong phú và rực rỡ của nền văn học dân gian Việt-nam.

oOo

«Sắc tộc thiểu số Djarai có một chuyện kể lý thú nhằm giải thích về trường hợp không có chữ viết của họ : khi Pơ Thế (Đức Phật) đến dạy giáo lý của ngài ở vùng Thượng, tất cả các vị vua của dân tộc Khmer, Lào, Xiêm... đều đến tề tựu đông đủ. Họ mang theo lá thốt nốt, lá dừa để ghi chép những lời Phật dạy do chính ngài đích thân bày cho cách viết. Trong số đó có cả

người Thượng, nhưng thay vì dùng lá như mọi người, đồng bào Thượng lại hạ trâu, để lấy da mà chép. Đến khi Pơ Thế giảng xong, ai về nhà nấy, người Thượng ném da trâu bừa bãi xuống đất, nửa đêm con chó ngửi thấy, liền đến ngậm ăn hết. Vì thế, người Thượng không có chữ viết.

Chuyện kể có tính cách tượng trưng, các sắc tộc thiểu số anh em khác cũng có chuyện tương tự. Nhưng không phải vì thế mà bảo rằng ngót sáu mươi sắc tộc thiểu số Việt Nam đều không có chữ viết. Thật ra như sắc tộc thiểu số Thái, Mường chẳng hạn đã có chữ viết từ lâu, có đều là các ngôn ngữ anh em bị trị trệ, nhất là điều kiện tiếp xúc bên ngoài, nhất là vì điều kiện sinh hoạt chậm tiến ở miền non cao.

Nhưng dù có hay không có chữ viết, các sắc tộc thiểu số Việt nam cũng đã tạo cho mình một nền văn học dân gian phong phú và độc đáo, mà trong đó chuyện cổ tích là một kho báu vô tận, chiếm một lượng số không kể xiết.

Chuyện cổ miền núi thường được hình thành dưới hình thức văn vần

(*) Nguyễn Đắc sưu tập, Nguyễn Trung họa bìa, Hồng Lĩnh xuất bản.

(1) Về sự liên hệ này, một số nhà khảo cổ sử hay nhân-chủng học, như Arousseau, Gaspar-donne, Madeleine Colani, André Leroi Gourhan đã cho chúng ta thấy rõ bằng công trình nghiên cứu lâu dài, với sự cố gắng những dữ kiện rất minh nhiên, xác thực.

hoặc dân ca, thành thử người ta không kể chuyện cổ tích, mà phải nói là hát chuyện cổ tích: Đồng bào thiểu số Rhadé ở cao nguyên Trung phần gọi là hát *khan*.

Khan có nghĩa là ca hát. *Khan* gồm những câu thơ ngắn hoặc dài từ ba tiếng lên đến tám, chín tiếng.

Ngôn ngữ của *khan* là một dòng luân lưu liên tục những hình tượng nghệ thuật, nên có sức hấp dẫn lạ lùng, khiến cho người nghe *khan* say sưa theo dõi không biết chán» (Trong lời mở đầu, chuyện cổ dân gian miền núi, trg 5, 6, 7)

Oo

Và như thế, dù đã có hay chưa có văn tự, các tộc-dân miền núi cũng đã hình thành được một nền văn-học dân-gian vững chãi. Đúng như những đặc chất của một nền văn học dân gian là sự gắn bó lâu dài bao đời qua, với quần chúng dân tộc, trước thời kỳ văn tự, chữ nghĩa phát sinh thành cơ cấu, hệ thống. Những tác phẩm văn chương, nghệ thuật dân gian được lưu truyền, sống động bằng sự lưu chuyển từ miệng người này sang người khác: Mẹ kể chuyện cho con, bà kể cho cháu, hay người ta kể cho nhau nghe bằng lối hát *khan* của những anh em Rhadé giữa những cuộc gặp gỡ trong công việc lao tác, nơi những buổi hội hè đình đám.

Nội dung nền văn học này hoàn toàn tùy thuộc vào đời sống, sinh hoạt của đại chúng, biến đổi tùy thời đại và những đòi hỏi của hoàn cảnh mới, nó thấm-thấu qua mọi hoàn cảnh thời gian và không gian mà biến hóa luôn. Nền văn học dân gian, mà truyện cổ là một

phần nổi bật trong đó, chính là sự nảy sinh từ lòng đại chúng dân tộc, được đại chúng yêu mến, cứu mang, nuôi dưỡng, bằng những hơi thở nồng nhiệt dài hơi, bằng những nhịp đập thật thà của trái tim chơn chất mà dưng mãnh. Nền văn học dân gian, hay văn học xét chung, nói như một nhà văn học Nga là «*Cuốn sách giáo khoa về đời sống*». Không Tử lúc san định lại Kinh Thi đã nói: «*Bất học thi vô dĩ u ôn*» cũng chính là có nghĩa như thế. Hay như Tiên Điền Nguyễn Du, trong bài thơ chữ Hán «*Thanh minh ngẫu hứng*»:

Thôn ca sơ học tang ma ngữ

Dã khóc thời văn chiến phạt thanh

Nghĩa là: Tiếng hát nơi thôn xóm giúp ta học, những câu tả về trồng dâu, trồng gai; Tiếng khóc nơi đồng nội như nhắc lại thời chiến tranh (1)

Nơi nền văn học dân gian, nhà văn học, nhà ngôn-ngữ học hay nhà dân-tộc-học đều sẽ có thể nghiên cứu để nhận ra những tin sáng hời quang của đời sống dân tộc, của những biến thái về mọi mặt, những biến chuyển, thăng trầm, di động, của một quá trình đấu tranh hào hùng, dưng cảm mà thơ mộng, để tồn sinh. Trong cuộc đấu tranh tồn sinh đó, nói như Thái Dịch Lý Đông A thì «phải có một bản cứ duy nhất, đó là sinh lực của các lớp tử vong: tồn tục chỉ một bảo chương duy nhất, đó là năng lực của các lớp đang Sống và sẽ Sống trên tiến hóa. Tiến hóa làm bằng sự tự giác của thời đại trên một phản tỉnh đối với sự khư,

(1) Thơ chữ Hán Nguyễn Du. Bùi Kỳ, Phan Võ, Nguyễn khắc Hạnh dịch. Trg 63, 64, nxb Văn hóa 1959.

một phản quang đối với vũ trụ, một tiên kiến đối với tương lai. Tiến hóa phải có một lý tưởng và một phương châm, một cương thường luôn luôn sẵn sàng có trong tay mình những vũ khí vô cùng sắc bén, những công cụ tinh thần và vật chất luôn luôn tiến hóa» (1). Trong tấm gương phản chiếu trở lại của nền văn học dân gian, người ta sẽ nhận ra được một chặng đường tiến hóa của dân tộc, ở đó là sinh lực của các lớp tử vong, là sự tự giác của những thời đại kế tiếp và nhất là được dẫn-lực, chỉ-đạo bởi một lý tưởng nhân đạo, một cương thường tốt đẹp. Trong nền văn học dân gian, nơi các chuyện tích cũ vừa có tính chất truyền kỳ (légendaire), vừa có tính chất huyền thoại (mythologique), chúng ta sẽ tìm thấy những ý nghĩa tượng trưng chỉ đạo hướng sinh tồn của dân tộc, những đòi hỏi và khát vọng của tập thể quần chúng lớn. Ở đó, chúng ta sẽ thấy rằng nó không nhằm tán ngợi một cá nhân nào, một đế quyền nào, «những di-tích tiền sử để lại cũng như những huyền thoại lưu truyền trong dân gian chỉ nói đến người dân. Người dân đầu tiên khai sơn phá thạch để tạo lập ra một vũ trụ sinh tồn biệt lập cho dân tộc. Người dân đã xây dựng văn hóa. Người dân đã chiến thắng rừng núi và đầm lầy. Người dân đã bảo vệ giang sơn và bình trị sông nước. Người dân nhẫn nại và yếu ớt nhưng có thể phát triển một tiềm lực vô song khi nghe tiếng gọi của núi sông» (2).

Nói truyện cổ dân gian miền xuôi cũng như miền núi, bằng những phân tích cơ cấu chúng ta sẽ nhận ra những ý nghĩa tượng trưng và tinh túy. Bình thường, chúng ta sẽ thấy những ý hướng chính, như cổ xúy đời sống đạo-

đức, nhân nghĩa, chính thắng tà, thiện thắng ác, với những tác dụng giáo dục mạnh mẽ. Như tán ngợi cuộc đấu tranh dũng cảm của con người chống lại những đối nghịch tàn bạo bên ngoài, từ sự tàn bạo của một thiên nhiên đầy hăm dọa, đến sự tàn bạo của chính con người, của những giai cấp thống trị, bóc lột, phản động, phản tiến hóa, bước trệch đường trên chiều đi tới của tập thể. Nhưng ở đó cũng là những bài ca trữ tình, phóng khoáng, tuyệt đẹp, ở đó là tình yêu giữa những con người, tình yêu đối với thiên nhiên; tình yêu cao khiết, nồng nàn trai gái; tình yêu tổ quốc, dân tộc với một bầu máu nóng, một ngọn lửa nhiệt tình bùng bực. Nó cũng tán ngợi mỗi nhiệt tình lao tác, khai phá. Ở đó là muôn vẻ đẹp, mà nói cho cùng thì nó bùng bùng một tiềm lực đấu tranh Sống còn. Đó là những anh hùng ca (Saga), những hùng thi (épopée), mà cũng là những bài tình ca diễm lệ, lăm lăm lúc trữ tình đến độ náo nùng. Đó là một cuộc sống to lớn của đại chúng, một cuộc sống tranh-đấu mạnh mẽ một cuộc sống tiến hóa vững chãi.

Đó là vẻ thơ mộng bao trùm bởi một thể giới bàng bạc, bí ẩn, ngất ngây, trầm hùng, khi thần Pô Kuk tìm cách vượt biển cả, đi diệt loài ma quỷ để lấy lại ánh sáng mặt trời và mặt trăng về soi sáng cho nhân gian (Sự tích gà gáy sáng. Chuyện cổ tích Chăm, trang

(1) Châm ngôn, Chu Tri-Lục, Thái Dịch Lý Đông A, Gió Đáy xuất bản, 1969.

(2) Trần ngọc Ninh, Huyền Thoại Việt Nam. Tìm hiểu huyền-thoại dân tộc qua huyền thoại học so sánh. Nguyệt San Tân Văn số 14.

105). Nguyên thủy, vào thuở sơ khai lập địa, trời đất sáng rực vì có đến 12 mặt trời và 12 mặt trăng, nhưng chúa tể loài ma quỷ là Murnurmasipaykay đã đột nhập thánh đường của vị thần khai sáng sự sống, đánh cắp chiếc nỏ và tên vàng, bắn vỡ tan tành 11 mặt trời, 11 mặt trăng. Mặt trời và mặt trăng còn lại hoảng sợ chạy trốn mất, và bấy giờ vũ trụ trở nên tối tăm ghê rợn, bóng tối dày đặc bủa vây chung quanh. Trước cảnh tượng thê lương và hãi hùng, thần Pô Kuk ghen ngào nhỏ ba giọt nước mắt trên tay ngài. Nước mắt đọng lại thành Sáp Ngai nhỏ lông nheo làm thành tim đèn và bật lửa thấp sáng. Và sau đó, ngài đã phải vượt biển qua xứ Murkak và Murtinanh tìm lại trời mặt. Trên bình diện cứu cánh, tuy nhẹ nhàng và ít tính chất bạo động, nhưng ý nghĩa tích cực đạt đến thì chuyện cổ này khác gì thần thoại Prométhée trong kho tàng thần thoại Hy-Lập.

Chuyện con Thỏ mưu cao (cổ tích Djarai), rất ngây ngô, hồn hậu và dè dặt, nhưng ở đó cũng là sự đề cao về một cách sống khôn-ngoaan tối-thiểu ở đời.

Chuyện Nàng Hơ Bia Rơ Băm (cổ tích Djarai) nói lên một ý nghĩa công bình trong trời đất. Lớp người thống trị gian ác, tàn bạo mà điển hình là Pơ Tao (Tù trưởng, Chủ làng) luôn luôn, bất cứ lúc nào, cũng tìm cách sống cái bản tính «thèm ăn của chua, thích ăn mùi nấm» (*), nhưng ít khi trời đất lại dung cho bọn người này. Nàng Hơ Bia Rơ Băm, Vợ Rít — chàng trai trẻ khỏe mạnh — Nàng xinh đẹp, mi miều, lộng lẫy trong nắng mai hồng rực rỡ, nàng

bước đi như chim tơ đang bay lượn giữa trời xanh, như đàn bướm đang nhẹ nhàng rung cánh nồn tằm nắng trên những nụ hoa vàng... nhưng nàng phải gạt lệ đi với Rít đến nhà Pơ Tao, để thỏa mãn ý gian tà của tên chủ làng. Nhưng giữa lúc nhà Pơ Tao đang linh đình sửa soạn rượu tiệc để làm lễ cưới vợ cho chủ nhân, cưới vợ bằng cách cướp vợ người, thì dùng dùng sấm sét vang rền, gió rít, mưa đổ, nước dâng ngập nhà Pơ Tao, đá gỗ ầm ầm đổ xuống nhà Pơ Tao. Đó là ý muốn của Yang (thần); Yang trừng phạt kẻ hung ác và Pơ Tao cuối cùng phải trả Hơ Bia Rơ Băm cho Rít. Rít đưa Hơ Bia Rơ Băm về nhà, như đôi chim đang tung tăng bay lượn, vui tươi nô đùa giữa trời xuân. Từ đó hai người sống bên nhau như đôi chim nhông của núi rừng. Với chuyện nàng Hơ Bia Rơ Băm, dưới nhãn giới Fenerbach chẳng hạn thượng đế hay thần thánh chỉ là bóng dáng của con người vẽ nên, là một mặt nào đó của con người, thì sự giận dữ của Yang, trút đá gỗ ầm ầm đổ xuống nhà Pơ Tao, trừng phạt kẻ gian ác, đó chính là sự tức giận, lòng phẫn nộ của đám đông, của quần chúng đông đảo bị đàn áp đã nổ bùng, để từ đó đứng lên lật đổ bạo quyền, lật đổ giai cấp tàn ác thống trị mà Pơ Tao là biểu tượng của giai cấp phản động này. Tuy nhiên, trong giòng tiến hóa chung, đây mới chỉ là một phản kháng tiêu cực, mới chỉ là một phát khởi, manh nha của một ý thức mới, tiến bộ, cởi mở, giải phóng trên con đường lịch sử mới.

Chuyện Chu Hùng Ú có quyền phép (chuyện cổ tích Nhắng) là một thể loại

(*) Ý nói cướp vợ người khác
(chú thích của tác giả)

anh-hùng-ca nói về một chàng thanh niên hùng tráng, với quyền phép thần thánh giúp, đã đánh tan bọn chủ nhà tàn ác, độc đoán, tham vọng, cuối cùng lại nhận được ản tín của trời ban để làm chúa tể một mường.

Hay chuyện *Đam san* (chỉ được kể đến trong phần dẫn nhập mà không thấy trong tập sách) nói về một nhân vật nổi tiếng trong chuyện cổ dân gian có tài nghệ cao cường, đã làm cho những tay gian ác kinh hồn bạt vía. «Thái độ chiến đấu đến cùng chống áp bức cường hào của những nhân vật anh hùng (dù là trong truyện cổ) đã tiêu biểu cho sức mạnh, trí tuệ và ý chí của các sắc tộc thiểu số. Hoàn cảnh đấu tranh gian khổ đã tôi luyện cho họ một tinh thần bất khuất. Tinh thần ấy phản ánh mạnh mẽ trong dòng văn học dân gian phong phú, được coi như là pho sử thi khái quát lịch sử đấu tranh của họ trong toàn bộ quá trình đấu tranh hùng vĩ của dân tộc Việt Nam» (*chuyện cổ dân gian miền núi, trang 11*)

Chuyện *Chàng Lú nàng Cua* (cổ tích xá) là một chuyện tình đau đớn, thơ mộng giữa hai người trai trẻ yêu nhau, nhưng gặp phải một hoàn cảnh bất trắc, tuyệt vọng, cuối cùng hai người đều tự tử chết và được gặp nhau, sống yên ấm ở cõi trời.

Những mối tình như thế đã dựng thành những bản tình ca nồng thắm, sắt son, tuyệt vời, tô điểm cho đời sống của rừng già, núi thẳm trùng trùng điệp điệp. Ở đó, có những táo bạo, sôi nổi của tình yêu, dường như muốn đề cao một thứ tự do luyện ái đích thực, hợp tình, như trường hợp một cô gái thượng du qua ca dao *Tày*, với lời bày tỏ thành thực,

nồng nàn, táo bạo :

*Bên chiếu anh còn rộng hay không rộng
Bên chân anh còn thừa hay không thừa
Để em xin ngủ cạnh một giấc
Gà gáy em sẽ về trước gà (*)*

Hay lời ca sâu thẳm, âm đậm của một người tình nhắn gửi một người tình, thương yêu nhau mà không sống được với nhau, qua truyện thơ *Sóng chụ son sao* (tiền dặn người yêu) của dân tộc Thái :

*Đến rừng ớt, ngắt lá ớt ngồi chờ
Đến rừng cà ngắt lá cà ngồi đợi
Đến rừng lá, mong mãi là mong... (*)*

Với vài điểm vừa trình bày, với vài câu chuyện cổ miền núi vừa dẫn, chúng ta cũng đủ để liên tưởng đến một nền văn học vô cùng phong phú chưa được khai phá hoàn toàn. Một tập truyện sưu tập của Nguyễn Đắc mới chỉ là một trong hàng trăm ngàn hạt trân-châu của nền văn học miền núi, mà chắc chắn càng dần bước vào chúng ta càng sẽ vô cùng thú vị, ngộ ngàng, ngạc nhiên như bước vào một khu vườn tràn đầy kỳ hoa dị thảo.

oOo

Nền văn học dân gian miền núi mới chỉ là một số cành lá đâm chồi nảy nở từ cây văn học Việt Nam, dù đó là một số cành lá xanh tươi, mạnh mẽ với những chồi, nụ nụ búp, mạnh khỏe. Vậy thời nền văn học dân-gian Việt Nam còn phong phú đến mức nào.

Đã có những công trình khởi thảo nghiên cứu về nền văn học này, tuy nhiên

(*) Trích dẫn của tác giả, trang 13.

chúng ta vẫn chưa có những cơ sở lớn để nghiên cứu một cách đúng mức, toàn diện và tối đa. Càng nghiên cứu kỹ về nền văn học bình dân chừng nào, chúng ta càng có những căn rễ, những dấu mốc vững chãi chừng đó, để từ đấy nền văn học, nghệ thuật Việt nam hiện đại có thể tiến vững, phù hợp với những đòi hỏi và hòa hợp mới mà vẫn không phải lai căng, mà vẫn lớn dậy mạnh mẽ trong những độc đáo riêng của mình.

Văn học dân-gian là hơi thở mạnh khoẻ tiếp thêm khí lực cho những con đường sáng tạo ngày nay. Văn học, nghệ thuật dân gian tiếp sức cho nhà văn, nhà thơ, nhà nhạc, nhà họa trên những bước đường chông gai mới: Lúc anh lên đường với một vốn liếng giàu có, một hành trang phong phú, anh sẽ vững tâm, sẽ không còn sợ hãi, chóa ngợp trước những giả hình, những mới mẻ không thích đáng, những hư danh và vọng tưởng, những trò đánh bạc giả.

Về văn, về thơ, như Vũ Ngọc Phan đã có lần đi tìm những chứng cứ về sự tiếp sức của văn học dân gian, của ca dao đối với Hồ-Xuân-Hương hay một Nguyễn Du (1).

Về nhạc, Vũ Ngọc Phan cũng đã từng phát biểu thế này: « Nhiều nhạc sĩ đã xây dựng được những bản nhạc trên cơ sở những dân ca của ta. Đã có những bản nhạc có những nét độc đáo của dân tộc, làm cho người nước ngoài rất chú ý: Nhận thấy một phần nào công trình nghiên cứu của các bạn nhạc sĩ và liên hệ đến khả năng phục vụ của dân ca Việt Nam, tôi tin rằng dân ca của chúng ta là một vốn rất quý để chúng ta xây dựng nhạc Việt Nam, vì nhạc Việt Nam không

thể xa rời dân ca Việt Nam mà lại có hơi thở ấm áp, độc đáo của dân tộc. Ca dao có câu:

Chim quýt ăn trái nhãn lồng

Thia thia quen chầu, vợ chồng quen hơi

Nhạc của ta và dân ca của ta cần phải gần gũi nhau, quen hơi bén tiếng với nhau như vậy. Một điều chúng ta cũng nên dứt khoát: khi đã là nhạc Việt Nam thì làn điệu nó phải Việt Nam.

Nói như thế không phải bảo chúng ta cứ xoay quanh mãi ở một số nét nhạc cổ điển; chúng ta rất nên, trên cơ sở những nét nhạc truyền thống, mà phát triển và sáng tạo những cái mới... Các bạn nhạc sĩ thường nói: « Dân ca quan họ Bắc Ninh của ta có hàng trăm điệu và nhiều bài dân ca khác cũng rất phong phú về mặt đó ». Tôi thiết nghĩ đây là cơ sở rất tốt để xây dựng nhạc Việt Nam » (2)

Những phong trào nghiên cứu về dân ca, phát triển dân ca, sáng tác nhạc trên quan điểm dân ca rầm rộ khắp nơi trong những năm vừa qua, từ những nhạc sĩ, những nhà nghiên cứu âm nhạc tiền bối như Trần văn Khê, Nguyễn hữu Ba, Phạm Duy... đến những nhạc sĩ trẻ tuổi còn đầy sinh lực như Trịnh công Sơn, Tôn Thất Lập, Phạm Thế Mỹ, Miền đức Thắng, Nguyễn đức Quang, Ban nhạc Hoa Sim... là những chứng cứ quá hiển nhiên và nghiêm chỉnh cho điều đó. Về Họa cũng thế, bản chất của nghệ thuật vốn là phá vỡ những ràng buộc chặt hẹp của những biên giới, nhưng làm thế nào người ta có thể phá vỡ những đường nét đặc thù, cá biệt dưới cái nhìn chủ quan của cá nhân họa sĩ, huống gì là

(1) (2) Nghiên cứu văn học, Số 12, 1962

những đường nét cá biệt của nền nghệ thuật một dân tộc. Cho nên, một họa sĩ trẻ tuổi tài hoa bây giờ là Nguyễn Trung đã hết sức khôn ngoan khi, như nhà danh họa Mẽ-Tây-Cơ Rivéra, đi tìm lại các tranh mộc-bản xưa, đề nghị lại những đường nét, màu sắc đặc thù, để từ đó khởi dựng, sáng tạo một thế giới mới mẻ và đầy sinh động.

Tất lại, nền văn học dân gian cần phải được nghiên cứu kỹ lưỡng và sâu rộng, bởi vì nó sẽ góp phần rất lớn tài bồi cho con đường đi tới của nền văn học ngày nay.

Chúng tôi đã nhân đọc một tập chuyện cổ miền núi mà đây vấn đề đi hơi xa, đặt vấn đề trong những tương quan rộng lớn, trong việc nghiên cứu và phát huy nền văn học nghệ thuật dân tộc.

Điều cuối cùng phải nói : tập sách «chuyện cổ dân gian miền núi» là một sưu tập những chuyện cổ tích của nhiều sắc tộc thiểu số Việt Nam, mang màu sắc đặc thù của giòng văn học dân gian miền

núi phong phú và hết sức thú vị. Tuy chưa được công phu gì lắm, tuy chưa được đề nghiên kỹ càng, và mới chỉ là một công trình sơ khởi, quá khiêm tốn, chưa làm thỏa mãn người đọc, ngay cả khi so sánh với một số sách đã xuất bản như *Việt Nam văn học toàn thư* của Hoàng Trọng Miên chẳng hạn, và theo chỗ chúng tôi hiểu thì tác giả chỉ mới xử dụng đến một số tài liệu nào đó của Viện Văn học Hà Nội, chúng ta phải nhận một điều là tập sách rất đáng kính trọng, đáng quý mến. Tập sách này còn khả kính hơn nữa, xét như là một đóng góp, dù chỉ là đóng góp tiêu cực, bởi một ý thức sáng suốt, trước tình cảnh hiện nay, một tình cảnh cực đoan, bạo động, máu lửa và tàn phá, tình cảnh của những tâm hồn đã đánh mất mọi căn rễ, những trái tim không còn tiếng gọi của đất tổ, quê nước, chỉ còn quy lụy và bạo quyền lên ngôi.

Ngày Giỗ Tổ. 4. 1971
HUỠNH-HỮU-ỦY

Chúc Mừng

Thành thật chúc :

LÊ VĂN TRUNG và NGUYỄN THỊ HIỆP

trăm năm hạnh phúc.

Trần Hoài Thư — Hoàng Đình Huy Quan — Đỗ Toàn —
Trần Huiền Ân — Nguyễn Lệ Uyên — Phạm Ngọc Lư —
Mang Viên Long — Nguyễn Phương Loan — Phạm Văn
Nhàn — Thế Vũ — Phạm Cao Hoàng — Nguyễn Lệ Tuấn —
Lê Ngô Châu — Tường Linh.

Tủ sách MÂY HỒNG

Trình bày những tác phẩm của các nhà văn

YÊU TUỔI THƠ

Đã trình bày :

— HẠNH PHÚC TRONG TAY	của Minh Quân
— CHIM BAY THÀNH PHỐ	— Nguyễn Khắc Lộc
— KẼ TRỘM NGỌC	— Phương Mai
— TUỔI BUỒN CỦA MẸ	— Nguyễn Thụy Anh
— CON CHIM XANH	— Hợp Phố
— BÁT CANH THƠM	— Nguyễn Khắc Lộc

Sẽ trình bày trong tháng 8 và tháng 9 :

— ĐÓA HỒNG GAI	của Nhật Tiến
— THI SỸ TÝ HON	— Trùng Dương
— SUỐI THƯƠNG YÊU	— Hoàng Đăng Cấp
— THẲNG MỌI ĐEN	— Viễn Quỳnh
— MÙA THU HOA CÚC	— Du Tử Lê
— MỒ CÔI MẸ	— Lý Thụy Ý
— KHỐC TRONG MƠ	— Anh Vũ
— HIẾU BỤI ĐỜI	— Viễn Quỳnh
— HAI TRẺ PHIÊU LƯU	— Thụy Đỗ
— HIỆP SĨ CHUỘT	— Trùng Dương
— SÂN TRƯỜNG MẮT BIẾC	— Du Tử Lê
— BÍ MẬT DƯỚI THÀNH PHỐ CỎ	— Kim Thu
— THẦY LẬP	— Nguyễn Khắc Lộc
— DÌ VÂN	— Ngọc Ngà
— BÍ MẬT DƯỚI CHÂN SAIGÒN	— Vũ Hạnh

Sách của MÂY HỒNG ngoài phần chuyện chính, có thêm phần phụ lục gồm những tài liệu giá trị và hữu dụng cho học sinh. ngoài Tủ Sách MÂY HỒNG có phát hành loại sách đặc biệt :

— TUỔI MƠ	của Lý Thụy Ý
— HOA PHƯỢNG VÀNG	— Du Tử Lê

Với phần phụ bản đặc biệt về các loại hoa.

Ba nụ cười buổi cuối

1.

Tên các Giám-thị được viết bằng phấn thành ba cột dài trên bảng, theo thứ-tự y như trong tờ Sự-vụ-lệnh của Nha Khảo-thí. Vì vậy, nguyên cột bên trái là các Giám-thị từ tỉnh khác tới. Hai cột còn lại là các Giám-thị địa-phương: Giáo-sư các trường tại tỉnh. Những con số ghi phòng do Thư-ký Hội-đồng ghi trước mỗi buổi thi đã được xóa đi, chưa điền lại. Chỉ còn những chữ V dành cho những người vắng mặt và chữ VP sau tên những người ngồi Văn-phòng suốt cả ba ngày.

Buổi chiều, Nghị đến sớm. Tại Văn-phòng chỉ có ông Phó Chủ-tịch Trung-tâm và ông Thư-ký. Nghị hơi ngượng. Làm như mình tích cực với công vụ lắm vậy. Nghị chọn chiếc ghế kê sát vách ngồi tựa lưng. Đức đến kế tiếp chào Nghị bằng câu hỏi:

— Đến sớm thế?

Nghị cười, chìa tay:

— Mấy buổi trước mình đi trễ mãi. Cũng phải đi sớm một lần gọi là góp phần tạo công-bằng xã-hội với Chính-phủ.

Đức ngồi xuống bên cạnh Nghị, rút thuốc lá ra mời. Ông Phó Chủ-tịch Trung-tâm, người Bắc, gầy gầy, thắt cà-vạt đen, nhanh-nhẹn, vui-vẻ, lịch-thiệp, quay lại gọi chuyện:

— Trưa hôm nay chúng tôi thật

vất-vả. Mười hai giờ rưỡi mới xong việc. Đi ăn trưa. Rồi một giờ đã có mặt ở đây.

Nghị, Đức góp một vài câu phụ họa. Ông Thư-ký Trung-tâm, ngồi cạnh ông Phó Chủ-tịch, không nói gì. Ông này cũng người Bắc nhưng có nhiều điểm khác biệt: to con, mập mạp, áo sơ-mi cò bẻ (vì vậy khi các Giám-thị nói chuyện riêng với nhau họ vẫn gọi là *anh cà-vạt* và *anh không cà-vạt*), kém phần vui-vẻ, lịch-thiệp và đôi khi giữa buổi họp cướp lời ông Phó Chủ-tịch, trong cách nói năng có vẻ như muốn ra lệnh, muốn biểu dương một chút uy quyền.

Khá đông Giám-thị đã vào phòng. Số ghế trống chỉ còn một ít. Ông Thư-ký một tay cầm tờ giấy nãy giờ nhằm tính, một tay cầm viên phấn tiến lên bảng xanh, chia phòng cho các Giám-thị. Tên Nghị ở gần cuối bảng. Số phận được quyết định trễ muộn. Nghị đưa mắt theo bàn tay ông Thư-ký, không biết chiều nay, còn buổi chiều cuối cùng, mình sẽ coi chung phòng với ai. Khi sau tên Nghị đã có một con số và tìm được con số trùng hợp ở một tên khác, Nghị mỉm cười. Chẳng có lợi lộc gì đó, nhưng cùng làm việc với một nữ Giám-thị trẻ đẹp vẫn thích thú hơn. Ưu tiên thứ hai mà Nghị thích là cùng phòng với một nam Giám-thị đàng đàng sát khí. Như vậy mình vừa đỡ nhọc, vừa hoàn thành

nhiệm-vụ một cách tốt đẹp, vừa tránh khỏi ân-oán giang-hồ trong những ngày sau kỳ thi. Nghị sợ đi chung với những vị có bà con quen biết đi thi. Họ sẽ phó mặc cho Nghị xoay xở với thí sinh, để họ có thời giờ giải bài gởi ra hành lang hoặc tìm cách chuyển đề ra có người ngoài lo liệu. Tại Trung-tâm có trên vài mươi nữ Giám-thị. Người bị kêu là khó nhất, từ Giám-thị tới thí-sinh đều công nhận, là Hoài, với biệt-danh *người con gái họ Dương* — Hai người vui, trẻ, đẹp nhất là Ánh-Thu và Nhã-Trúc. Ánh-Thu là một giáo-sư mới vào nghề, về học-trò còn vương nhiều trên dáng dấp, được chọn ngồi Văn-phòng trọn kỳ thi. Còn Nhã-Trúc sau khi đi các phòng, chiều nay gặp Nghị ở phòng 38.

Khi cầm hồ-sơ ra cửa, Đức vỗ lên vai Nghị:

— Anh đến sớm thì được đi với người đẹp của Trung-tâm. Đó cũng là công-bằng xã-hội.

Nghị cười, không nói gì, chậm bước chờ Nhã-Trúc rồi hai người thông-thả đi qua khoảng sân cỏ rộng. Chuông đã điểm cho thí sinh vào phòng. Họ không có cái thông-thả của Giám-thị. Tuy không tranh nhau, họ cũng bước từng bước dài, theo dọc hành lang, họ nhảy thoăn-thoắt lên bậc thềm, lên thang lầu.

Nghị sắp đến phòng mình thì có tiếng Dũng gọi. Nghị quay lại, Dũng hỏi:

— Me-xừ Như là người ở đâu vậy?

— Giáo-sư *Cọp Ninh hòa*.

Lợi cũng vừa đến sau Dũng, tiếp lời Nghị:

— Cha đó một cây đó nghe. Đã từng đòi lập biên-bản nhiều trận rồi đó.

Dũng căn-dặn thí sinh đứng bên cạnh:

— Ông Như phòng mây đó, dữ lắm, phải cẩn thận, coi chừng.

Hà-Châu cũng dừng lại, chu đôi môi đỏ:

— Anh Nghị. Nguyễn ngọc Bí là ông nào đâu? Nghe nói cũng thứ dữ phải không?

— Ông hớt tóc trụi đó. Giáo-sư Nha-trang. Ủ. Cũng bà con với *Cọp Ninh-hòa* và *người con gái họ Dương*.

Đôi mày nhỏ của Hà-Châu chau lại:

— Vậy là con em tôi ở Phòng 26 gãy luôn rồi!

Hà-Châu bước đi. Tà áo màu nắng bay trong thềm nắng. Nghị nghĩ: Chiều nay nữa là hết. Ngày mai, trở lại một ngày đề tùy nghi, chín giờ thức giấc, mười giờ đi ăn điểm tâm. . . Khỏi ai hỏi mình: Ông đó, cô đó... thế nào? Làm như mình là ông Giáo ở trường Bồ-Đề: *tiến vi dân-ý-vụ, thối vi sư*, từng nắm hồ-sơ cá-nhân của bao nhiêu người, biết rõ tam đại tứ đại của mỗi công-dân để khi cần trình với Cố-vấn...

cOo

2.

Trong bữa cơm vào những

ngày thi, Nghị thường vừa ăn vừa nói chuyện với người anh làm việc ở Tòa Hành-chánh :

— Sáng nay, tôi là kẻ ngồi chơi xơi nước. Công việc như một tùy-phái : đến từng phòng phát cho mỗi Giám-thị một *Giấy Chứng-nhận-công-tác* để họ điền tên họ và nhiệm-sở vào. Thế mà khối thằng thích. Không phải vì nhàn mà vì bọn nó mong được đi lại để coi sóc *gà nhà*. Tôi mới ôm tập giấy ra khỏi Văn-phòng thì mấy tên đã bu lại. Nhờ lên lấy cái đề toán ban B. Con cháu, họ hàng của tụi nó, cần giúp thì còn được. Đằng này nghe đâu tụi nó chạy áp-phe. Lấy đề ra, giá bao nhiêu. Đưa bài vào, giá bao nhiêu. Thằng Võ nói : Anh lên lấy giúp sớm sớm đi, có thằng Duy chờ ở ngoài, nó giải cho kịp. Tôi hỏi : Thằng Duy nào ? Duy dạy Nông Lâm Súc đó à ? Phải. Duy đó. Duy đó thì tôi không lấy. Cái thằng phách lối. Thằng Thư chen vào : Chắc anh ít tiếp xúc với nó, thấy nó chuyên mang kính và gặp ai chả chào hỏi gì ngoài cái hất hàm, chứ nó dễ dãi lắm. Không, đối với tôi thì nó không có gì chứ với người khác mà nói nó dễ dãi thì tôi xin ông. Tôi có thằng bạn dạy trường nó, bị nó trù ẻo hoài. Hết điểm danh khéo, về tâu báo với Thanh tra. Người lớn, làm toàn chuyện con nít. Bảo nó vô đây hét lên một tiếng Giám-thị đưa đề cho giải... Nói thì nói vậy. Võ hơi nài-nỉ và tôi nể Võ đi tìm đề. Nhưng tôi đi khắp các phòng mới trở lại thì đã muộn. Võ có đề rồi. Từ giờ phút đó tôi ngồi luôn trong Văn-phòng.

Bước ra, tôi sợ anh em. Kẽ nhờ chuyện cái nháp cho số này. Người nhờ đến xem thử số kia. Không giúp gì thì anh em nói mình hiêm. Mà giúp thì vừa làm vừa bực mình. E nổi bọa Giám-thị xa cho rằng mình ở trong tổ-chức làm tiền. Tiền ! Đời này cái gì cũng tiền hết. Mà có những kẻ quá ngu-xuẩn. Con cháu mình học hành đề cho kẻ khác ăn tiền. Nghe nói, cho đến sáng nay vẫn còn có người đến xin gởi gắm cho thằng Lưỡng. Mà nó có làm gì đâu. Nó nói một cách ngon lành : Tôi *chạy tại chỗ*, đòi bài, nếu thấy con em không được chỉ, không có nháp đưa tới, cũng cứ yên tâm. Mỗi thí sinh một trăm ngàn, đưa tiền trước, không đâu trả tiền lại. Nó nhận đâu mười mấy người. Nhận tiền rồi nằm nhà ngủ, khỏi lo gì cả. Thế nào trong mười mấy thí-sinh đó cũng có bốn đứa đậu. Là nó có bốn trăm ngàn rồi. Thôi cho chỉ đậu một đi, khi không có trăm ngàn tiêu, chẳng sướng sao ?...

— Tôi đi hành lang, dấy sau với cha Hoàng. Có một chuyện buồn cười là Cảnh-sát toan ộp Giám-thị. Cũng tại thằng Tùng gà mờ. Cứ tưởng Trung-úy biệt phái của mình là ngon. Phải biết là ngon có chỗ chớ. Khi đi làm Giám-thị, mặc nhà binh, vác lon ra, có le hơn chút nào đâu. Mà có muốn lấy đề thì cứ đường đường chính chính vào phòng, bảo Giám-thị phòng đưa cho. Cái này, cha nội từ Văn-phòng học-tốc đi xuống phòng thi, học tốc rút một đề thừa trên bàn, xếp xếp nhét vội vào túi quần, quay ra. Làm

cho lão Cảnh-sát đã-chiến gác phía trước đó sinh nghi. Nhìn về mặt lão là tôi hiểu rồi. Có lẽ lão cho rằng Tùng là một Trung-úy ở ngoài, sao vào phòng thi như vào chợ. Một chập, ông Phó Chủ-tịch Trung-tâm đi qua, lão Cảnh-sát chặn ông lại nói một hồi lâu. Quả như vậy. Người Cảnh-sát nói về Tùng và hỏi: Tôi có quyền ộp không? Dĩ nhiên ông Phó Chủ-tịch trả lời không. Anh chỉ có quyền ộp người ngoài, còn nhân viên Văn-phòng lấy đề lên giải thử là chuyện thường. Đi hành-lang sau mới thấy cái cảnh phụ-huynh lo-lắng khi con em đi thi. Họ chạy ngược, chạy xuôi ngoài đường, bu đầy hàng rào. Bực mình nhất là mấy người quen. Bà giáo Thiều, bà giáo Nhân cứ réo tên tôi rồi lấy tay ngoắc. Làm như mình có thể chạy ra lấy nháp đem vào cho con em các bà. Không hiểu sao mấy bà không chịu tùy trường-hợp mà đối xử...

— A! Tôi có duyên với cha Hoàng rồi. Lại đi phòng với lão. Nghe đâu, Hoàng cũng loại khó, đã từng đòi lập biên-bản. Mới vào phòng, anh ta đưa cái bản mặt nghiêm-nghị ra. Càng tiện cho tôi chứ sao. Tôi đâu có gà vịt nào ở đây. Một chập thấy Hoàng có vẻ dễ dãi lần lần. Bùi đóng vai Giám-thị hành-lang, đi gùm gùm phía ngoài. Tôi biết Bùi có gà trong này. Anh chàng đã nói với tôi. Nhưng tôi ngạc nhiên khi thấy Hoàng bảo nhỏ sau khi mời tôi điếu Sa-lem: Nhân có gà nó trong này. Làm sao giúp nó. Nó nói hoài... Tôi cười; Kệ nó. Làm được bao nhiêu thì làm.

Hoàng thấp giọng: Nó gãy liền, làm gì nổi, anh em thông cảm... Tôi biết, vậy là gà của Hoàng cũng có ở đây. Vì gà của Bùi đã thấy có nháp rồi. Tôi nói: Tùy anh. Làm giúp chi được thì giúp... Phòng này có mấy tên kém quá. Sau khi tôi tịch thu tài-liệu rồi là nó ngồi ngẩn ra đó. Bên ngoài rào có người réo tên tôi. Tôi quay ra cửa sổ, thấy ông giáo Chúc. Tôi không nói gì và ông ta vẫn réo. Thật tình là tôi bực ghê lắm. Tôi vốn mến và nể ông Chúc nhiều. Không ngờ ông cũng réo gọi kiểu đàn bà vậy. Mà réo gọi thì tôi đã làm gì giúp được ông chứ? Một chập, phạch một cái, giấy nháp rơi đúng trước mặt cậu thí-sinh ngẩn ngơ. Bên ngoài Cảnh-sát thối toe toe. Tôi nói: Anh thò tay lấy tờ giấy đó là tôi lập biên bản liền. Thằng bé van xin: Dạ, tài-liệu thầy lấy hết rồi, thi hỏng là tháng mười em phải đi lính, tội nghiệp lắm thầy... Lại! Lúc này cũng lấy chiêu bài nhập ngũ ra đề nói. Tôi bảo: Chắc gì nháp đã làm trúng. Hai đứa tranh nhau trả lời: Dạ trúng thầy. Mấy ông làm là Giáo-sư dạy ở Bồ-Đề mà. Ông Chúc hả? Dạ, ông Chúc và ông Phương. Tôi đưa mắt hỏi Hoàng. Hoàng có vẻ tán trợ cho lũ nhỏ. Tôi đứng dậy, ra hành lang, đến bàn nước, mặc thầy trò muốn chi thì muốn. Tôi tự an ủi: Mình nghiêm-minh với một phòng thi phòng đó thiệt thòi...

— Buồn cười một nỗi là tội nó đâm ra coi tôi như một cuốn tự-điền. Tại vì tôi nhớ tên và nhiệm sở của các Giám-thị xa. Giám-thị địa phương thì tôi quen hết. Cứ trước giờ vào

phòng là bao nhiêu đứa bu lại hỏi tôi : Giáo sư hay giáo-viên ? ở trường nào ? Khó hay dễ ?... Còn mấy ông Cảnh-sát, quân-nhân tăng-cường an-ninh, cứ đợi cho bọn nhỏ lia nháp vô phòng rồi huýt còi cho nó chạy ra và làm bộ rượt theo không kịp. Bởi vì, ngay ông Cảnh-sát xếp, khi dò danh-sách cấm thi, thấy có tên nằm chinh-linh trong đó...

—

oOo

3.

Thí-sinh đã vào phòng ngồi theo số ký danh. Tất cả im phăng-phắc. Nghị và Nhã-Trúc đang kiểm-soát lại Căn-cước thì ông Phó Chủ-tịch Trung-tâm đến trao đề. Theo lệnh ông, tất cả tài liệu mang theo được giao nộp cho Giám-thị. Nghị thu góp, nhặt nhanh mấy quyền sách vút lên bàn. Giám-thị hành-lang là một Giáo-sư ở xa, cũng vào phụ giúp Nghị công-việc truy-tầm tài-liệu.

Tiếng chuông từ văn-phòng reo dài. Nghị xé phong bì niêm đề rồi đưa cho Nhã-Trúc. Nhìn bàn tay Nhã-Trúc thoăn thoắt trao cho thí-sinh, Nghị nghĩ đến một sự ban phát. Ở đây, sự vui mừng hay buồn lo không tùy thuộc những ngón tay xinh xinh trắng nõn kia, mà tùy thuộc những dòng mực ronéo in đen trên trang giấy. Nếu văn-phòng luôn luôn cắt những ông Giám-thị đặng đặng sát khí đi với những cô Giám-thị trẻ đẹp như Nhã-Trúc, cũng đủ lợi cho thí-sinh rồi. Ít nhất, ông Giám-thị dẫu có mặt sắt đen sì cũng bỏ ra vài phút để nhìn ngắm nữ đồng-nghịệp. Th' giờ đó là thi giờ

tự-do của thí-sinh. Nhã-Trúc nói với Nghị bâng-quơ một vài câu chuyện rồi đến bên bàn ngồi hí-hoáy. Nghị cũng đến bên bàn. Thì ra, Nhã-Trúc đang làm bài. Nói làm bài, không đúng hẳn. Nhã-Trúc đang chép bài, từ một quyền sách thu của thí-sinh ra tờ giấy nháp. Nghị cười, rồi ra cửa nhìn vô-vần. Phía dưới, thí-sinh thiếu sự trông nom, len lén rồi ngoái cổ sang nhau. Ở phòng bên cạnh là Như và Thanh. Thanh đứng trên bực nhìn xuống. Trông từ xa lại, Thanh có vẻ bớt già. Người con gái cao số, mười năm đi dạy rồi, vẫn chưa tìm được một tấm chồng mà vẫn không nghe một dư-luận gì xấu-xa, cũng là điều đáng phục. Tất cả đồng nghiệp đều gọi Thanh bằng Chị. Không rõ Thanh có lắc đầu tiếc rẻ cái thời được gọi bằng Cô chẳng ? Nếu có, thời ấy đã quá xa lơ, có lẽ Thanh không bao giờ mong nhớ lại. Như thì cặp hai tay sau lưng, đi lên đi xuống. Rồi Như sang phòng Nghị, im lặng, đến nhìn nhìn vào bài thí sinh. Nghị nhủ thầm : Tại sao có chuyện lạ vậy ? Anh chỉ lo tròn ở phòng anh là đủ rồi. Ở đây, đã có tôi, cần thì nhờ Giám-thị hành-lang phụ giúp. Anh sanh sự vừa thôi chứ... Như trở về phòng. Rồi lại sang phòng Nghị, im lặng, nhìn ngắm. Rồi trở về. Lúc chép xong bài, Nhã-Trúc ra hành-lang. Nhã-Trúc nháy Thanh. Thanh nhìn Như rồi đứng yên. Nhã-Trúc quay vào, rồi quay ra. Thanh lại nhìn Như và vẫn đứng yên. Nhã-Trúc nói với Nghị :

— Trúc đã nói với chị Thanh rồi. Chị ấy chịu đưa giùm cái nháp này cho

con em, mà chị ấy cứ đứng mãi trong đó...

Như lại sang phòng Nghị. Nhã-Trúc quay vào, còn Nghị vẫn tựa lưng ở cửa chính. Như hỏi:

— Anh dạy ở đây?

— Vâng. Tôi dạy ở đây.

— Anh biết Trung-tá Vị, Thanh-tra.

— Biết. Trước khi biệt-phái tôi làm ở đó.

Như nhỏ giọng:

— Số chỗ tôi đứng hồi nãy của Trung-tá Vị gởi. Anh coi giúp. Chỗ nào nó bí thì chỉ giùm. Lỡ có tài liệu gì cho qua... Thông cảm giúp đỡ..

Nghị cười:

— Được rồi! Thông cảm..

Bây giờ Nghị mới thấy Như nở một nụ cười, trở về phòng. Nghị thở phào, chưng hửng. Vậy mà mình cứ ngỡ nó qua gờm gờm chực sanh sự với mình. Nghị thấy lòng tự nhiên trống trải và nhẹ nhõm. Còn Nhã-Trúc thì đứng ngồi không yên, tặc lưỡi với Nghị:

— Chị Thanh, tức ghê! Hay anh làm ơn giúp Trúc đi. Từ dưới lên trên, dãy ngoài, bàn thứ hai, con bé ngồi giữa, có nơ đỏ. Anh có túi quần, bỏ vào để hơn, Trúc cầm trên tay khó quá!

Nghị bảo:

— Đưa đây...

Nhã-Trúc ấn bàn tay vào tay Nghị. Nghị nói nhỏ:

— Phải lúc khác thì tôi nắm luôn bàn tay cô rồi đó.

Nhã-Trúc lườm Nghị và dặn:

— Anh này... Coi chừng ông Như đó nghe.

Nghị bĩu môi:

— Sợ gì *Cọp-Ninh* hòa gãy răng gãy móng rồi.

Nghị khoan-thai sang phòng Như. Hai tay cho vào hai túi quần. Thanh đã rời bực cao, lại ghé bên cửa sổ. Như đứng sau bàn viết, có lẽ kiểm-soát phiếu điền với căn-cước một lần nữa cho chắc chắn. Nghị nhìn Như. Như vờ nhìn ra cửa sổ. Một tiếng tạch nhẹ. Mầu giấy nháp rơi trước mặt cô bé Nhã-Trúc dặn. Cô bé tròn đôi mắt, một chút ngạc-nhiên, rồi đưa tay xé nhanh ra, để theo trang giấy nháp đồng mầu đang viết dở dang. Đôi môi cô bé nở một nụ cười thật rạng-rỡ thắm-tươi. Nghị vẫn nghiêm-trang, hai bàn tay trở lại trong hai túi quần, quay đi và biết rằng Nhã-Trúc đang đón Nghị bằng một nụ cười cũng rạng-rỡ thắm-tươi như cô bé thí-sinh.

15-7-1971

TRẦN HIỀN AN

SÁCH LÁ BỐI

Đã bày bán khắp nơi:

- **NHƯ CÁNH CHIM BAY** truyện dài của VÕ-HỒNG
 - o Ai đã tham dự kháng chiến chống Pháp 45-47 nên đọc « Như Cánh Chim Bay » để thấy lại hình bóng mình ở đó.
 - o Bạn chưa hân hạnh dự cuộc kháng chiến thần thánh nên đọc « Như Cánh Chim Bay » để thấy đàn anh đàn chị mình đã làm gì.
- **GÓP NHẶT CÁT ĐÁ** của Thiền-sư Muju, Đỗ-dĩnh-Đồng dịch
 - o Tác phẩm viết vào thế kỷ thứ 13. Những suy niệm về Zen.
- **ẢO TƯỢNG** tuyển tập truyện ngắn của 7 tác giả : Sơn Nam, Hồ-hữu-Tường, Chinh-Ba, Thiều-Chi, Nhất-Hạnh, Võ-Phiến, Tuệ-Uyên. (Tái bản lần I.)
- **B NG HỒNG CÀI ÁO** của Nhất-Hạnh tái bản lần thứ năm 1971.
- **ÁO EM CÀI HOA TRẮNG** của Võ-Hồng
Tái bản lần thứ ba 1971.

Giữa tháng 9-1971 sẽ phát hành :

- **LỊCH SỬ VĂN MINH ÁN-ĐỘ** của Will Durant, Nguyễn-Hiến-Lê dịch.
Sách dày khoảng 600 trang, số lượng in ít vì vốn in quá nặng, bạn nên đặt trước ở hiệu sách quen, đừng để mua không kịp như Sử-Ký Tư-Mã-Thiên và Chiến-Tranh và Hòa-Bình (Tái bản giá tiền tăng hơn gấp đôi).
- **CHIẾN-TRANH VÀ HÒA-BÌNH I** (tái bản) của Léon Tolstoi Nguyễn-Hiến-Lê dịch.

Nhà sách LÁ BỐI lot O số 121 Chung-cư Minh-Mạng SAIGON 10

Mua sách tại LÁ-BỐI được trừ nhiều hoa hồng. Bày bán các sách của các nhà xuất-bản uy tín.

Nguồn nhiên liệu tuyệt vời
cho sức khoẻ của các bạn

SYNERPHOS — B.12

ống uống

Trị — CÁC CHỨNG SUY NHƯỢC
— LAO-LỰC, GIÀ YẾU
— THỜI KỲ MANG THAI — CHO CON BÚ

Viện bào chế O.P.V.

THIẾU MÁU

chích

HEPADOUZAL

Trị — THIẾU MÁU
— DƯỠNG BỆNH
— KIẾT SỨC
— CHAI GAN

bào Viện chế O.P..

VỀ ĐÂU

1-

Vi không nhớ nổi nghĩ ngờ về con người bắt đầu lãng đãng ám ảnh nàng từ thuở nào. Từ thời niên thiếu chăng? Không, nhất định không. Tuy tuổi nhỏ hai chị em thiếu những chuyện thần tiên có công chúa và hoàng tử, thiếu bàn tay ve vuốt của người mẹ hiền, thiếu những nụ cười trong như ngọc, nhưng cô bé Vi chưa bao giờ dám nghĩ ngờ về cuộc đời.

Ngày cha mới mất, ba mẹ con sống với nhau như đàn gà lạc giữa xóm làng heo hút nằm sâu vào ven bờ núi. Mẹ về với cha bất chấp lời can ngăn của ông ngoại, nên chưa bao giờ có ý nghĩ trở lại nương náu nhờ nhờ của cải giàu có của cha mẹ. Gia đình phía nội của Vi lại nghèo, tuy hết sức nề-vì cô con gái con ông chánh tổng danh tiếng, nhưng không biết làm gì để giúp đỡ kẻ cô-thế. Những lời an ủi, phân ưu không làm no lòng. Mẹ phải lăn lộn với đời, chịu khó đi làm thuê, mót lúa, để nuôi hai con. Vi phải ở nhà giữ em, nấu sẵn nồi cơm, múc đầy盎 nước. Mẹ vất vả quá nên nhiều buổi chiều trở về gắt gỏng đánh đập con cái, trút hết sự giận hờn thế thái nhân tình lên đầu hai đứa trẻ mặt mày ngơ ngác, hơ hải. Thăng Vĩnh còn nhỏ khóc tặc-tức không chịu nín, làm mẹ cáu, thêm nặng tay. Mỗi lần như vậy, Vi vội bồng em ra phía vườn chuối, mếu máo dỗ dành :

— Nín đi. Nín đi chị thương. Mẹ

thương em lắm. Cha mất mẹ khổ, nên mẹ dễ nổi nóng đấy thôi. Nín đi, em ngoan.

Chưa bao giờ Vi cảm thấy tin ở mình bằng lúc ấy. Gia đình này sẽ ra sao nếu không có Vi ? Ai trông nhà cho mẹ ? Ai giữ Vĩnh cho mẹ ? Ai nấu cơm cho mẹ ? Ai quét tước cho mẹ ? Trong đôi mắt sâu buồn, chứa chất vừa nổi thống khổ nhọc nhằn, vừa niềm kiêu hãnh tự tin.

Lúc hàng xóm xì xào đồn đãi sự vụ trộm giữa mẹ và ông hương Kiềm, rồi bà hương Kiềm đến đánh ghen xé rách cái quần lãnh cũ của mẹ. Vi cảm thấy tủi nhục, nhưng đồng thời hãnh diện trước vẻ sợ sệt của mẹ. Mẹ không dám nhìn thẳng mặt Vi, không dám la rầy khi Vi nấu cơm khê, luộc rau sượng, vô ý đánh bể cái chén sành, quên tắm cho thằng Vĩnh... những trận đòn lúc chạng vạng thừa thốt hơn. Mẹ mua vài hoa may cho Vi cái áo mới, đi chợ phiên trên quận mua cho Vĩnh con gà nản bằng đất sét có sơn xanh đỏ lòe loẹt. Vi mặc áo mới, cống thẳng Vĩnh tung tăng theo tiếng ti-toe, đi từ đầu làng đến cuối xóm khoe với lũ trẻ. Mấy đứa nhỏ háo hức thêm thường, xin thồi một cái. Thằng Vĩnh nhất định không chịu. Lốp vôi màu đã tróc hết, đất sét nung chưa chín vừa theo nước miếng đóng một vòng tròn quanh môi của Vĩnh. Mấy đứa lớn, nhân cơ hội, chọc ghẹo :

— Ê, đồ ở dơ !

— Ê, đồ cạp đất !

Chanh chua nhất vẫn là bọn con gái :

— Lêu lêu không biết xấu. Cái áo này đâu phải của mẹ mày. Lão hương Kiềm cho mày phải không ?

Vi tức giận bỏ Vĩnh xuống, nhào đến túm tóc con bé, cào rách mặt mày nó, thoi vào ngực nó. Nếu không có mấy đứa con trai lớn can ra, không biết hậu quả sẽ ra sao. Người ta đem con đến tận nhà mắng vốn, mẹ phải hạ mình năn nỉ, suýt soa xin lỗi và chịu bồi thường tiền thuốc thang. Vi và Vĩnh núp ở phen cửa sau, hãi hùng tưởng tượng cơn thịnh nộ giông bão sắp đổ lên đầu lên vai mình. Nhưng Vi ngạc nhiên biết bao ! Mẹ trở vào, không nói năng, ôm hai con khóc òa. Vĩnh đứng sượng sùng, còn Vi thì khóc thỏa-thuê, lăn đầu sà vào lòng mẹ, chùi nước mắt lên vạt áo mẹ, ngửi mùi mồ-hôi ngai ngái thân yêu :

— Mẹ nói đi ! Đâu phải cái áo này của ông hương Kiềm. Nó bị đánh là đáng kiếp. Của mẹ mua cho con chứ bộ !

Mẹ chỉ khóc. Khóc mãi khóc hoài. Thăng Vĩnh bỏ ra sân trước tí tõe thôi con gà đất. Chỉ còn có Vi an ủi mẹ. Vi đứng dậy, ôm đầu mẹ ủ vào ngực, hai tay vuốt ve mái tóc mượt mùi dầu dừa của mẹ. Mái tóc lúc trước vẫn rối bời như nổi bần khoăn, nổi bơ vơ không biết cuộc sống ba mẹ con rồi sẽ trôi về đâu, lúc ấy Vi mới ghi nhận sự biến đổi khác thường. Mẹ khóc mãi trong vòng tay Vi. Trong niềm

kiêu hãnh trưởng thành, mùi dầu dừa xông lên cùng nỗi ngờ vực hoang mang.

Mẹ đi làm lễ ông hương Kiềm, thì bà ngoại hốt hải đến ngôi nhà ven núi đem hai đứa cháu về nuôi. Bà ngoại ông ngoại xem sự săn sóc hai đứa cháu mồ côi như một cách trừng phạt xứng đáng đứa con gái ngỗ nghịch phá hoại gia phong. Ông ngoại ngậm ngùi nhớ các đức tính cần cù, đôn hậu, ít nói mà chơn chất của cha Vi.

— Tội nghiệp, nó nghèo mà có đức. Chết chi sớm cho hai đứa con khổ.

Ông ngoại quên hẳn rằng chính mình đã rêu rao khắp quận từ con, vì nó hạ mình say mê « một thằng cướp núi nghèo rớt mồng tơi ». Ông bà ngoại may quần áo mới cho hai chị em, mua sắm giày dép, sách vở, cho Vi và Vĩnh đi học. Bà ngoại lật mấy trang vở quần góc, nhập nhòa chữ nghĩa xiên xẹo, khen :

— Ông coi đây. Cháu nó học khá không ! Cả hai đứa đều thông minh hết cha chúng ngày trước. Con nhà tông, không giống lông cũng giống cánh.

Ngoại nói xong, gió tạt vào nhà đưa thoảng một tiếng thở dài ngậm ngùi.

oOo

2-

Mùi dầu dừa ấy phảng phất mờ mịt tận cùng thẳm của trí nhớ. Nỗi nhọc nhằn tan theo tiếng cười trẻ thơ của hai chị em. Hình ảnh mẹ chỉ còn

là một kỷ niệm xa vời. Mấy năm đầu, mẹ có đón gập, ôm vội hai con trên đường đi học về. Ngoại nghe được, nôi con thịnh nộ, lấy nón tắt tả ra đi. Ngoại lăm bằm : «đồ đi ngựa». Từ đó, mẹ chỉ dám núp xa xa nhìn Vi và Vĩnh. Từ khi mẹ liên tiếp sinh ba em bé, hai chị em không còn gặp mẹ nữa.

Tuổi nhỏ mau quên, chẳng mấy chốc hình ảnh mẹ phảng phất đâu đó, một làn gió thoảng, một thoáng mây đưa, như mùi dầu dừa trên mái tóc mượt của mẹ. Vi và Vĩnh cắp sách đến ngôi trường ngôi núp bóng vòng cảnh lá sum sê, chạy nhảy nô đùa trên gò ngựa, nuôi gà kháng chiến, gõ mõ cò động tham gia phong trào thi đua sản xuất, vỡ đất hoang bên vệ đường trồng rau nuôi quân... Cuộc sống dồn dập theo từng lời ca, điệu múa. Vi không thể quên được những tối tụ tập bên bờ ruộng, mấy cái miệng cố gắng cong-còn điệu-nghe hát bài «Quê nhà tôi» theo lời ca mẫu của chị tổ trưởng : trắng trên trời sáng đến nỗi lọt qua được cành tre, chiếu loang lổ trên những khuôn mặt đầy. Tiếng ca lạnh lói trong sương đêm. Vĩnh lại không thích cái không khí «xướng ca vô loài» ấy. Vĩnh ưa gia nhập vào đội thiếu nhi tuyên truyền, chiều chiều từng nhóm hai ba mươi em, kẻ đem mõ, kẻ đem trống, đánh loạn xạ trên khắp nẻo tối len lỏi giữa các hàng tre trong xóm. Tiếng động đánh thức những tâm hồn già nua hiếu tĩnh, khơi dậy sự tò mò. Thường thường sau mỗi hồi mõ trống, trưởng đoàn dùng ống loa thiếc loan tin chiến thắng Tây nguyên hay mời đồng bào tham dự cuộc họp bình nghị thuế nông nghiệp.

Những sinh hoạt tập thể rộn rã, cùng không khí êm đềm bao la của nông thôn làm tan loãng kỷ niệm chua chát ấu-thời trong tâm hồn hai chị em. Vì không ao ước gì khác hơn là được làm ca sĩ đứng hát bên cái vung đèn dầu dừa tim sáng bập bùng trước một đám đông khán giả chìm sâu trong sương đen ban khuya. Còn Vĩnh, Vĩnh không thể nào đứng ngoài sự cuốn hút kỳ diệu của các lễ lạc, hội họp. Nhiều hôm cuộc lễ tổ chức buổi tối trên sân vận động. Từ các mái nhà tranh thấp, từ các ngõ tối, người dự lễ mang đèn thau lũ lượt đổ về giống như những đàn đom đóm rong đêm. Vĩnh chạy nhảy hò hét, chân dẫm trên cỏ ướt, rồi lơ mơ nằm ngủ phía sau hậu trường cho đến lúc tỉnh dậy thấy mình nằm lẻ loi giữa đồng nội. Sự sợ hãi pha lẫn khoái lạc đáp đúng ước vọng phiêu lưu của cậu bé đang mơ tưởng, hăm hở về cuộc đời.

Sự say mê ấy vẫn còn nguyên vẹn trong Vi và Vĩnh khi bước chân lên trường cấp hai, tuy tính chất có đôi khác chút ít.

Với Vĩnh, các cuộc họp kiểm thảo phê bình tự phê bình sau buổi học chiều đưa Vĩnh già biệt chiều cao chiều rộng của đất trời, để phiêu lưu vào tận chiều sâu của hồn người. Ngọn đèn leo lét. Cả phòng yên tĩnh. Xa rồi tiếng trống tiếng mõ cùng tiếng cười đùa hò reo tỏ-mở. Xa rồi mây bay và gió cuốn. Xa rồi cỏ ướt và sao khuya. Gần, còn lại thật gần : ba khuôn mặt đắm chiều, cúi gằm xuống trang giấy khoai ghi nguyệt ngoạc vài hàng chữ mờ. Vĩnh cảm thấy nghiêm trọng như sắp đến

giờ sám hối. Phải thành khẩn tự nêu những khuyết điểm, lầm lạc của một ngày, trước mặt anh em, rồi phải chân thực phê bình xây dựng kẻ khác. Vĩnh cảm thấy ngất ngất như đang đứng bên vực sâu hay chênh vênh trên đỉnh tuyết, và ở cả hai trường hợp, Vĩnh có cái hãnh diện của một thánh-tử-đạo. Cùng thăm của chiều sâu, Vĩnh khám phá thấy đủ nào cỏ ướt, sao khuya, mây bay, gió cuốn, nên tâm hồn Vĩnh cũng rộn rã như tiếng mõ tiếng trống lay động đêm quê những ngày thơ ấu.

Cuộc đời lang bạt kỳ hồ của cha, trước khi lấy mẹ và sống ăn thân nơi đầu núi, không ngờ trở thành gia tài quý báu cho hai đứa con bơ vơ mồ côi sau này. Không ai biết rõ cha Vi làm gì trong cuộc đời lãnh tử. Có người gặp ông làm thợ vận bù lon đường rầy. Lại khác, ông hương cả trong làng có việc xuống tỉnh về thuật rằng có gặp cha Vi trong bộ áo Xếp-ranh. Lại lần khác nữa, một người đồng quê làm ăn trong miệt Nam kỳ viết thư báo có gặp con trai ông Lý Kiền (tức cha Vi) làm phu bến tàu. Không mấy khi cha Vi kể lại cuộc sống phiêu bạt ấy cho gia đình, nên quá khứ của ông vẫn luôn luôn là một huyền-nhiệm kỳ-bí làm sáng rõ các đôi mắt tò mò hiếu sự. Vi và Vĩnh còn quá bé để đặt thành vấn đề, phân biệt chân-giả trong những lời đàm tiếu tò mò như chuyện đời xưa.

Nhưng khi nhà trường bắt đầu xếp loại giai cấp học sinh, quá khứ của cha

lại thành quan trọng. Dĩ nhiên Vi, Vĩnh không thể thuộc giai cấp của ông dương, nổi tiếng là một phú-bào danh ác. Hai đứa cũng không thuộc giai cấp của ông ngoại, giàu có thuộc hạng nhất nhì nhờ số hoa màu đất thổ sung túc như đậu xanh, bông vải, thuốc lá, thu hoạch mỗi năm.

Vi Vĩnh chỉ có thể lấy giai cấp của cha : một công nhân hỏa xa, cùng giai cấp của những công hỏa xa Nga tham gia từ ngày đầu cuộc cách mạng tháng mười, cùng giai cấp những công nhân hỏa xa Pháp nằm trên đường sắt ngăn những chuyến xe lửa chở vũ khí qua Đông dương. Những công nhân hùng dũng xẻ núi, xây cầu, chuyển vận những đứa con Việt Nam từ ải Nam quan đến mũi Cà mau như máu huyết chu lưu trong thân thể con người. Mỗi lần khai lý lịch, Vi và Vĩnh hãnh diện ghi đậm, tô hoa mấy chữ : « giai cấp công nhân ».

Đề xứng đáng với thành phần giai cấp lãnh đạo cách mạng, đầu tàu của cuộc giải phóng nô lệ, chống thực dân đế quốc, Vi và Vĩnh không từ-nan bất cứ một công tác nặng nhọc nào ở nhà trường. Liên tiếp mấy năm, Vĩnh là học sinh xuất sắc, còn Vi là nữ sinh « chiến sĩ » trong công tác chuyển gạo nuôi quân. Hai chị em được lên lớp tám ở cấp ba nhờ những giai thoại huyền hồ của đời sống lang bạt người cha hơn là do thực-học. Trong men say của một thế giới linh hoạt mới mẻ, làm sao còn chỗ cho một mùi dầu dứa lãnh đang xông lên cùng

nổi ngò vực hoang mang của thời còn
nấp sau sau bóng núi

Những hệ lụy với gia đình mẹ và
bên ngoại không đủ bền đề Vi, Vĩnh
ngập ngừng, do dự sau hiệp định
Genève. Tất cả học sinh cấp ba đều
được tập kết. Hai chị em không cần
băn-khoăn lựa chọn. Chỉ có mỗi băn
khoăn chuẩn bị, và các xúc động
quyến luyến hoài cò mà chính Vi Vĩnh
cũng không xem trọng.

Hai chị em dắt nhau đến thăm mẹ.
Xa nhau lâu quá, mẹ e dè ngượng
ngùng với hai con như đối với khách
lạ. Mẹ suýt soa, cuống quýt lấy chổi
quét bụi trên chiếc phăn gỗ, trịnh trọng
dắt hai con ngồi, rồi chạy đi lấy bát
mật, bình nước lên mời. Mấy đứa em
khác cha của Vi mặt mũi lem luốc,
bần thiêu, khép nép núp sau phen đại.
Mẹ ngượng ngùng gọi chúng vào, bảo
kêu Vi Vĩnh là anh chị, rồi đuổi ra
sân sau chơi. Mẹ già đến nỗi Vi không
cầm được những giọt nước mắt
thương xót. Mái tóc mẹ không mượt
như trong kỷ niệm, cái yếm vải thô
ép sát lên chiếc ngực lép. Nếp nhăn
hiện hơi nhiều trên trán và ở đuôi mắt.
Vĩnh ngồi im thin thít ở góc phăn,
khiến Vi phải lên tiếng trước :

— Hai đứa con sắp đi tập kết đó
mẹ.

• Mẹ nhũ mày, ngạc nhiên :

— Tập kết là sao ?

— Là đi ra ngoài Bắc, thưa mẹ.

Mẹ chợt hốt hoảng, lo âu :

— Ra ngoài đó xa xôi, làm sao ngoại
gửi gạo, gửi tiền ?

— Chính phủ nuôi hết, mẹ à. Học
sinh học đến cấp ba đều được chính
phủ cho đi.

Mẹ nhìn sang phía Vĩnh, nói trong
nước mắt :

— Con Vi con gái đi xa không tiện.
Còn thằng Vĩnh cũng đi nữa sao ?

Rồi khi ngoại khuất núi, ai lo hương
khói thờ phượng cha hai đứa mầy ?

Mẹ tấm tức khóc mãi cho đến lúc
hai đứa lí-nhí xin về. Vi đỏ hoe hai
mắt. Vĩnh quệt nước mũi ướt đầm
ống tay áo. Mẹ đưa hai con ra cổng,
chợt nhớ điều gì dặn hai đứa chờ rồi
tất tả quay vào. Vài phút sau, mẹ trở
ra, nắm tay Vi dặt dặt :

— Hai con đem theo lối khi bệnh
hoạn, họa vô đơn chí.

Vi cảm thấy có vật gì cộm cộm trong
lòng tay, biết không phải tiền nên không
biết xử trí ra sao. Vĩnh ngo ngác, đưa
mắt dò hỏi chị, còn mẹ thì có vẻ sợ
sệt luống cuống nhìn chừng về phía
trong.

Ba mẹ con yên lặng một lúc, không
ai nói gì, cũng không biết làm gì. Vi
không chịu đựng tiếp nỗi trạng thái lo
lửng nặng nề đó, nói nhỏ :

— Thôi, mẹ vô.

— Ừ, hai con ráng giữ sức khỏe.

— Ra ngoài, con sẽ viết thư cho mẹ.

— Làm sao thư tới đây mà viết ?

— Con sẽ nhờ người quen đưa đến tận nhà. Dưới Qui Nhơn còn hai tháng nữa Pháp mới tới.

— Về thưa ngoại mẹ gửi lời thăm. Rồi mẹ chạy vội vào sau hàng táo nhơn. Vi và Vĩnh giở cái gói ra, thấy có một ché vàng lá chừng ba chỉ. Kỷ niệm còn lại của mọi người mẹ nhọc nhằn tủi nhục, đây ư? Vi tự hỏi vậy, nhưng những giấc mộng phiêu lưu, sự ham chuộng cái mới lạ vẫn mạnh đến nỗi mùi dầu dừa vẫn còn xa xa, lãng đãng.

oOo

3-

Phải đợi đến lúc chính mình va chạm với những trở lực bất ngờ, chân bước hững vào một khoảng đất trống sâu, hay trán va vào cái trần trống còn cao lắm, Vi mới thực sự hiểu mẹ. Trong cảnh cùng khổ có nhau, hằng ngày thấy mẹ vất vả lăn lộn với những kẻ mưu sinh chưa quen, Vi nhìn mẹ như một bà tiên hiền từ, bao dung, và nhất là giàu lòng hy sinh. Áo mẹ sờn vai và đi trắng mồ hôi muối, quần lấm cũ nhàu nát, mái tóc lòa xòa bao giờ cũng bị bám vài cọng rơm hay lá tre. Nhưng Vi vẫn thấy mẹ đẹp tuyệt trần. Nhất là mái tóc rối trên khuôn mặt hằn dấu đôn đau tủi nhục, với vài sợi tóc mai buông lơ thơ bên má. Nhiều hôm Vi lấy tay ve vuốt mái tóc mẹ cho thẳng hơn, nhưng nó vẫn cứ bết bồng. Cho nên tuy không hiểu rõ lòng mình, khi thấy mẹ sắp soi, thoa dầu chải

chuốt, làm mượt mái tóc vẫn còn xanh, Vi cảm thấy hoang mang, xót xa. Vi tiên đoán có một đợt biến nào đó trong cuộc đời mẹ. Vi lo sợ. Đến lúc mẹ chính thức làm lễ ông hương Kiềm, cả một lâu đài thơ mộng đổ vỡ trong Vi.

Trong đầu óc cô bé, một người mẹ hiền sẵn sàng lìa bỏ cuộc sống nhưng lựa cấm cung để lấy một tên lãng tử góc núi, tất phải có một tâm hồn đam mê và thủy chung không cùng. Những năm khổ cực sau cái chết của cha, nỗi kham khổ trong công việc đồng áng và sự im lặng cam chịu của mẹ càng làm Vi tin tưởng ở mẹ hơn. Mẹ tái giá, mùi dầu dừa nồng nặc từ mái tóc quá mượt của mẹ khiến Vi nghi ngờ về sức mạnh con người, cảm thấy sự mong manh của ý chí, sự yếu đuối của tình cảm. Vi về ngoại với một nỗi hận, và từ đó, Vi muốn quên trần gian bùn lầy sỏi đá căn cỗi, mà chỉ muốn theo mây bay.

Hai chị em đặt chân lên đất Bắc mà vẫn không quên nỗi những đợt sóng xanh, những đám mây cuốn, những chân trời ngút mắt. Vũ trụ chỉ còn có hào khí. Vi có cảm tưởng chỉ cần một tiếng hét là nước mây rung động, và sừng sững, vọt vọt trên hết mọi sự, là hiện thân của chí người.

Hai chị em được vào "học xá miền nam", chuẩn bị vào đại học. Vi chọn ngành thuốc, còn Vĩnh chọn ngành nông nghiệp; Vi vì tò mò về con người, còn Vĩnh có lẽ vì không thể quên được những đêm lễ ngủ trên cỏ ướt dưới

bầu trời trắng sao. Vi không nhớ từ sự thờ-ơ lạnh-lẽo, nàng bắt đầu lưu ý đến Tuấn lúc nào, vì nàng ở đấy suốt hai năm mà không biết bác gác cổng có đứa con trai đang học cấp ba. Hình như nhiều hôm từ thư viện về khuya, Tuấn có ra mở cổng thay cha. Vi nói cảm ơn như một phản xạ tự nhiên. Hình như vào những lúc bác cai bị cảm do trái gió trở trời, căn bệnh kinh niên của những bộ máy dùng quá khả năng và thiếu săn sóc, cậu con trai tóc cắt ngắn mặc đồng phục xanh có e ấp, sẽ-sàng đi đưa thư cho các nội trú viên. Hình như có lần nhận được thư của dì Sáu từ Vĩnh Yên gửi xuống, quá mừng rỡ, Vi có vồn vã hỏi :

— Thư đến lúc nào vậy cậu ?

— Đến từ hôm qua. Ba tôi biết cô mong nên bảo đem vội lên.

— Cảm ơn cậu nhiều. À mà này, cậu... anh tên gì cho tôi biết với ?

— Tôi tên Tuấn.

— Bác bị bệnh gì đau yếu hoài vậy anh Tuấn ?

— Tôi không biết. Chắc là bệnh già. Ba tôi như cái xe đạp cũ của tôi, hết xẹp lốp lại trật sên.

Vi thấy vui vui trước lối tỉ dụ ngộ nghĩnh phạm thượng ấy. Có lẽ từ đó, đi đâu về, lúc nào nhìn ra phía cổng đường sắt trước khu nội trú, Vi cũng thấy Tuấn. Bộ quần áo xanh của Tuấn, mái tóc « húi cua » của Tuấn, cái xe đạp thành của Tuấn trở thành

một thành phần trong khung cảnh quen thuộc vây quanh đời Vi, cái giường gỗ, cái mùng màu trắng mờ gà, chiếc gối xanh lơ, bàn học, chai nước lọc có chụp bằng giấy bìa, sách vở bề bộn trên nền xi măng lẫn lộn với băng, bông, thuốc men, hành lang dài, ánh điện yếu, con đường sỏi dẫn ra cổng sắt, khẩu hiệu trên vách tường... Biết Vi học y khoa, bác Cai có vào hỏi xin thuốc. Vi chỉ dẫn cách dùng, đôi lúc còn tự mình ra tiệm thuốc khỏe cho bác nữa. Vi trở thành một người trong nhà, gọi Tuấn thân mật bằng tên và xưng chị. Bác Cai vốn vấ hỏi về những con sông miền Trung, mùa hạ cát trắng và mùa đông nước đục tràn đôi bờ thoải, về những rừng dừa ngút ngàn, về các địa danh chợt nhớ từ thời thơ ấu phiêu lưu. Vi lần lượt được hưởng những biệt đãi: một ấm trà nóng, một lá thư đưa gấp, một khoanh giò chả. Đôi lúc, đang lúi húi lo tiêm thuốc cho bác Cai, chợt ngược lên, Vi bắt gặp đôi mắt bốc lửa của Tuấn. Vi cảm thấy nóng bừng ở thái dương lâng lâng ngây ngây như lúc bước chân xuống con tàu mang mình ra Bắc. Tuấn có vẻ muốn lánh mặt Vi, nhưng ở đâu, lúc nào, hình như Vi cũng thấy đôi mắt đen, sáng của Tuấn đắm đắm nhìn mình.

Mùa đông năm ấy, cặp phôi yếu ớt của một công chức già trải qua bao nhiêu chính thể hành hạ bác Cai hơi nhiều. Mọi công việc trong học

xá gần như bác gái phải gánh vác hết. Tuấn phải phụ việc cho mẹ, từ việc đưa thư cho đến việc soi sóc vườn tược, đóng lại cửa ngõ, sửa lại hệ-thống điện, khơi cái hầm rút bị ứ. Tuấn không mấy vui vẻ khi làm những công việc ấy, nhất là vào giờ các cô nội trú có mặt tại phòng. Nhưng bệnh tình của bác Cai không mấy thuyên giảm. Vi phải túc trực nhiều đêm bên giường bệnh, đo nhiệt độ, chích thuốc khoẻ. Cái bệnh hen làm bác khó thở, đôi khi đàm bít kín khí quản đến nỗi bác Cai suýt ngất đi nếu không có Vi cấp cứu. Tuấn vẫn luôn có mặt bên cha, và đôi mắt cậu vẫn chan chứa ánh lửa đam mê. Khi tiêm xong thuốc cho người bệnh, và bác Cai thiêm thiếp ngủ. Vi khẽ dặn Tuấn :

— Tuấn chịu khó thức coi chừng, sợ cơn hen trở lại. Có gì bất thường, cứ lên kêu tôi.

Lúc đưa mấy viên thuốc cho Tuấn, Vi thấy bàn tay Tuấn hơi run. Tuấn lí nhí cảm ơn, đưa nàng ra phía cửa hông. Vi định bước nhanh ra phía ánh sáng ngọn đèn bóng mờ dưới cổng chính, thì Tuấn nắm chặt lấy tay Vi, thẳng thốt.

— Cảm ơn chị... Cảm ơn Vi. Tôi cảm ơn Vi nhiều !

Vi im lặng, đứng chờ. Tuấn không nói được gì thêm, quên bỏ tay của Vi ra. Khi ý thức được sự lỗ bịch của mình, Tuấn mới hốt hoảng xin lỗi rồi chạy vào nhà.

Sự tận tụy của Vi không cứu được mạng sống mong manh của bác Cai. Cả học xá ngậm ngùi đưa tang. Tuấn không khóc, mắt hơi đỏ và ướt, lo đỡ vai bác Cai gái tí tê kẻ lẽ hoặc vãi vãi gào khóc. Người ta đưa mẹ Tuấn về nhà trước khi hạ huyệt, vì bà yếu đến nỗi khóc không ra tiếng. Vi đứng bên cạnh Tuấn, nhắc nhở các lễ-nghi tổng táng phải làm. Tuấn như người mất hồn, vâng theo lời Vi như đứa bé lên ba vâng theo lời mẹ. Mọi người lác đác về hết, Tuấn vẫn tần ngần đứng bên mộ đất mới. Vi lấy cớ chống mặt để các bạn về trước, đứng chờ Tuấn dưới gốc cổ t hụ bên ngoài nghĩa địa.

Lúc Tuấn dắt xe đạp ra, Vi đến bên, hỏi nhỏ :

— Bây giờ Tuấn đi đâu ?

— Tạm về nhà vậy. Chắc tôi không còn ở đây lâu.

Vi hãy tạm hỏi :

— Sao vậy ? Bác gái vẫn có thể thay thế chỗ của bác trai. Tuấn vẫn tiếp tục học, có sao đâu ?

Tuấn không nói. Đôi mắt nhìn Vi hơi có vẻ giận dữ. một lúc sau, Tuấn mới trả lời :

— Có sao đâu ! Có sao đâu ! Cuộc đời đóng khung trong cái cổng sắt, lo câu điện, tháo hầm rút, đưa thư, mở khóa. Có sao đâu !

— Xin lỗi Tuấn. Tôi muốn nói là Tuấn vẫn có thể ở học xá tiếp tục theo nốt mấy năm hòa xa.

— Không! Tôi đã định rồi. Mẹ tôi trở về quê sống với bà ngoại. Tôi đã xin ghi tên tình nguyện vào Nam. Xa chị, tôi buồn lắm. Nhưng làm sao được! Lúc xa quê hương ra đây, nhất định chị từng ao ước được làm áng mây. Tôi cũng vậy. Tôi sợ chết già ho hen bên trong khung cửa sắt.

Vi chưa xót thắm thía nỗi tuyệt vọng đầu đời. Làm mây bay! Chỉ thích làm mây bay! Đứa con trai đôi mắt bốc lửa sau bao lần rứt rứt nắm tay Vi, bây giờ thích làm mây bay. Có gì khiến cuộc đời người ta cứ luôn luôn bập bồng, và tâm hồn người ta cứ tràn đầy những giấc mộng anh hùng. Chiếc xe đạp rí hay con ngựa hí trên dặm dài? Sự chấp nhận an bình

hay sự thách đố khai phá? Vì không hiểu nỗi mình, và nỗi người. Sự quyết định của mẹ khi mua dầu thoa mượt mái tóc, sự quyết định của Tuấn khi nhất định thoát ra bên ngoài cái cổng sắt, và cả sự quyết định của Vi, muốn bám theo thoáng hạnh phúc vừa thấy để tìm nghĩa lý đời mình, do đâu mà có?

Bộ phận nào trong con người khiến nó yếu đuối rồi vũ bão mạnh như thác nước rồi lặng như mặt hồ. Có lẽ những thắc mắc ấy đã khiến Vi chọn phẫu khoa.

(còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN-MỘNG-GIÁC

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.



THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm Ngũ Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN - XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

TUỔI TRẺ HƯ KHÔNG

10 / Truyện dài HOÀNG NGỌC TUẤN

(tiếp theo BK 348)

Tiếng nhạc đệm dồn dập đánh thức tôi dậy khỏi cơn thiếp ngủ mơ màng. Một phát súng nổ trên màn ảnh, cơn mưa trút xuống trên mái tóc và khuôn mặt tái xanh rũ rượi của người đàn bà. Nàng vừa giết người, bỏ chạy điên cuồng trên con đường đêm dưới hàng cây bóng tối và bầu trời giông bão.

Hàng ghế trước mặt tôi, lơ mờ hai mái đầu chạm lại với nhau, một cặp nhân tình đang quẩn quýt. Sài Gòn là thế, bầu không khí dục tình lên lút nồng nặc khắp nơi. Từng cặp đàn ông đàn bà sáp lại với nhau, người ta muốn yêu nhiều nhưng thiếu một căn phòng kín đáo đủ tiện nghi, thiếu cánh đồng cỏ mượt thi vị bên một dòng suối, người ta vội vàng gỡ gạc ở bất cứ nơi nào có được chút ít bóng tối. Ghế đá công viên, dưới bóng cây của những con đường vắng ban đêm, dọc theo những nghĩa trang âm u. và nhất là trong những rạp chớp bóng, một giá rẻ cho hai chỗ ngồi gần sát với nhau, không ai thèm để ý đến ai, trong âm thanh và màu sắc hỗn loạn của một phim nào đó đang chiếu, những cặp nhân tình vồ vập dụi tóc tai mặt mũi vào nhau, những bàn tay quờ quạng trên thân thể.

Cuốn phim rồi cũng đến lúc chấm dứt. Người đàn bà tự sát, một chữ FIN lớn dần và đèn trong rạp bật sáng. Tôi mỉm cười khi nhìn thấy cặp ngồi trước tôi ngỡ ngàng buông rời nhau, cô gái đỏ bừng mặt, vội vàng gài nút áo lại và vuốt vuốt mái tóc rối.

Tôi bỏ ra khỏi rạp, không có một cảm giác thú vị gì đâu cuốn phim do những tài tử nổi danh đóng, lại thêm một miếng kẹo cao su khốn nạn nào dính chặt vào quần, lần sau phải cẩn thận kiểm soát mới được, ghế ngồi trong rạp hát rẻ tiền này đầy đặc kẹo cao su dính chặt và những chiếc đinh nhọn nhô lên.

Tôi đi dọc theo con đường bán sách báo. những sạp gỗ treo đầy tạp chí, báo ngoại quốc khóa thân và sách mới. bây giờ đóng kín lại, nằm sát bên nhau một dãy dài, con đường này ban ngày rất đông đảo người dạo phố chen chúc nhau coi cộp những tờ báo đủ màu có hình đàn bà trần truồng, bây giờ là đêm, con đường vắng lặng, chỉ còn một vài đứa trẻ đánh giày và những kẻ hành khất nằm ngủ trên thùng gỗ, chen lẫn trong mùi hôi của nhà cầu tiêu công cộng.

Quanh khu thương xá sầm uất nhất của thủ đô, dân thành phố đang dập dìu lượn qua lượn lại, ngắm nghía những cửa hàng rực rỡ ánh đèn điện sau lớp kính thủy tinh. Hàng hóa ngoại quốc ăn cắp bán tràn đầy trên vỉa hè, đồ thật và đồ giả hiệu na ná như nhau, khó lòng phân biệt được. Bên trong những nhà hàng gắn máy lạnh, cảnh tượng tưng bừng của những mặt người đang nói cười vui vẻ. Mọi người hình như đều có cả muôn nghìn câu chuyện để nói, xoắn xuýt lấy nhau không dứt. Tiếng còi xe và những ánh đèn pha chớp loang loáng, bồn nước bắn những tia nước lên trời, chung quanh đó những người thợ chụp hình dạo hành nghề lia lịa. Vợ chồng con cái đang quàng vai khấn khít, miệng toét cười trước ống kính. Đàn bà với muôn màu áo lộng lẫy, nữ trang lấp lánh trước ngực, mùi nước hoa đầy ắp trong không khí. Người đẹp sao nhiều quá, lượn lờ ngang mặt tôi, cô nào cũng đang nhoẽn miệng cười duyên với ai hoặc cười vu vơ một mình cho thiên hạ chiêm ngưỡng.

Tôi mua một bao bắp rang, đứng dựa vào cột đèn, miệng lồm bồm nhai và ngắm nghía khúc phố rộn ràng như dạ hội. Một vài người đi đường nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên, nhưng thấy kẻ Một đứa trẻ đánh giày tiến lại định mời tôi đánh giày, nhưng nó liếc xuống đôi giày gần há mồm và cũ mèm của tôi rồi nhún vai bỏ đi.

Người với người bên nhau, tôi một mình. Người quây quần trong những

cuộc chơi đùa, tôi một mình ở ngoài. Tôi một mình, Tôi một mình...

Bãi biển bát ngát xa xưa thuở nào, đứng trên màn cát ướt đề một mình hứng lấy những ngọn gió trong trắng nhất từ ngàn khơi, cảnh cô đơn đó thật thú vị. Nhưng ở đây, người ta lặn ngụp trong nhịp điệu âm ỉ của thành phố, còn tôi chỉ có một mình. Điều này thật nản kinh khủng.

Tôi như một kẻ cứ lần mò ngoài cánh cổng mãi mà không vào được. Dầu không biết bên trong cánh cửa đóng kín là vườn hoa ngát thơm hay vườn rân độc, tôi cũng muốn leo vào. Có lẽ tôi đã bỏ về nhà sau khi nhai hết một bao bắp rang, nếu không thấy Ngọc Đức. Hắn vừa từ một nhà hàng sang trọng bước ra, mặt ửng đỏ, cùng với một bầy con trai con gái ăn mặc áo quần sặc sỡ. Hắn ngạc nhiên khi nhìn thấy tôi, tôi mỉm cười với hắn mà không nói gì. Ngọc Đức chào đám bạn của hắn, hắn cười cười nói nói bắt tay từng thẳng và vuốt má những cô gái mặt mày tươi tắn nhí nhảnh. Rồi hắn đến với tôi, vui vẻ như thường lệ.

— Mày đứng làm gì đây? Định thay thế cột đèn hả?

— Nếu Ty công chánh trả lương cho tao, tao tình nguyện thay thế mấy cột đèn xanh đỏ này ngay. Vừa có tiền xài, vừa được ngắm phố đỡ buồn.

— Dởn sao mày? đâu đến nỗi hết nghề.

Tôi nhún vai, cười với Ngọc Đức

nhưng trong bụng chán nản hết sức.

— Hết thật rồi. Tao đã đi kiểm cả chục nơi từ mấy ngày nay.

— Vẫn chưa tìm được việc làm à ?

— Chưa.

Ngọc Đức châm thuốc lá trên kẻ môi sắc và thâm của hần, tay hần cầm que diêm mỗi lửa cho tôi. Hần kéo lấy áo tôi, chườm thề băng quơ mấy tiếng rồi nói :

— Thôi kệ mẹ những công việc của mày đi. Theo tao vào phòng trà, cho mày nghe nhạc uống rượu không mất tiền một bữa.

— Tao còn bụng dạ nào vui được. Chán hết sức.

— Nghe tao một lời khuyên này, bao giờ cũng chí lý cả : tất cả mọi công việc, lo lắng đều được dời lại vào ngày mai. Cứ tổng hết những bức bối chán nản của mày sang sáng mai cho tiện.

Rồi Ngọc Đức kéo tôi đi vội vã, hần nói :

— Sắp đến giờ chương trình bắt đầu rồi. Không có tao thì cả ban nhạc cứ ngồi ngáp dài chứ đâu làm ăn gì được.

Một đêm trước, khi Ngọc Đức thủ thi tán dốc với ả nhân tình, tôi đã biết nghề nghiệp của hần. Nhưng tôi chưa thấy tận mắt hần vùng gậy múa trống bao giờ, đêm nay là một dịp xem thẳng bạn vui vẻ này trở tài.

oOo

Phòng trà lờ mờ ánh đèn hồng và

khói thuốc lá xanh, tôi suýt vấp phải một chiếc ghế đặt bên lối đi. Ngọc Đức kéo tôi băng qua đám khách khứa lố nhố, né tránh tài tình những người bồi mặc áo vét trắng sang trọng đang lảng xảng bung rượu. Không khí lạnh ngắt thật dễ chịu, Ngọc Đức ấn tôi ngồi xuống một chiếc ghế đặt ở góc phòng trà, bên cạnh sân khấu đầy đặc những đèn mẫu, micro và trống đàn. Hần nói với tôi với giọng thăm thì trịnh trọng :

— Bàn này chỉ dành riêng cho nghệ sĩ : ca sĩ và ban nhạc. Mày ngồi đây một lúc thì tha hồ mà đấu hót với mấy em ca sĩ thơm phức.

— Mẹ, đấu gì bây giờ, chẳng lẽ tự giới thiệu : tôi là một người tuổi trẻ, bụi đời và đang thất nghiệp.

Ngọc Đức bật cười. Hần quay lại ngoắc một người bồi :

— Ê, cho bàn này một cái Martel-Soda nhanh lên.

Rồi Ngọc Đức biến đi mất. Tôi thoáng thấy hần đang đứng ở quầy rượu, nói chuyện ồn ào và thỉnh thoảng lại bắt tay một người nào đó. Hần có vẻ được ăn khách trong phòng trà này.

Một lát sau, chút rượu ngon thắm trên lưỡi và làm người tôi nồng nặc. Những điệu thuốc thơm đốt liên tiếp, tiếng đàn dương cầm dạo nhẹ dịu đặt, tôi cảm thấy như một người bình yên sung sướng nhất, không hề phiền muộn về một điều gì, thanh thoi trong không khí êm mát, bên cạnh những khách lịch sự sang trọng.

Chương trình nhạc đã bắt đầu. Tiếng kèn đồng thúc hồi nhịp điệu vui say, tiếng trống của Ngọc Đức vang lên rộn rã. Tiếc là dàn trống của hắn đặt ở góc bên kia và bóng tối của phòng trà không cho tôi nhìn thấy rõ nét mặt của hắn, chỉ thấy cái mớ tóc lòa xòa lắc lư gục lên gục xuống như một kẻ lên đồng, hai tay cầm dùi trống vung vút. Những cô ca sĩ lần lượt lên bục gỗ, trong ánh đèn màu khuôn mặt cô nàng nào cũng quyến rũ đắm đuối với đôi mắt láy đen, mái tóc như một dòng suối đen tuyền, áo dài mềm mại tha thướt. Giọng hát bao trùm căn phòng, chen lẫn trong tiếng trống đàn, chẳng hay ho gì nhưng nghe lơ mơ bên tai cũng khá êm dẽm. Em yêu anh, anh yêu em, biệt ly xa cách, anh lên đường xông pha trong mưa gió, em chờ đợi bên song cửa. Em vẫn yêu anh suốt đời, rồi em lên xe hoa về nhà chồng, anh chán đời bỏ đi giang hồ...v.v... Tiếng vỗ tay rào rào, những lời hô bis bis, giọng 'a lè nhè sặc mùi rượu của khách khứa. Cô ca sĩ cúi đầu sát đất kính chào khán giả rồi yêu điệu đi xuống bục gỗ, người hoạt náo viên tươi cười làm hề giúp vui vài câu rồi giới thiệu tiếp một cô khác. Lại trống đập dồn dập, kèn ré vang từng hồi, một cô nàng khác trong bản nhạc kích động ngoại quốc, tôi không biết mặc mũi nàng xấu hay đẹp vì tôi chỉ bận chăm chú ngắm cặp đùi trắng ngần đang nhún nhảy, chiếc váy đen lóng lánh kim tuyến kéo lên cao khỏi đầu gối cả một gang tay. Một vài thanh niên ngồi

ngay bàn đầu, cúi thấp đầu xuống ngoài cở nhìn ngược lên chiếc jupe ngắn cụt cởn.

Một cô ca sĩ đến ngồi sát ngay bên tôi chờ lúc lên sân khấu. Trong bóng tối mập mờ, nàng nhìn tôi và mỉm cười chào, đôi mắt đen tình tứ và mặt đầy phấn sáp. Chắc cô nàng tưởng tôi là một khách chơi quen thuộc hào hoa, mỗi đêm vẫn lân la ngồi tán tỉnh mấy cô ca sĩ. Tôi liếc nhìn cô nàng rồi quay đầu đi, lúng túng thấp một điệu thuốc nhìn băng quơ lên sân khấu. Mùi nước hoa đắt tiền của cô nàng thơm sực nức, tôi hít vài cái thật khoan khoái và liếc trộm nàng, bộ ngực vĩ đại trắng ngồn ngồn nhô lên khỏi chiếc áo hở ngực. Nàng ngậm một điệu thuốc lá, tôi đánh bạo đốt diêm mỗi lửa. Ánh sáng bùng lên trong giây lát soi rõ khuôn mặt nàng, cho thấy những nếp nhăn già nua mặt mũi ở đôi mắt và khóe môi mà lớp son không che dấu được.

Nàng cười tình :

— Cám ơn anh.

Tôi nhếch mép cười, không thể cười tình nổi vì nàng trông chán quá đi, chỉ được có mùi nước hoa và áo quần hào nhoáng là hấp dẫn tôi được một chút. Nàng hút thuốc, phì khói ra bằng hai lỗ mũi thành thạo không kém bọn đàn ông. Nàng nhìn tôi, và tôi thầm cám ơn bóng tối đã che lấp được bộ áo quần bê bối luộm thuộm của tôi. Nàng gọi chuyện.

— Tối nay anh đi một mình a.

Tôi ậm ự lấy lệ trong miệng, chười thề lâu nhàu trong đầu óc: Mẹ, tối hôm qua hôm kia đã chun vào phòng trà lần nào đâu mà nói đến tối nay, làm như mình một năm có ba trăm sáu mươi lăm ngày cặp tay với đào vào phòng trà du hí đều đều Tôi lí nhí nói:

— Tôi đi với thằng Ngọc Đức.

Nàng như reo lên:

— Anh là bạn của anh Ngọc hả, thảo nào em trông quen quá.

Tôi chắc nàng là một ca sĩ hạng bét mới tỏ vẻ thân thiết với một gã đánh trống như Ngọc Đức. Câu nói của nàng lại làm tôi bật cười đến hai lần, thứ nhất tôi là kẻ lạ hoắc trong phòng trà này, mới vào đây lần đầu thì lấy đâu mà “quen quá”. Thứ hai, cái chữ “em” của nàng làm tôi khoái chí, nàng chắc phải lớn hơn tôi cả chục tuổi là ít.

Chương trình nhạc bỗng ngưng lại dành cho một màn ảo thuật. Ngọc Đức được rảnh tay, hắn bỏ đàn trống xuống ngồi với tôi, mặt mày hắn mồ hôi nhễ nhại. Hắn ngồi giữa tôi và cô ca sĩ, tay quàng sang vai cô nàng một cách thân mật. Ngọc Đức hớp một miếng nước cam từ ly nước của cô ca sĩ, rồi quay sang hỏi tôi:

— Sao? Vui không?

— Ngồi đây hút thuốc tà tà cũng khoái thật nhưng hát hò gì chán quá.

Ngọc Đức thở dài:

— Mẹ, đây là cái phòng trà hạn,

bét nhất. Chỉ toàn một bọn ca sĩ mồm non và mồm già. Thịnh thoàng kệt quá, tao còn bị bắt lên đơn ca một bài nữa mới chết chứ.

Ngọc Đức lại quay sang với cô ca sĩ thủ thi xem chừng âu yếm lắm, cô nàng đặt tay lên đùi hắn thỉnh thoảng lại vỗ mạnh một cái làm hắn la lên có vẻ thích thú. Rồi hắn nhìn quanh quất như tìm kiếm ai, tôi nhìn theo hắn, chỉ thấy khách khứa và đám *ca-ve* đang rúc vào nhau trong bóng tối. Ngọc Đức bỗng đứng dậy, hắn nói:

— Tao lại nói chuyện với thằng bạn này một chút, một nhà “đại ký giả”.

Màn xiếc trên sân khấu vẫn còn tiếp tục, nhà ảo thuật gia có bộ râu như kiêu *Charlot*, lấy trong khăn tay ra một con bọ câu đập cánh xập xoè, đặc chí cười tươi nhìn vào khán giả chờ đợi. Nhưng chỉ có lẽ tẻ vài tiếng ồ tay không tỏ vẻ tán thưởng hào hứng chút nào cả.

Cô ca sĩ về già của tôi bây giờ đã có gã hoạt náo viên đề râu mép bám sát. Tôi lại ngồi một mình, cốc rượu đã hết, chất nước tan loãng trong thỏi đá lạnh thật lạt lẽo. Một lúc sau, Ngọc Đức lại từ một xó xỉnh nào hiện ra, hắn ngồi xà ngay xuống đưa cho tôi một tờ báo, nói bằng giọng điệu vui vẻ.

— Xem đi, rồi tao có chuyện vui nói với mày.

Tôi lật những trang báo theo lời hắn. Ở một trang giữa có vài tấm hình chụp ban nhạc của Ngọc Đức trong phòng trà. Một hàng tít lớn chạy trên cao. *Ban nhạc lưng danh*

nhất Thủ đồ... Bên trái trang báo là một tấm hình lớn chụp Ngọc Đức, đang cúi đầu trên dàn trống trong một dáng điệu đẹp mắt. Thêm một hàng chữ đậm : *Ngọc Đức, tay trống cực phách nhất trong làng nhạc.*

Tôi mỉm cười :

— Báo chí «ca» mày quá, chắc thế nào mày cũng được tăng lương.

Ngọc Đức chười thề, nhưng có vẻ thích thú.

— Tăng lương chưa thấy đâu mà đêm nào tao cũng phải móc tiền túi đãi thằng viết bài này uống rượu toi bời.

Tôi chăm chú đọc bài báo trong ánh sáng lò mờ, toàn là những lời ca ngợi Ngọc Đức lên tít mây xanh. Hẳn thích chí ké vào vai tôi đọc theo nho nhỏ. Tôi trả lại tờ báo cho hắn và nói :

— Biết tài nghệ mày rồi. Nhưng mà có chuyện gì vui cho tao đâu.

Ngọc Đức khoác vai tôi, hắn nói :

— Cái thằng bạn ký giả của tao nó quen với một nhà in mới mở, tao sẽ bảo hắn giới thiệu cho mày vào làm đó.

Tôi kêu lên :

— Nhưng tao biết gì về ấn loát đâu. Nghề chuyên môn đó nghe nói phải học nhiều năm mới rành được.

— Mày đâu phải là thợ máy hay thợ sắp chữ gì mà cần học nghề. Chỉ cần có một chút chữ nghĩa và chịu khó mệt mắt nhúc đầu một chút là được, thằng đó nó nói thế.

Tôi tò mò :

— Làm cái gì ghê vậy ?

— Làm thầy cò, sửa «mô-rát». Tao

cũng cóc biết gì nhiều về cái công việc này, thằng bạn tao nó mới nói cho biết chừng đó thôi. Nó bảo đây là cái công việc duy nhất dành cho một thằng thất nghiệp hạng nặng. Ngoài ra, bây giờ khó tìm việc làm ở đâu lắm.

Tôi gật đầu.

— Xong rồi. Làm cái gì tao cũng chịu hết, miễn có đủ tiền trả tiền nợ cho con mẹ Tám Mập tháng này là đủ, từ từ tính sau.

Ngọc Đức vỗ vào vai tôi, hắn đứng dậy.

— Thôi, để mai tao dẫn mày đi lo chuyện đó.

Bây giờ ngồi chờ tao tiếp tục «hành nghề» thêm một lát rồi bọn mình về ngủ.

Tôi ngáp dài một cái, dụi tắt điếu thuốc. Dù người mệt mỏi nhưng lòng tôi bỗng rộn rã dễ chịu nhờ cái tin tức đáng tiền của Ngọc Đức. Tôi hy vọng mình sẽ hết lê la suốt ngày ngoài phố một cách vô tích sự, trong khi túi quần một ngày một rỗng thêm. Tôi chưa hình dung được gì hết về công việc mình sẽ có, nhưng chắc tôi sẽ cố gắng làm dù một nhọc đến đâu. Chỉ cần một chút ít tiền lương mỗi tháng, thanh toán nợ nần và được thấy những đồng tiền đầu tiên mình tự kiếm được. Gọi là chút kết quả khỏi đầu của một gã thư sinh đột ngột ra khỏi chiếc lồng son bình yên của trường học và gia đình.

(còn tiếp)

HOÀNG NGỌC TUẤN

Người mẹ gánh hàng rong

Thơ TRẦN-DZẠ-LỮ

Tặng Hồ đăc Ngọc-Đoàn huy Giao

Mẹ qua phố tuổi già nua gánh nặng
Gánh hàng rong mua cơm áo xừ người
Ngày bỏ quê mẹ đã ngồi khóc ngất
Thương mái tranh nghèo gió xé tả tơi.

Mẹ qua phố phát phơ đầu tóc bạc
Không người quen, đời già khụ còn buồn
Đêm ập xuống ngồi đầu đường đốt lá
Mẹ hong đời không ấm lúc tha phương.

Con của mẹ có hai thằng đi lính
Đóng đồn xa nên ít dịp về thăm
Thư gửi con mẹ nhờ người viết hộ
Gói theo cùng nước mắt chan cơm.

Có những ngày bán hàng rong dọc chợ
Mẹ dò la tin tức hòa bình
Người nói đông người nói tây chẳng biết
Đến khi nào chấm dứt chiến tranh

Chờ tàn cuộc, nên lòng không sao ngủ
Mẹ ngồi hò câu mái đầy khuya cấm
Bên mái trọ con thần lẫn cảm động
Rụng một vài chạc lưỡi thương tâm

(Đề nhớ mẹ tôi)

Bao giờ

Thơ HOANG-LỘC

từng ấy năm làm một kiếp ngựa hoang
đã nả lòng anh con đường dong ruổi
những bước chân xưa trông tìm đã mỗi
sớm mai sao cứ vắng mặt trời hồng ?
ngơ ngác nhìn đời một cõi hư không
chợt nhớ tình em đây vườn lá úa...

biết đến bao giờ chùm bóng khế nở ?
cuối hiên em vui bóng nắng rơi cành
trên đỉnh ngày kỷ niệm đủ tươi xanh
vuông sân cũ tiếng cười em quá đổi
mẹ gặp niềm vui mẹ mừng mẹ hỏi
như băng khuâng nghe nhịp bước anh về

biết đến bao giờ qua lại hàng tre ?
ngó đám chim xưa tha rơm làm tổ
ói bầy chim của thời anh bé nhỏ
đến bao giờ tìm đúng một đường bay ?
để anh còn tin chưa có đổi thay
trên mảnh đất đã nuôi mình khôn lớn

và đến bao giờ tháng giêng tháng tám
trăng không vơi dù mấy nhánh Thu-Bồn
anh xin ngồi canh gió thổi qua sông
y nguyên đó áo em vàng cuối bến ?
một lá thuyền qua mang lời hò hẹn
một lá thuyền về đã khảm tình thương

anh theo đời theo mộng từng ấy năm
buồn những lúc mơ hồ nghe gió nổi
mơ chợt hiểu chuyến hành hương đã mỗi
Thêm vô cùng núp tấm lòng em xưa
Nhưng rồi anh phải đợi đến bao giờ ?

Thời sự thế giới

TỪ TRI

Trong những tuần qua ba sự kiện đã được dư luận quốc tế đặc biệt quan tâm. Trước hết là cuộc khủng hoảng của đồng Mỹ-kim đã đưa ông Richard Nixon tới một kế hoạch ổn định tiền tệ táo bạo nhất từ khi Franklin Roosevelt đưa ra chính sách kinh tế New Deal tới nay. Trong khi đó tại Bắc Ái-nhĩ-lan một cuộc nội chiến giữa Công giáo và Tin lành đã bùng nổ khiến thủ đô Belfast của xứ này đang chìm ngập trong một cảnh tượng dã man mà người ta khó có thể tưởng tượng được trên lục-địa Âu châu : Sau hết là hiệp-ước hợp tác bất tương xâm Nga Ấn đã đưa tình hình chính trị Á-châu vào một ngã rẽ mới.

Kế hoạch ổn định tiền tệ của Tổng-thống Nixon

Từ đầu tháng 8.1971 vừa qua thế giới đã đột nhiên mất tin tưởng vào đồng Mỹ-kim. Dân chúng tại các nước có sở dự trữ Mỹ kim lớn đã đua nhau đổ Mỹ kim ra để mua các tiền tệ vững chắc hơn như đồng Mã của Đức và đồng Yen của Nhật. Trong mấy ngày đầu của tháng 8, Ngân hàng Nhật đã phải đổi ra Yen một trị giá là 700 triệu Mỹ-kim. Trong khi cả tháng 7 năm ngoái Ngân hàng này chỉ đổi có 800 triệu Mỹ kim. Tại Thụy sĩ, Ngân hàng Quốc gia của nước này đã phải nhận 2 tỷ Mỹ-kim do dân chúng bán ra trong có vài tuần lễ.

Sự thiếu tin tưởng vào đồng Mỹ kim bắt nguồn từ cán cân chi phí thiếu hụt của Hoa-kỳ. Từ trên 20 năm qua tại Hoa kỳ số nhập cảng luôn luôn lớn hơn số xuất cảng. Số thiếu hụt này đã lên tới 12,5 tỷ Mỹ kim trong 6 tháng đầu năm 1971. Nạn lạm phát, hậu quả của sự thiếu hụt của cán cân chi phí, đã khiến cho đồng Mỹ-kim hạ giá trên thị trường thế giới.

Để cứu vãn tình thế này. Tổng thống Hoa-kỳ Richard Nixon đã đưa ra một kế hoạch táo bạo nhất chưa từng có trong lịch sử Hoa-kỳ từ năm 1933, khi Franklin Roosevelt đưa ra chính sách New Deal, tới nay.

Trong một bản diễn văn dài 20 phút trước máy vô tuyến truyền hình, ngày 15-8, ông Nixon đã loan báo nhiều biện-pháp kinh-tế tài-chánh quan trọng như : cấm tăng lương bổng và giá cả trong vòng 90 ngày, ngưng hoán chuyển Mỹ-kim lấy vàng và đánh thuế các hàng nhập cảng 10%. Ngoài ra ông còn loan báo giảm ngân-sách-quốc-gia khoảng 4, 7 tỷ bớt 50/0 nhân viên công quyền và bớt viện-trợ.

Dư-luận trong nước đã chấp nhận những biện-pháp này với nhiều thiện cảm. Kế hoạch ổn-định tiền tệ của ông Nixon cùng với những thành quả trong chính-sách đối-ngoại của ông ở Á-châu khiến cho địa vị của ông được tăng cường đáng kể. Với

hai chính sách này, người ta tin rằng ông sẽ thắng lợi dễ dàng hơn trong cuộc bầu cử Tổng thống vào tháng 10 năm tới.

Tuy nhiên phe đối lập vẫn còn nhìn thấy nhiều sơ hở của các biện-pháp tiền tệ. Thật vậy, từ trước tới nay đồng Mỹ-kim luôn luôn được coi là một thứ tiền-tệ quốc-tế có giá-trị vững chắc hơn cả vàng. Hơn nữa Mỹ-kim còn là một tiền-tệ duy nhất trên thế-giới được đòi thành vàng. Giờ đây ông Nixon quyết định tách rời Mỹ kim khỏi vàng khiến cho sự tin tưởng của dân chúng thế giới vào tiền này sẽ bị tiêu tan trong tương lai. Ngoài ra, rút bớt các khoản đầu tư tức là chỉ chữa trị hiện tại mà hy sinh tương lai. Kém đầu tư, kỹ-nghệ Hoa kỳ sẽ mất tính cách hoạt động.

Về mặt đối ngoại, đánh thuế hàng nhập-cảng 10% là một điểm làm cho hàng ngoại-quốc kém khả năng cạnh tranh trên thị trường Hoa kỳ, nhưng đồng thời cũng làm cho các nước kỹ-nghệ khác bất bình. Nhật là nạn nhân đầu tiên của biện-pháp này, vì hàng Nhật được nhập cảng nhiều vào thị-trường Mỹ. Sau khi làm mất lòng Nhật về chính sách xích lại gần Trung-Cộng, ông Nixon một lần nữa lại làm nhà cầm quyền Đông-kinh bất bình. Tình hữu-nghĩ Mỹ-Nhật thắm thiết từ trên 20 năm nay đang bị thương tổn vì những chính sách mới về chính trị và kinh tế liên tiếp của Tổng thống Nixon.

**Nội chiến tại
Bắc Ái-nhĩ-lan.**

Cuộc tàn sát giữa các người Công giáo và Tin lành ở Bắc Ái nhĩ lan đã khiến cho người ta liên tưởng tới cuộc nội chiến Đông Hồi và cuộc nội chiến Biafra. Ngay trên đất Âu châu, với tinh thần dân chủ tôn trọng con người, nhiều cuộc đàn áp dã man và đâm máu đã xảy ra.

Từ trên hai năm qua hai cộng đồng tôn giáo ở Ái nhĩ lan đã sống trong một bầu không khí hết sức căng thẳng. Sau nhiều cuộc đụng độ đổ máu vào năm 1969 cả hai phe đã tạm ngưng tranh đấu để chờ đợi một giải pháp. Trong khi đó một tổ chức khủng bố mệnh danh là « Quân đội Cộng hòa Ái nhĩ lan » đã luôn luôn ám sát, phá hoại để tìm cách sáp nhập Bắc Ái nhĩ lan vào Eire, tức là dùng Nam Ái nhĩ Lan độc lập. Trước các hoạt động của « Quân đội Cộng hòa » Thủ tướng Bắc Ái-nhĩ-lan là Brian Faulkner đã xin Quốc hội biểu quyết một đạo luật cho phép ông bắt giữ mọi kẻ tình nghi để ngăn ngừa các cuộc khủng bố của « Quân đội Cộng hòa »

Áp dụng luật này, lính Anh đã nửa đêm đột nhập vào nhà lãnh tụ Công giáo Joe Mc Glanchey, lôi ông này ra khỏi giường, cho 2 phút để mặc quần áo và bắt giải đi. Được con trai của Mc. Glanchey báo động, các người hàng xóm và dân chúng Công giáo trong khu của ông đã phát động một phong trào dùng bạo lực để tranh đấu đòi tự trị. Các người Công giáo đã nhất loạt đứng dậy tấn công những người theo đạo Tin lành và kết qu.

là 26 người bị chết, hàng trăm người bị thương và trên 7000 người bị thiêu trụi nhà cửa không nơi cư ngụ.

Sở dĩ Thủ tướng Faulkner nhất quyết thi hành luật bắt giữ các người Công giáo vì ông muốn bảo vệ tương lai chính trị của mình. Ông muốn được bất tình nghi đề ngửa trước các hành động của phe du kích, hầu thỏa mãn các phần tử chống đối của chính đảng ông. Thật vậy, đảng Liên hiệp, do ông lãnh đạo, chủ trương liên hiệp với Anh để duy trì qui chế thuộc địa Anh của Bắc Ái-nhĩ-lan. Các đảng viên cuồng tín của đảng Liên hiệp (Unionist Party) đã nhất quyết loại ông Faulkner ra khỏi chức vụ Thủ-tướng nếu ông không chịu dẹp tổ chức "Quân đội Cộng hòa".

Tại Belfast người ta thấy các cuộc đụng độ đổ máu luôn luôn xảy ra. Lính Anh đồn trú tại Ái-nhĩ-lan được lệnh bắn vào các đám ma Công giáo. Linh-mục Hugh Mullan bị bắn chết khi ông đang làm lễ sức dầu cho một người Công giáo sắp chết. Một bà mẹ Công giáo cũng bị bắn gục

khi bà này đang tìm cách chạy khỏi nhà. Các người Công giáo phản ứng lại bằng cách tổ chức kháng chiến chống lính Anh. Họ ném đá và chai lọ vào các lực lượng quân đội. Những phụ-nữ tay bông con cũng sẵn đến vây quanh các trại lính Anh và ca hát: «Chúng ta hãy vỗ tay khi giết được một tên lính Anh».

Cả hai bên Công giáo và Tin lành đều tổ chức đi đốt phá nhà của nhau. Kết quả là 5000 người Công giáo và 2000 Tin lành đã không có nhà ở. Có nhiều người nhà cửa và tài sản đều bị thiêu rụi.

Trách nhiệm đàn áp Công giáo được trao cho một lực lượng quân sự của Anh gồm 12.500 người. Quân đội Anh tuyên bố là đã bắt được tới 70% các thành phần phản loạn. Thủ tướng Anh Edward Heath tuyên bố là rất thỏa mãn về các cuộc bắt giữ ở Belfast. Trong khi đó Thủ-tướng Nam Ái-nhĩ-lan đang cố gắng lợi dụng cuộc nội-chiến này để tách rời Bắc Ái-nhĩ-lan ra khỏi vòng lệ thuộc Anh. Lại một lần nữa, một

Chúc mừng

Được hồng thiệp của Bà góa phụ HOÀNG CAO ĐÀN và Bà góa phụ NGUYỄN VĂN BÀNG báo tin lễ thành hôn vào ngày 31-8-1971 của:

HOÀNG THỊ ĐÀN THANH
NGUYỄN THÀNH LONG

Kính mừng hai họ

Kính chúc tân lang và tân giai nhân trăm năm lứa đôi đầm ấm vạn hạnh.

Lê Đình Kíp
Bộ Xã Hội

dân tộc chống chánh quyền trung ương và đòi ly khai :

Hiệp ước thân hữu Nga-Ấn

Ngoại-trưởng Nga Andrei Gromyko sang Ấn-độ đề mở màn cho một giai-đoạn mới trong công cuộc hợp tác Nga-Ấn. Ngày 9/8 vừa qua ông đã ký với Ngoại trưởng Ấn Singh một hiệp-ước thân-hữu, hợp tác và bất tương xâm.

Tuy không có điều khoản nào của hiệp-ước có ảnh hưởng tới đời sống chính trị Á châu, hiệp ước cũng không là một điều mới lạ trong bang giao Nga Ấn, vì từ trước tới nay hai nước đã có một chính sách thân hữu với nhau. Nhưng ý nghĩa của hiệp ước lại rất lớn. Chấp thuận ký hiệp ước với Nga, tức là Ấn độ đã bỏ chính sách « phi liên kết » thừa hưởng của cố Thủ tướng Nehru. Con gái ông Nehru đã quyết tâm rời xa hần đường lối của cha bằng cách dẫn thân vào một chính sách hợp tác với Nga.

Nhiều lý do đã thúc đẩy bà Gandhi ký hiệp ước này. Từ khi Mỹ bắt đầu bắt tay với Trung Cộng, bà Gandhi đã ngại rằng Ấn độ là nạn nhân của một liên minh Trung Cộng Hoa kỳ trong tương lai. Thêm vào đó, cuộc nội chiến Đông Hồi đã khiến cho bang giao giữa Ấn độ và Hồi quốc trở nên căng thẳng. Tổng thống Hồi Yahya Khan đã lên tiếng dọa sẽ tấn công Ấn độ nếu Ấn tiếp tục ủng hộ Đông Hồi. Bà Gandhi e rằng Tây Hồi sẽ mượn cớ bà cứu trợ gần 7 triệu dân tỵ nạn Đông Hồi để cướp

Cachemire. Nhất là Tây Hồi lại được cả Trung Cộng lẫn Mỹ ủng hộ. Viễn tượng một liên minh Trung Cộng Hồi quốc-Hoa kỳ đã đẩy bà Gandhi vào tay Nga. Từ hai năm nay Nga luôn luôn hoạt động để đi tới một hiệp ước với Ấn độ nhưng bà Gandhi đã thận trọng từ chối. Với chính sách Á châu mới của Hoa kỳ, bà Gandhi đã phải thỏa mãn Nga. Hiệp ước Nga Ấn như vậy đã đánh dấu một giai đoạn mới của đời sống chính trị Á châu.

TỪ TRÌ

MINH XÁC

Bút hiệu TRẦN ĐẠI ký trên nhật báo Độc Lập từ ít lâu nay, không phải là bút hiệu TRẦN ĐẠI—tên thật của tôi—đã được sử dụng từ 12 năm nay trên các tạp chí Tân Phong, Bách Khoa, nhật báo Tự Do, với những bài thơ, truyện ngắn và biên khảo, trên các bản tin, ký sự, của Việt Nam Thông Tấn Xã, Việt Nam Ký Sự, Tuần báo Đất Mới v.v. trước đây, cũng như trên một vài tác phẩm đã xuất bản.

Vậy, tôi xin minh xác lại cho rõ để tránh sự hiểu lầm đáng tiếc của các thân hữu, đã gây cho tôi nhiều phiền phức mấy tháng nay.

TRẦN-ĐẠI

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật bài « Đông Nam Á... » của B.s. Hoàng-Văn-Đức, đến phút chót, phải dành cho số tới.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng B. s. Hoàng-Văn-Đức và quý vị độc giả.

Tòa soạn Bách-Khoa

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Trần Quang Hải và đàn tranh tại Ba-lê.

Một đĩa đàn tranh cỡ lớn (33 vòng, Stéreo-Mono) mỗi mặt 4 bài 16 phút, do nhạc sĩ Trần-Quang-Hải trình tấu và hãng đĩa « Le Chant du Monde » thực hiện ở Paris đã được bày bán tại Pháp.

Nhạc sĩ Trần-Quang-Hải, 27 tuổi, là trưởng nam của nhà nhạc-học Trần văn-Khê. Anh đã học vĩ cầm và nhạc lý ở Trường Quốc-gia âm nhạc Saigon và năm 1963 sang Pháp học về lý thuyết và thực tập nhạc cổ truyền Á-đông tại Trung tâm Nghiên cứu Âm nhạc Đông phương trong Viện Nhạc học Ba-lê. Hiện nay anh lại dạy đàn tranh ở chính Trung tâm Nghiên cứu này và là cộng sự viên Bộ Dân tộc Nhạc học của Viện Bảo tàng Con người (Musée de l'Homme) và cũng là cộng sự viên Bộ Dân-tộc Nhạc học của Viện Bảo tàng Nghệ thuật và Truyền thống dân gian tại Ba-lê (Musée des Arts et Traditions Populaires à Paris). Anh đã tham dự nhiều cuộc hòa tấu trình diễn ở Pháp, Đức, Thụy sĩ, Ba-tư...

Riêng về đĩa nhạc đàn tranh nói trên, mà âm thanh thật hoàn hảo, với một nghệ thuật thật điêu luyện Trần-Quang-Hải đã trình tấu những bản sau đây :

Lưu, Bình, Kim (Lưu thủy, Bình bán. Kim tiền) ; Nam ai : Lý tình tang Khổng-minh tọa lâu ; Ngũ diêm, Bài

tạ ; Phong xuy trích liễu (Bài do Cụ Nguyễn-Tri-Khương sáng tác cách đây khoảng bốn chục năm) ; Nhớ miền thượng du ; Xuân về. Hai bài sau cùng do chính nhạc sĩ Trần-Quang-Hải sáng tác.

Cùng với đĩa đàn tranh này, không những nhạc sĩ Trần-Quang-Hải đã giới thiệu với người ngoại quốc được tiếng đàn mà còn trình bày được cả ở mấy trang bục ngoài đĩa nhạc : hình dạng và cách cấu tạo cây đàn 16 giây của Việt nam, nguồn gốc, kỹ thuật gảy, nhấn, cách lên dây với rất nhiều hình ảnh và các cách ký âm đàn tranh đương dùng tại Việt-nam cùng một bảng đối chiếu các đàn tranh của Trung Hoa, Đại Hàn, Nhật Bản, và Việt nam.

Phạm Duy và Linh Phương Đoạn kết.

Trên Bách-Khoa số trước (số 351), chúng tôi đã đăng tải lá thư của nhạc sĩ Phạm Duy gửi nhà thơ Linh Phương, tác giả bài thơ « Kỷ vật cho em » mà Phạm Duy đã phổ nhạc. Sau đó, người làm nhạc kể làm thơ đã gặp nhau, thông cảm vui vẻ và Linh Phương có mấy lời sau đây để đánh tan và chấm dứt mọi ngộ nhận :

« Sau khi lá thơ lên tiếng của tôi đăng trên các nhật báo phát hành ở thủ đô trong những ngày gần đây. Do đó, anh Phạm Duy mới liên lạc được tôi và chúng tôi đã gặp nhau để đi đến một sự cảm thông hoàn toàn. Tất cả chỉ là

do đời lính xé dịch luôn luôn nên anh Phạm Duy đã cố công tìm kiếm mà không gặp, cũng như do sự khuyết điểm của người xuất bản nên đã xảy ra những hiểu lầm. Nay chúng tôi đã gặp nhau và sẽ cộng tác với nhau lâu dài trên con đường nghệ thuật.

Saigon, ngày 12.08.71,
LINH PHƯƠNG

Tạ Tỵ và «10 khuôn mặt văn nghệ hôm nay»

Sau cuốn «Phạm Duy, Còn Đó Nỗi Buồn» gây được nhiều cảm tình của độc giả, Tạ Tỵ lại vừa hoàn tất cuốn «10 Khuôn Mặt Văn nghệ Hôm Nay» là tác phẩm thứ 5 trong gần 20 năm ném đời mình vào chữ nghĩa. Chiều hướng cuốn sách nói trên, hoàn toàn khác biệt với cuốn «10 Khuôn Mặt Văn Nghệ» trong Tủ sách Nam Chi xuất bản năm 1970. Cuốn «10 Khuôn Mặt Văn Nghệ Hôm Nay» viết về các nhà văn, thơ và nhạc hiện đương nổi tiếng: Trịnh Công Sơn, Túy Hồng, Nguyễn thị Thụy Vũ, Dương Nghiễm Mậu, Nhật Tiến, Nguyễn Đình Toàn, Thế Uyên, Thế Phong, Bùi Giáng, và Võ Hồng. Mỗi khuôn mặt được viết là một khung trời đặt biệt, không trộn lẫn, không hòa tan. Tình yêu, chiến tranh, cuộc sống đã đầy mỗi số phận vào những hoàn cảnh riêng rẽ, ở đấy, cảm nghĩ và suy tư được hình thành trong khắc khoải, lo âu và phẫn nộ thường trực. Tạ Tỵ đã phân tích một cách khách quan và tinh tế ở mỗi khía cạnh thuộc văn chương cũng như suy tưởng hiện diện trong từng tác phẩm.

Khởi đi từ Trịnh Công Sơn với điệu ru máu lệ, qua Túy Hồng rầy rụa cùng chiếc nôi tình ái đến Thụy Vũ đam mê, sang tuổi trẻ cô đơn của Dương Nghiễm Mậu, nỗi dày vò trong tâm tư Nhật Tiến, niềm tuyệt vọng qua vóc dáng Nguyễn Đình Toàn, tình dục và phẫn nộ với Thế Uyên, rồi hình ảnh Thế Phong ngất ngư giữa cơn mê dục vọng, Bùi Giáng, người chối bỏ thi ca, sau hết, Võ Hồng với quê hương bất hạnh!

Đây là cuốn sách biên khảo rất công phu, có thủ bút và chân dung của mỗi người do tác giả hoạt họa. Sách dày khoảng 500 trang đã được trao cho nhà xuất bản Lá Bối chờ ngày lên khuôn. Cuốn «10 Khuôn Mặt Văn Nghệ Hôm Nay» chắc chắn sẽ được độc giả đón tiếp nồng nhiệt.

Ngoài phần văn chương, Tạ Tỵ vẫn sáng tác đều về Hội Họa. Những họa phẩm mới thuộc loại Trừu Tượng, chỉ một số bạn hữu được xem tại phòng họa riêng của anh.

Lớp Báo chí hàm thụ

Một số ký giả lâu năm trong Hội Chuyên-nghiep Báo chí Việt-nam cùng một số giáo sư Báo-chí-học tại các Đại học dự định mở một lớp báo chí học bằng thư, lấy tên là *Lớp Báo chí Hàm thụ Thời Nay*.

Mục đích của lớp báo chí hàm thụ này là để đáp ứng một nhu cầu thực sự của nhiều giới trong nước, nhu cầu học hỏi và trau dồi khả năng chuyên môn về các ngành thông tin báo chí.

Ông Nguyễn Văn Thái, Chủ nhiệm bán nguyệt san Thời Nay, giáo sư Ban Báo-chí-học tại các Đại học Vạn Hạnh và Huế, người chủ xưởng lớp hàm-thụ này, cho rằng hiện nay ngoài một số sinh viên được may mắn đến trường còn công tư chức, quân nhân học sinh tại Sài Gòn và nhất là tại các tỉnh có khả năng và thiện chí nhưng thiếu cơ hội ngày giờ để học hỏi, lớp hàm-thụ này sẽ giúp những người muốn trau dồi về ngành báo-chí vượt qua trở ngại đó.

Ông Thái còn là Chủ-tịch Ủy ban Nghiên-huấn của Hội-đồng Báo-chí nói rằng : Lớp Báo-chí hàm-thụ sẽ

giảng dạy một chương trình rất thiết thực và đặc biệt phù hợp hoàn cảnh Việt-nam. Ông cho biết lớp sẽ chú trọng nhiều đến việc làm bài tập và sau những khóa học, lớp giới thiệu học viên xuất sắc cộng tác với các nhật báo, tạp-chí tại Sài Gòn.

Môn Báo-chí hiện đang được giảng dạy tại các Viện Đại-học Đà-lạt, Vạn Hạnh và Huế. Trong khi Ban Báo-chí học Đà-lạt thành lập từ năm 67 chỉ dạy trong năm cuối cùng cho sinh viên 4 năm Chính trị Kinh doanh, Ban Báo-chí học Vạn-Hạnh dạy luôn 4 năm báo chí cho sinh viên cử-nhân.

THU THỦY

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NÍT MAU, BIẾT ĐI
- CÙNG XƯƠNG,
- MẠNH KHOẺ
- NGƯỜI LỚN CÙNG RĂNG
- ÍT ĐAU RĂNG,
- YẾU PHỔI,
- MỆT MỎI

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

KN SỐ : 78 M3Y1/QCPD

HỘP THƯ

Tạp chí Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây:

Trần Quang Thiệu; Hà Thúc Sinh; Luân Hoàn; Lê thị Phú Phương; P. H. P. Nhất Tâm Phương; Nguyễn Bắc Ninh; Hoàng Uyên Kim; Nguyễn Ngọc Trác; Trần Chương; Nguyễn Đình; Trần Huyền Ân; Sa Chi Lệ; Khê Kinh Kha; Vũ Kiện; Trần văn Phụng; Đoàn Quang Quỳnh; Phạm Hữu Quang; Trần Dza Lữ; Phạm Ngọc Lư; Nguyễn văn Đệ; Thủy Triều; Huỳnh minh Hải; Lê toàn Lợi; Phan Ngọc Thanh; Nguyễn Ước; Phạm Quang Toàn; Bảo Cự; Tống châu Ân; Đông Ngô; L. Ngụy; Nguyễn Kim Phương; Lê-văn-Thiện; Trần Hoài Thư; Tôn Thất Hy; Lê Miên Tường; Mang Viên Long; Kinh Dương Vương; Nhật Tha Nhân; Nguyễn Đình Hà; Trịnh Khả Nguyên; Lê Hồng Thuyên; Xuân Tùng; Bạch Du; Nguyễn Âu Hồng; Nguyễn văn Thành; Thanh Yên; Phạm Nguyên Hồ; Phạm Mỹ Khánh; Nguyễn Sa Mạc; Huỳnh Kim Sơn; Hoàng Xuân Sơn; Nguyễn Như Mây; Vũ Hoàng Giang; Nguyễn trọng Thịnh; Phan Tấn Mỹ; Phương Hoa Sứ; Lan Sơn Đài; Thương Poài Thương; Trần văn Giả; Tổ Diễm; Hoàng Lộc; Cao Nguyễn; Phan Cao Nguyên; Vũ Hữu Định; Tài Chung; P 2 T. Hồng; Nguyễn Phước Duy Xuyên; Kim Vân Bằng; Uyên Ca; Nguyễn Quang Bằng; Nguyễn Nhật Ánh; Phạm-Cao-Hoàng; Từ Hoài Tấn; Hoài Anh; Phạm Duy Nghĩa; Nguyễn văn Đệ; Lê văn văn Nghệ; Hà Vũ Giang Châu; Ngô Cang; Nguyễn Trọng Thịnh; Đỗ Phan Xuân; Phan Hy; Trần Tuấn Khoa; Trần Ngọc Thảo; Châu Phan; Lâm Hải Dũng; Nguyễn thị Hà Lam; Trầm Kha; Khánh Linh; Thanh Nhân; Vũ-Bội-Ngọc; Trần thị Thái Hoà; Trần Nhật Khánh; Chế văn Nguyên; Phồ Đức;

Phạm Hữu Quang; Ta Mỹ; Trinh Bửu Hoài; Quang Hoài; Lý Hằng Thiêng; Hoài Diễm Từ; Nguyễn thị Hoang Vu; Nguyễn Từ Danh; Hoàng Kiều;

Trong nhiều số Bách-Khoa gần đây vì có một vài sự trục trặc trong Tòa soạn nên mục Hộp thư thiếu vắng trên tờ báo khiến quý bạn gửi bài băn khoăn không ít. Từ số này mục Hộp thư nhận bài sẽ mở lại như thường lệ và ngay trong số tới đây những bài nào đăng được hay không sẽ xin trình bày trong mục này để quý bạn rõ. Xin chân thành cáo lỗi cùng các bạn gửi bài đã mất nhiều công trông đợi.

Tòa soạn Bách-Khoa

NHẮN TIN

Anh Ngô Sanh ở Ty Tiểu-học Nha trang nhắn tin với các bạn:

— Nguyễn - Thanh Tùng ở 23 Lương Ngọc Quyến Phan-Thiết.

— Nguyễn xuân Quyên ở Ty Tiểu học Ninh-Thuận.

— Thân trọng Lập ở Ty Tiểu-học Phú-yên.

— Trần Minh Lợi ở Ty Tiểu học Qui-nhon

— Đoàn Thanh-Tùng ở 6 Phan Bội Châu, Hội-an.

— Phạm Bùi - Sơn ở Ty Tiểu học Tuyên Đức

— Anh Phong, khóa 6 SPQN, Ty Tiểu học Đalat

— Từ Công Đức, ở Ty Tiểu học Kontum.

— Và một số đông bạn hữu ở Huế (đã có nhắn tin)

Thầy ĐOÀN-NHẬT-TẤN đang đau nặng, nếu có thể, các anh nên kết hợp các bạn cựu giáo sinh trong tỉnh mình để tổ chức những cuộc thăm viếng gia đình thầy ở Qui-nhon